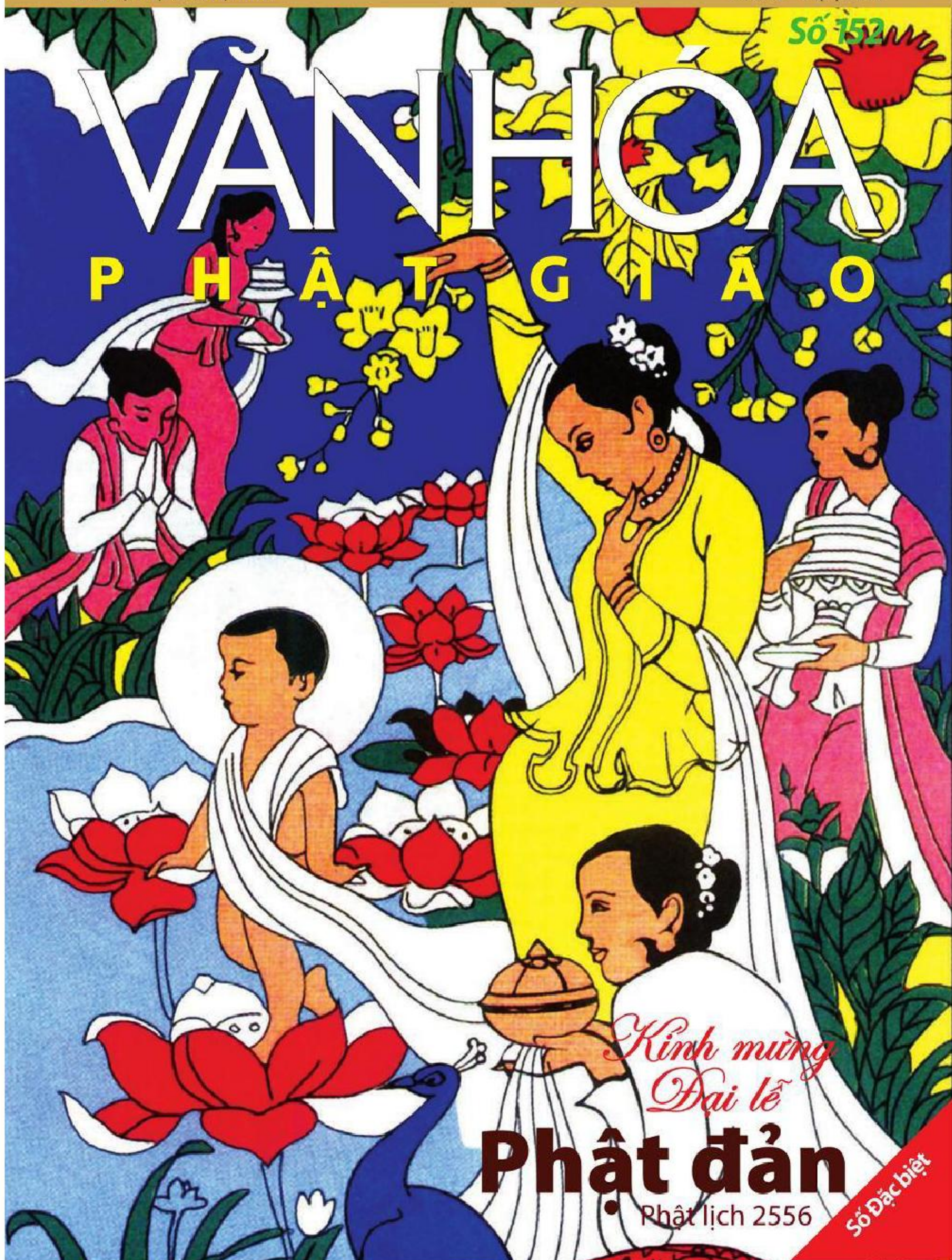


SỐ 152

VĂN HOA

P HẬT G I A O



*Kính mừng
Đại lễ*

Phật đản

Phật lịch 2556

Số Đặc biệt



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

Ngàn
năm
sau
hoa
Sen
vẫn
nở

Và
bây
giờ
Sen
đã
nở
khắp
nơi



Công đức cao dày của Mẹ hiền

Nhớ lại ngày còn ở non cao Bồng Lai, dưới mái ấm Phước Lộc Thọ, các cô nhi được Mẹ hiền bảo bọc dưỡng nuôi. Những ngày tháng ấy thật êm đềm, hạnh phúc... Theo năm tháng trưởng thành có những anh chị thiếu duyên với Phật xin Mẹ ra đời để làm người công dân tốt có ích cho xã hội, cộng đồng, còn đa phần đều noi theo gương Mẹ, chọn cuộc sống đạm bạc thanh bần của người tu phạm hạnh, đạo tâm kiên cố, góp phần tích cực cho việc phát triển Liên tông Tịnh độ Non Bồng mở rộng ngày nay với hơn 150 tự viện, am thất và đạo tràng...

Mẹ tôn quý, thanh bần mẹ chịu, cơm dưa muối mặn đạm bạc qua ngày, dành lại phần ngon cho chúng con. Mẹ vui khi thấy chúng con biết siêng năng tu tập và sống lục hòa, thỉnh thoảng cũng có anh chị nông nổi làm phiền; Mẹ ân cần dạy bảo, chỉ ra những sự sai lầm trong đường tu do nguồn cội của vô minh cần phải dứt bỏ, lời dạy vàng ngọc của Mẹ, càng nghe càng thấm; tuy chúng con là người không có lỗi cũng thấy hữu ích trong cuộc sống đối nhân xử thế.

Mẹ hiền cũng rất quan tâm chăm lo ươm mầm đạo pháp, mở trường đào tạo, phát triển Tăng tài tạo nguồn nhân lực cho Giáo hội, hoạt động đạo tràng Bát quan trai để diu dắt hàng cư sĩ tấn tu. Tình thương của Mẹ bao la như trời biển, những nơi khó khăn, ngặt nghèo do thiên tai hạn hán, dẫu chân của Mẹ hiền và hàng đệ tử đều đến san sẻ chăm lo...

Với ân đức cao dày của Mẹ hiền, sáng như vầng thái dương tỏa rạng soi đường giúp hàng hậu học noi theo: Chư Tăng Ni trẻ tự nguyện đến các vùng sâu vùng xa, miền sơn cước với nhiệm vụ sứ giả Như Lai, mở mang mối đạo, làm chỗ nương tựa tâm linh cho Phật tử và bà con lao động nghèo. Đa phần chư Tăng Ni vừa tu học vừa lao động cần cù để phủ xanh cho 80 héc-ta đồi trọc, rừng bị đốn tàn phá... Chăm sóc, dưỡng nuôi 40 cụ già neo đơn bệnh tật không nơi nương tựa, nay nhờ bóng từ bi của Quan Âm tu viện...

Hôm nay kính mừng Đại lễ Phật đản, Phật lịch 2556, khắp nơi tung bừng tổ chức lễ hội cờ hoa. Hòa trong niềm vui lớn của Phật tử bốn phương, chúng con đề đầu đánh lễ kính xin ghi lại ân đức to lớn của Mẹ hiền với lòng trân trọng biết ơn và thương mến vô vàn.

PHÁP TUỆ - MINH HIẾU
(Cảm tác)



Cổng tam quan



Chư tôn đức Liên tông Tịnh độ Non Bồng lễ tiên thường



Ni trưởng Huệ Giác, Viện chủ QATV tặng quà cho 141 người mù nhân dịp Phật đản



Sư Giác Quang ban lộc đầu năm



Sư cô chăm sóc người già neo đơn



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

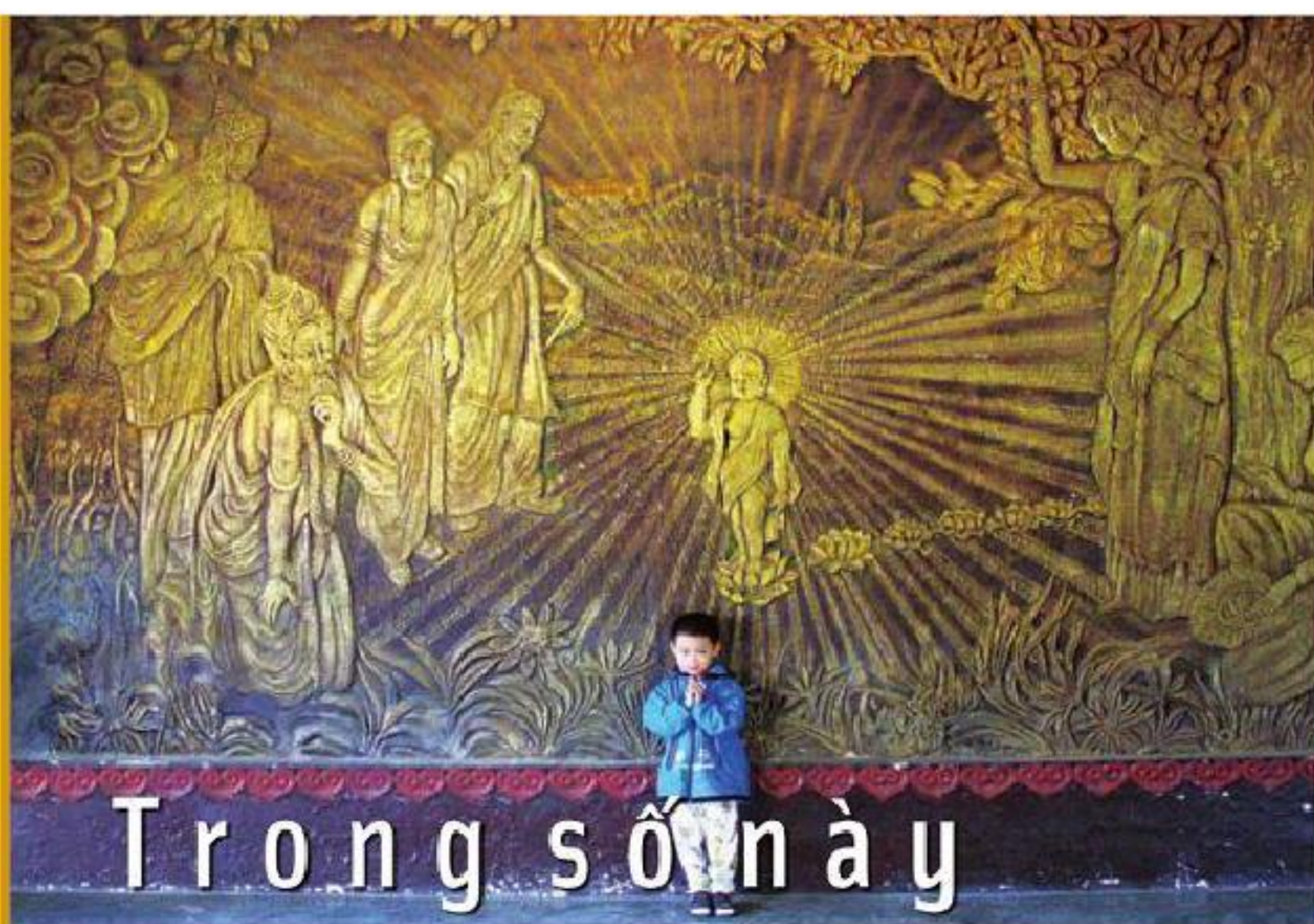
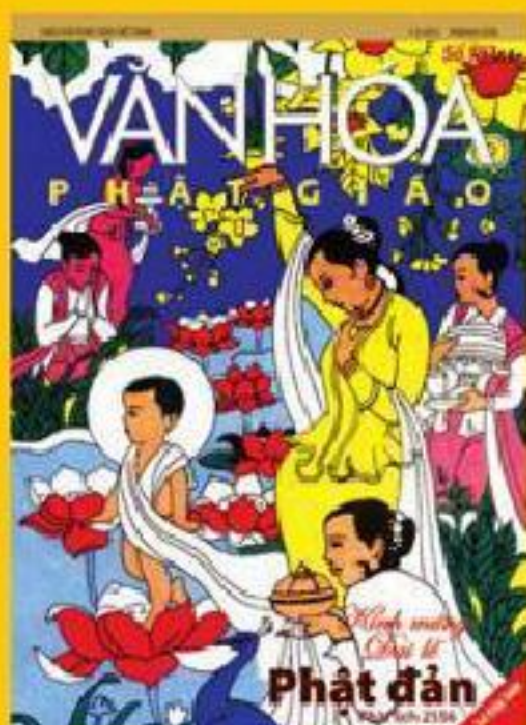
Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

VĂN HÓA
PHÁT GIÁC

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Giá: 19.000 đồng



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Trích Thông điệp của Pháp chủ	3
Diễn văn Phật đản Phật lịch 2556	4
Sương mai	6
Ý nghĩa ngày Phật đản (Thích Phước Đạt)	7
Đức Phật hiện diện giữa cuộc đời (Nguyễn Thế Đăng)	10
Con đường Giác ngộ... (Nguyễn Huy)	12
Sen Tịnh Tâm mùa Phật đản (Lê Huỳnh Lâm)	16
Một lần về lại quê Cha (Tùng Mãn)	18
Kỹ năng và phương pháp thuyết giảng (Thích Giác Toàn)	20
Phục hoạt tinh thần dẫn thân - vô úy (Nguyễn Cẩn)	24
Hợp nhất việc nghiên cứu Phật giáo với nghiên cứu và bảo tồn nền nghệ thuật Phật giáo (Lâm Hạnh Nhiên tổng hợp)	28
Bản du ca đời người (Hồ Sĩ Bình)	30
Giới thiệu sách (Chu Đăng Giang)	32
Duyên phận (Hoàng Tá Thích)	33
Chiếc lồng đèn ú (Cao Huy Hóa)	35
Vị thiền trong Chiếc lá thu phai (Lê Hải Đăng)	36
Góc nhớ cổ đồ... (Hương Giang)	38
Tâm bình thế giới bình (Võ Văn Lân)	40
Chờ ngày bão nổi (Phong Lan)	43
Ký ức trường xưa (Lê Văn Trâm)	44
Thơ	46
Tâm bảo (truyện ngắn của Hoàng Công Danh)	48
Lời cảm ơn cuộc sống	52

Bìa 1: Đản sinh. Tranh: U Sein. Nguồn: dhammaweb.net

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tháng Tư, những ngày trọng hạ, cùng với những người tin Phật trên khắp hành tinh này, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước đang hân hoan đón mừng kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh.

Cách nay 2.636 năm, tại vườn Lâm-tỳ-ni thuộc nước Ấn Độ cổ, một bậc vĩ nhân đã vì lòng thương tưởng mọi chúng sinh mà xuất sinh trong gia đình vua Tịnh Phạn xứ Ca-tỳ-la-vệ, để 35 năm sau, Ngài trở thành bậc giác ngộ, gieo rắc một niềm tin mới cho nhân gian rằng tất cả mọi người đều có khả năng thoát khỏi mọi đau khổ của cuộc đời nếu biết thực hành đúng những gì mà Ngài hướng dẫn. Ngài được loài người tôn xưng là Phật, là bậc Chánh đẳng giác, đã nhận thức đúng bản chất cuộc đời, đã nỗ lực giảng dạy cho loài người con đường mà chính Ngài thực chứng.

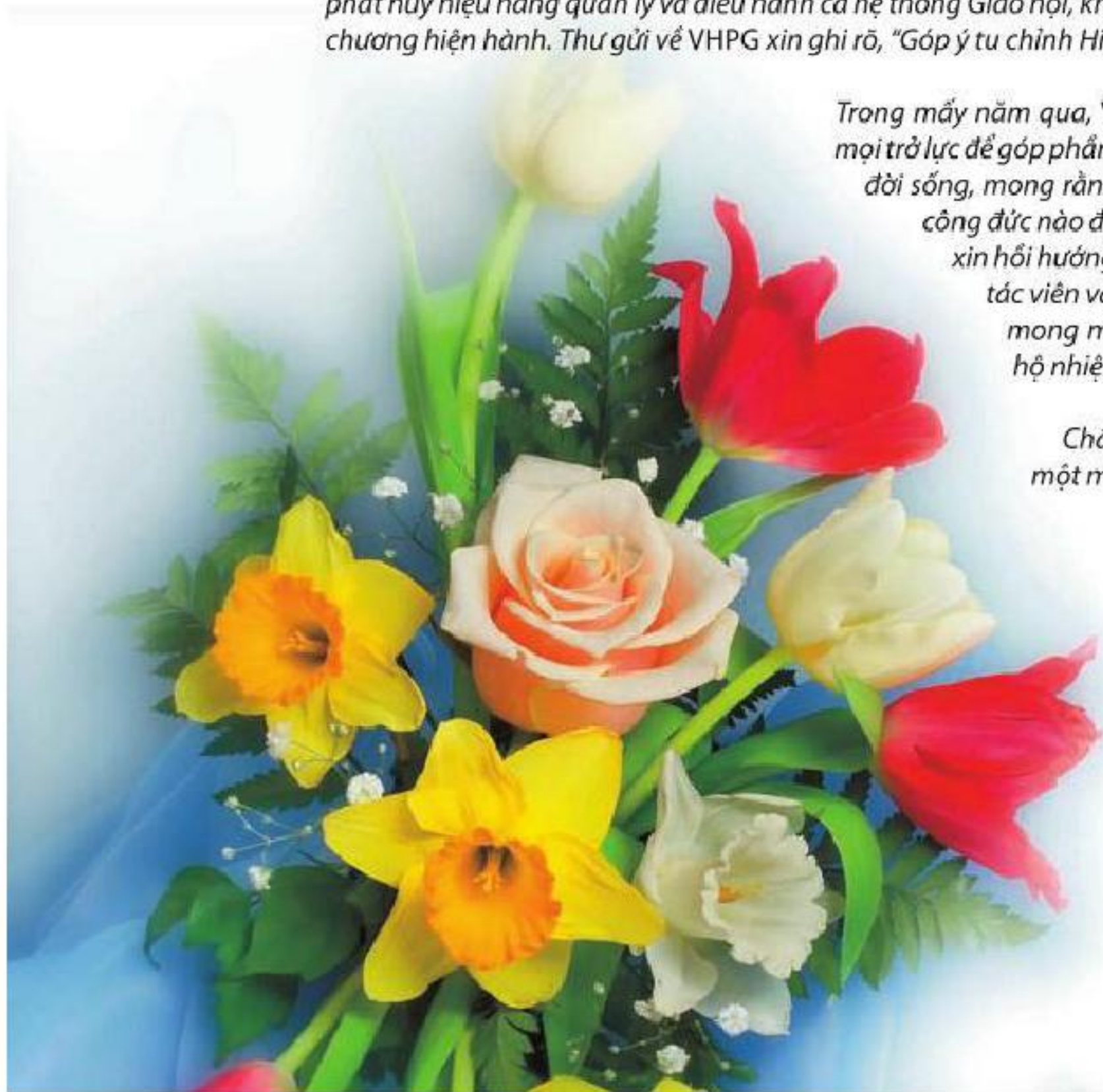
Trong những ngày này, mọi người Phật tử đều có cảm nhận như đang được tắm gội trong ánh đạo vàng tỏa ra từ kim thân của vị Phật hài nhi, tin tưởng ở năng lực giải thoát của chính mình; từ đó được thúc đẩy để nỗ lực gìn giữ cho Chánh pháp của Đức Phật mãi trường tồn, để cùng nhau góp sức xây dựng một xã hội hiền thiện dựa trên giáo pháp của Đức Phật.

Với cảm nhận ấy, chúng ta cùng đọc kỹ bài Diễn văn mừng Phật đản Phật lịch 2556 của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bài diễn văn nhắc nhở chúng ta một Phật sự quan trọng, đòi hỏi trí tuệ tập thể. Đó là việc tu chỉnh Hiến chương của Giáo hội, đã được đề cập trong Thông tư số 089/TT/HĐTS ngày 17-3-2012, hướng dẫn việc góp ý tu chỉnh Hiến chương, ấn định thời gian báo cáo tổng hợp việc góp ý về những điều cần tu chỉnh là vào ngày 1-7-2012. Để đóng góp vào Phật sự quan trọng này, Văn Hóa Phật Giáo thành kính cung thỉnh chư tôn túc và kính mời các vị nhân sĩ Phật giáo trong và ngoài nước chuyển về tòa soạn những suy nghĩ về việc tu chỉnh hiến chương. VHPG nguyện làm một kênh thông tin, đăng tải ý kiến của chư vị để rộng đường dư luận, với mong muốn có những góp ý sâu sắc nhất vào việc thay đổi một số điều khoản giúp phát huy hiệu năng quản lý và điều hành cả hệ thống Giáo hội, khắc phục những hạn chế của Hiến chương hiện hành. Thư gửi về VHPG xin ghi rõ, "Góp ý tu chỉnh Hiến chương".

Trong mấy năm qua, VHPG tiếp tục cố gắng vượt qua mọi trở lực để góp phần đưa giáo pháp của nhà Phật vào đời sống, mong rằng cũng có thể tạo được vài phần công đức nào đó. Và nếu được như vậy, chúng tôi xin hồi hướng đến chư độc giả, thân hữu, cộng tác viên và ân nhân của tờ báo. VHPG luôn mong mỏi sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của tất cả quý vị.

Chân thành kính chúc quý độc giả một mùa Phật đản đầy hạnh lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Trích
THÔNG ĐIỆP

**của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam
gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản
Phật lịch 2556 dương lịch 2012**

... Hòa chung không khí đại hoan hỷ của người con Phật trên khắp hành tinh, kính mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2556, dương lịch 2012, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi xin gửi tới chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời cầu chúc đại hoan hỷ, đại an lạc, thành tựu mọi Phật sự...

Đức Pháp chủ
Giáo hội Phật giáo Việt Nam
Trưởng lão Hòa thượng
THÍCH PHỔ TUỆ





Diễn văn

Phật đản

Phật lịch 2556

**của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự
Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

*Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni
Kính thưa quý Phật tử trong và ngoài nước*

Hôm nay, Rằm tháng Tư năm Nhâm Thìn 2012, Phật lịch 2556, Tăng Ni Phật tử Việt Nam cùng với những người con Phật trên khắp thế giới hân hoan thành kính đón mừng kỷ niệm ngày Khánh đản lần thứ 2.636 của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni. Chúng ta lắng lòng tưởng nhớ đến sự kiện hy hữu, đến đại sự nhân duyên. Dưới cội cây vô ưu vườn Lâm-tỳ-ni nước Ca-tỳ-la-vệ, Đức Phật đản sanh, bước đi bảy bước, mỗi bước có tòa sen báu đỡ chân Ngài. Đây là sự xuất hiện trên đời này của Đấng Thế Tôn, đem ánh đạo vàng đến với nhân loại. Cội cây vô ưu ấy đã không còn, vườn Lâm-tỳ-ni dần tàn rụi, nhưng chưa đầy ba thế kỷ sau, vua A-dục đã dò tìm và dựng trụ đá kỷ niệm nơi Đản sinh của Đức Phật. Đến nay, trụ đá ấy, suốt hơn 22 thế kỷ, vẫn còn sừng sững oai nghi tại thánh địa Lumbini thuộc nước Nepal hiện tại. Vô thường, đổi thay vẫn xảy ra, dù trụ đá thiêng cũng có ngày hư hoại, nhưng giáo pháp của Đức Phật trong ý nghĩa vô vi thì không thể tàn phai. Và như thế, hình ảnh đại sự Đản sinh của Đấng Từ phụ vẫn còn mãi trong lòng những người con Phật. Mặt đất rung chuyển, hoa trời tuôn rơi, nhạc trời vang lừng, bảy đóa sen thiêng và kim ngôn, “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn...”.

Nội dung 45 năm thuyết pháp của Đức Thế Tôn vẫn còn vang mãi đến ngày nay. Dù trần gian vẫn còn khổ đau vì tam độc tham sân si, dù Phật giáo cũng từng trải qua những thịnh suy, ngày nay, đạo Phật đã phát triển rộng lớn, không những ở các nước truyền thống Phật giáo ở châu Á mà còn lan tỏa mạnh mẽ trên khắp thế giới trong vận hội mới của nhân loại.

Trong gần nửa năm qua của năm cuối nhiệm kỳ VI Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, một trong những hoạt động Phật sự quan trọng nhất là các cấp Giáo hội đã nỗ lực hoàn tất kế hoạch năm năm đã đề ra và chuẩn bị tổng kết các hoạt động tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII sẽ diễn ra vào tháng 11 năm 2012 tại thủ đô Hà Nội. Đến nay, các Tỉnh, Thành hội đã khởi sự hoặc chuẩn bị khởi sự tổ chức Đại hội Phật giáo ở cấp địa phương. Đây là Phật sự quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của Đại hội toàn quốc. Hiển nhiên, vấn đề nhân sự quyết định sự thành bại của tổ chức và hoạt động Phật sự. Lục hòa, Tứ nhiếp để giữ sự đoàn kết nhất trí trong Giáo hội là tâm niệm của tất cả chúng ta. Chúng ta cương quyết không để tranh chấp, tiêu cực, bất đồng xảy ra.

Một Phật sự quan trọng nữa, đòi hỏi trí tuệ tập thể, đó là việc chuẩn bị tu chỉnh Hiến chương của Giáo hội để có thể được tổng duyệt trong Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc vào cuối năm nay. Cùng với đất nước, Giáo hội đang trên đà phát triển; hoàn cảnh cơ duyên mới của đất nước, của thời đại khiến chúng ta cần tu chỉnh một vài điểm trong Hiến chương. Giáo hội ta đạt nhiều thành tựu trong tổ chức và trong hoạt động cũng là nhờ mọi thành viên đều tuân thủ Hiến chương và sự tu chỉnh Hiến chương là bình thường và cần thiết để phù hợp với hoàn cảnh và giai đoạn phát triển. Bộ phận Thư ký Ban Tu chỉnh Hiến chương thuộc Ban Thường trực Hội đồng Trị sự cần làm việc nghiêm túc, cần thảo luận, cần lắng nghe, đúc kết ý kiến đóng góp của các cấp Giáo hội, của quần chúng Tăng Ni Phật tử để soạn dự kiến các điểm tu chỉnh trình Thường trực Hội đồng Trị sự, từ đó sẽ được thông qua trong Đại hội toàn quốc lần thứ VII.

Chúng ta có Pháp, có Luật của Đức Bốn sư để lại. Ngài từng dạy, *Này các Tỳ-kheo, từ khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến khi Như Lai nhập Vô dư Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, tuyên bố, nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy được gọi là Như Lai*. Và *"Này các Tỳ-kheo, Như Lai nói gì thì làm vậy, nên được gọi là Như Lai"*. (Kinh Phật thuyết như vậy). Đức Phật đã xuất hiện ở đời, đã chứng đắc Đại giác, đã giảng pháp cao thượng, đã thành lập Tăng-già, đã chứng nhập Niết-bàn, Ngài đã làm tất cả vì thương tưởng cho đời. Ngài dạy, *"Này Cunda, những gì bậc Đạo sư đã làm vì hạnh phúc của loài người, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm xong vì lòng thương tưởng cho các người. Này Cunda, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà thanh tịnh. Này Cunda, hãy thiền định, chớ phóng dật. Về sau chớ hối tiếc. Đó là giáo huấn của Ta cho các người"* (Trung Bộ kinh, Kinh Sallekha, số 8). Chúng ta hiểu những gốc cây ở đây chỉ cho sự thanh bần, giản dị trong nếp sống, trong tu tập; những ngôi nhà thanh tịnh là chỉ cho thiền định, cho sự hòa hợp giữa những người con Phật, cho sự tĩnh lặng của tâm thức.

Đức Bốn sư đã ra đời, đã làm những gì cần làm, và đã để lại Pháp và Luật cao thượng cho chúng ta. Những gì còn lại là phần của chúng ta, tức là thực hiện theo Pháp và Luật ấy để tiến đến giải thoát tối hậu. Ngài đã khuyên dạy, *"Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khi các Thầy hướng đến mục đích sa-môn hạnh, chớ từ bỏ mục đích này khi đang còn nhiều việc phải đáng làm"* (Kinh Trung Bộ, Đại kinh Xóm ngựa, số 139).

Tinh tấn trong thiền định, trau dồi đạo hạnh, chuyên cần trong tu học, giản dị trong nếp sống, tích cực trong việc xây dựng Giáo hội, phát triển đạo pháp, đóng góp cho hạnh phúc an bình thịnh lạc cho đất nước và cho mọi chúng sinh phải là bốn phận, trách nhiệm của mỗi chúng ta. Trong niềm cảm ứng tương như đang được tắm gội ánh đạo vàng tỏa từ kim thân của Đức Bốn sư, đáng Từ phụ, tôi chân thành kính chúc chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và các Phật tử trong và ngoài nước một mùa Phật đản an lạc, một năm thắng lợi trong các hoạt động vì Đạo vì Đời.

Xin cảm ơn chư liệt vị.

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

**Này Sela,
Ta chuyển bánh xe Pháp,
Bánh xe Pháp vô thượng.
*Kinh Sela,
tuyển tập Trung Bộ kinh***

Ý nghĩa ngày Phật đản

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Mỗi năm đến ngày Lễ Phật đản, người con Phật đều ôn lại lịch sử của Đức Bốn sư để chiêm nghiệm và hành trì. Từ khi Đức Bốn sư nhập Niết-bàn cho đến nay, hàng trăm nghìn quyển sách, thơ ca, huyền thoại đã được sáng tác để ca ngợi Ngài. Nhưng tất cả mọi lời tán thán, ca ngợi dù cho hay đẹp đến đâu, cũng không thể ngang cỡ con người hoàn thiện đó, hoàn thiện đến mức nhân loại đã suy tôn Ngài là bậc thầy của loài Trời và loài Người, là bậc tôn quý nhất trong cõi thế.

Thiết nghĩ cách tán thán và ca ngợi Ngài tốt đẹp nhất, làm vui lòng Ngài nhất có lẽ là học tập Ngài, cố gắng tối đa sống theo lời Ngài chỉ dạy, đi theo con đường Ngài đã đi. Đó là con đường Bát chánh đạo, con đường Giới, Định, Tuệ. Con đường lấy giới, nếp sống đạo đức làm căn bản. Giới tức là 5 giới, 10 thiện đối với người tu tại gia; 10 giới đối với Sa-di; 250 giới đối với hàng Tỷ-kheo; 350 giới đối với hàng Tỷ-kheo ni.

Người Phật tử tại gia sống theo 5 giới, 10 thiện, người Phật tử xuất gia sống theo 10 giới, 250 giới và 350 giới... chính là những người "kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai một cách tốt đẹp nhất", bởi vì giữ giới nghiêm túc là thanh tịnh như vậy là "thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chân chính trong chánh pháp, hành trì chánh pháp và tùy pháp", và "Đó là sự cúng dường tối thượng đối với Như Lai", như Phật đã dạy trong Kinh Niết-bàn.

Giới, Định, Tuệ là ba môn học cơ bản của đạo Phật. Phật tử chúng ta, dù tại gia hay xuất gia, không được thiên trọng bên nào. Giữ giới mà không tu định, tu tuệ thì chỉ hưởng được phúc báo sanh lên cõi Trời hay trở lại làm người, với chánh báo y báo tốt đẹp, thù thắng; điều đó vẫn chưa phải là đạo giải thoát giúp vượt khỏi biển khổ sống chết luân hồi. Nhưng nếu tu định mà không kết hợp với giữ giới, sống đạo đức, thì dễ lạc vào ma cảnh, mãi mê với các chứng bệnh gọi là Thiên bệnh; và nếu tu tuệ mà không giữ giới tu phúc, thì chỉ đạt được trí tuệ thế gian, hay là trí tuệ khô cạn, không được thấm nhuần dòng nước tươi mát của phúc đức.

Đúng như Đức Phật từng dạy trong Kinh Đại Bát-niết-bàn: "Đây là giới, đây là định, đây là tuệ. Định cùng tu với giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn..."

Trong truyền thống Phật giáo Việt Nam, Trần Thái Tông là một vị vua có bản lĩnh của một thiền sư. Tuy vua chuyên nghiên cứu về Thiền và giảng dạy Thiền, nhưng vua rất coi trọng đạo đức và giới luật. Trong "Thọ giới luận", vua dẫn bài luận này như sau: "Giới như mặt đất bằng, mọi điều thiện từ đó sinh ra, giới như thầy thuốc giỏi, chữa được các loại bệnh, giới như ngọc minh châu, phá tan mọi tối tăm, giới như thuyền bè, vượt qua biển khổ. Giới như chổi ngọc, trang nghiêm pháp thân v.v." (Khóa hư lục).

Giới luật Phật giáo có hai công năng: ngăn ác, làm thiện. Đúng như câu kệ 183 của Kinh Pháp Cú nói: "Không làm mọi điều ác, Thành tựu mọi hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch, Chính lời chư Phật dạy".

Đạo đức của đạo Phật phân biệt rõ ràng thiện và ác. Gần đây, có một số ít người, chịu ảnh hưởng của thuyết hoài nghi phương Tây, cho rằng thiện và ác rất khó phân biệt, thậm chí họ còn nói: Cực ác là thiện và cực thiện là ác.

Phật tử chúng ta không thể có quan niệm sai lầm như vậy. Đối với chúng ta, hành vi thiện hay ác là rõ ràng minh bạch: Sát sanh là ác. Phóng sanh là thiện, hiếu sanh là thiện. Lấy của không cho là ác, bố thí là thiện. Tà dâm, sống tà hạnh là ác, sống chánh hạnh là thiện. Nói dối là ác, nói chân thật là thiện. Nói chia rẽ là ác, nói đoàn kết là thiện. Nói lời ác là ác, nói lời dịu hiền dễ nghe là thiện. Nói lời vô nghĩa, không đúng thời là ác, nói lời có ích, nói đúng thời là thiện. Tham là ác, không tham là thiện. Sân là ác, không sân là thiện. Tà kiến là ác, không tà kiến là thiện. Trên đây là 10 điều thiện và 10 điều ác theo Phật giáo. Sự phân biệt là rõ ràng dứt khoát. Đức Phật đã từng sử dụng một loạt hình ảnh thí dụ sinh động để phân biệt ranh giới giữa thiện và ác: "Thật là xa thật xa, khoảng cách giữa mặt đất và bầu trời. Thật là xa, thật xa, khoảng cách giữa bờ biển bên này và bờ biển bên kia. Thật là xa, thật xa,



khoảng cách giữa nơi mặt trời lặn và nơi mặt trời mọc. Nhưng còn cách xa, cách xa hơn nữa là pháp của người thiện và pháp của kẻ ác".

Theo đạo Phật, thiện hay ác là thiện ác từ trong tâm, trong ý nghĩ, ngay khi tâm ấy, ý nghĩ ấy chưa bộc lộ thành lời nói và hành động nơi miệng và thân. Vì từ trong tâm khởi lên ý nghĩ ác mà chúng ta không ngăn chặn kịp thời thì lời nói và hành động ác sẽ nối tiếp ngay theo sau, dẫn tới quả khổ không thể tránh. Nhưng đối với Phật tử chúng ta, hằng ngày tu tập tâm, quan sát tâm, phòng hộ tâm, bất cứ một ý nghĩ nào bất

thiện khởi lên, đều lập tức bị đoạn trừ... Dần dần tâm ý chúng ta trở nên thuần thiện, trong sáng. Tâm thiện thì cuộc sống an lạc và hạnh phúc. Tâm sáng thì thấy được sự vật như thật, thấy được chân lý, thấy đạo. Nên biết cái gì làm cho tâm chúng ta không được định tĩnh và mờ tối. Đó chính là những dục vọng thấp hèn, đó là các ý nghĩ, lời nói và hành động bất thiện. Nếu chúng ta nhờ tu tập mà xa lìa được dục, xa lìa được các pháp bất thiện thì tâm chúng ta sẽ sáng chói và định tĩnh.

Nếu mỗi cá nhân đều nhận thức được tất cả những nguy hại của dục vọng và pháp bất thiện thì mỗi cá



nhân đều có thể nhàm chán và vĩnh viễn xa lìa chúng. Vai trò nhận thức đó thuộc về trí tuệ. Đó gọi là trí giới kết hợp với tu tuệ thì sẽ được quả lớn, lợi ích lớn. Muốn đoạn trừ được các dục, bắt nguồn từ tham, sân, si, người con Phật phải biết dựa vào lời Phật dạy, tìm hiểu bản chất của các dục là như thế nào, và tác động của chúng ra sao đối với thân tâm. Đức Phật thừa nhận vị ngọt của các dục, tức là niềm vui mà một dục vọng được thỏa mãn tạm thời đem lại cho chúng ta. “*Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt của các dục?... Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, các hương do tỷ căn nhận thức,*

các vị do thiệt căn nhận thức, các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý hấp dẫn...” (Đại kinh Khổ uẩn, số 13, Kinh Trung Bộ).

Như vậy là đạo Phật thừa nhận, khi năm giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc với ngoại cảnh, như sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì có thể nảy sinh ra những cảm thọ hỷ lạc, ưa thích với mức độ khác nhau. Đức Phật gọi đó là vị ngọt của các dục. Nhưng ngay sau đó, Đức Phật phân tích sự nguy hiểm của các dục: “*Do lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên mà một người phải trải qua bao nhiêu gian khổ để có được tài sản, phải chống đỡ lạnh, chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói, chết khát*” (Trung Bộ kinh, dẫn trên).

“*Người ấy, nếu nỗ lực như vậy, siêng năng như vậy, mà kết quả không có gì, người đó sẽ buồn phiền than khóc, đấm ngực, mê man bất tỉnh. ‘Ồ! Sự nỗ lực của ta thật là vô ích, sự siêng năng của ta thật sự không kết quả. Này các Tỷ-kheo, đó là sự nguy hiểm của các dục’*” (Trung Bộ kinh, dẫn trên).

Rồi Phật tiếp tục phân tích trường hợp người ấy thu thập được tài sản lớn, nhưng lại phải lao tâm khổ trí để bảo vệ số tài sản đó “*Làm sao để các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, và kẻ thừa tự không xứng đáng phung phí phá phách v.v.*”. Và mặc dù tài sản được phòng hộ rất kỹ lưỡng như thế, nhưng cuối cùng vẫn bị mất mát, thế là người đó lại một phen nữa khổ não, buồn phiền, than khóc, vì của cải đã bị mất. Nói tóm lại, chưa có tài sản cũng khổ, có rồi cũng khổ, mất tài sản đi cũng khổ. Đó là cái khổ của dục vọng muốn có nhiều tài sản.

Đối với các loại dục vọng khác như vẻ sắc đẹp, vẻ danh vọng, vẻ ăn uống, ngủ nghỉ, tình hình đại loại cũng như vậy. Vì dục vọng nguy hiểm như vậy, nên Đức Phật khuyên mọi người phải biết xuất ly các dục, sống nếp sống biết đủ, ít ham muốn, thay thế vị ngọt tạm bợ và thấp hèn của dục bằng niềm vui lâu bền, chân thực của ly dục, đảm bảo cho chúng ta một trạng thái tâm hồn an nhiên, tự tại, hài hòa.

Hãy sống thiện đối trị các pháp bất thiện, hãy sống thiếu dục, tri túc để đoạn trừ dục vọng. Đó là lời khuyên của Đức Phật. Hãy tìm đến nguồn vui cao cả và bất tận của một nếp sống đạo đức như vậy. Hãy biết nhàm chán những thú vui thấp hèn của năm dục, vị ngọt ít, khổ não nhiều; vì như Đức Phật đã dạy trong kinh Tăng Chi Bộ, “*Thú vui như phân*”.

Để tán thán một cách tốt đẹp nhất Đức Bốn sư chúng ta, nhân ngày Lễ Phật đản năm nay, mỗi người con Phật hãy một cách có ý thức, sống theo nếp sống chói sáng của đạo đức Phật giáo, sống trong trắng như núi tuyết, như mặt trăng không mây che. “*Ài dùng các hạnh lành, Làm xóa mờ nghiệp ác, Sẽ chói sáng đời này, Như trăng thoát mây che*” (Kệ 173, Kinh Pháp Cú). ■

Đức Phật

hiện diện giữa cuộc đời

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Là những người bình thường, kinh nghiệm tâm linh thì ít ỏi và nhỏ bé, nhưng chúng ta có thể nhờ kinh luận mà cố gắng hình dung ở nơi các vị thánh, dù ở tầng thánh thấp nhất, Đức Phật hiện diện nơi các vị đó như thế nào.

Các vị thấy rõ con đường Phật đạo, con đường Đức Phật đã từng khéo đi (Thiện Thệ), đã chỉ bày, và các vị thường xuyên bước trên đó; con đường đúng tốt đẹp ở chặng đầu, chặng giữa, và chặng cuối cùng. Các vị thường tụng đọc kinh, tâm các vị tương ứng được với từng câu kinh, an lạc trong từng câu kinh. Các vị thật sự biết cái gọi là tự do giải thoát và an lạc là thế nào, nên thân khẩu ý của các vị thường tương ứng với tự do giải thoát và an lạc. Các vị thấy rõ sự Khai Thị Ngộ Nhập của Đức Phật, thấu hiểu Đại Sự Nhân Duyên mà vì đó Đức Phật ra đời và giảng nói. Khi trực tiếp ngộ nhập cái đại sự nhân duyên ấy, làm sao các vị không tin Phật Pháp Tăng là thường trụ? Chắc chắn là không thể hình dung và diễn tả nổi con đường của các vị, con đường phong phú, bao la và sâu thẳm của Phật tánh Thường Lạc Ngã Tịnh.

Chúng ta chỉ nói sơ lược như thế, vì chúng ta không thể biết đời sống của các vị. Chúng ta chỉ hình dung, để bắt chước, để phấn đấu nỗ lực. Ở đây, chủ yếu chúng ta nói về những người bình thường chúng ta, Đức Phật hiện diện giữa cuộc đời bình thường của chúng ta.

Chúng ta luôn luôn thấy sự hiện diện của Đức Phật, những công trình, những sự vật do sự giác ngộ và công hạnh của Đức Phật ở quanh ta. Thỉnh thoảng hay thường xuyên chúng ta đi chùa. Nếu Đức Phật không ra đời, liệu chúng ta có chùa để đến, có tượng Phật để lễ lạy, có hương để cắm hay không. Thỉnh thoảng chúng ta mua một cuốn sách Phật giáo để đọc, nếu không có Đức Phật liệu chúng ta có biết gì về trí huệ và từ bi của chính chúng ta hay không. Có lẽ ngày nay nhiều người đeo trên thân một chuỗi, một tượng Phật, một biểu tượng Phật giáo nào đó để được an tâm, được bảo vệ, được ban phước. Nếu không có Đức Phật ra đời, chúng ta có những đồ vật thiêng liêng ấy để đeo hay không. Khi chấp tay chào nhau bằng Mô Phật, có phải chúng ta đang thừa hưởng

công đức và trí huệ của Đức Phật đã tích tập từ nhiều kiếp hay không. Trước một hành động, chúng ta biết xem xét đúng sai, tốt xấu theo luật nhân quả, có phải chúng ta đang làm theo lời dạy của Ngài hay không.

Nhìn vào các chùa chúng ta càng thấy rõ hơn nữa. Nếu không có Đức Phật và các đệ tử trực tiếp của Ngài, và từ đó những dòng truyền thừa phát xuất từ Ngài, thì các vị Tăng đã không có y để mặc, không có chùa để ở, không có những phương pháp để thực hành, thậm chí không có cả một cái tên, một pháp danh.

Tất cả những gì đúng, tốt, đẹp chúng ta đang có đây là do sự tích tập công đức và trí huệ của Đức Phật trong rất nhiều kiếp và công sức thực hành và hoằng hóa của các đệ tử về sau của Ngài. Không có Ngài và các đệ tử, chúng ta vẫn sống, nhưng chúng ta không thể tự nâng mình lên khỏi sự sống bản năng và vô minh của một loài sinh vật bình thường. Chúng ta, và có lẽ cả loài người, cần phải biết ơn, khi đã có được trong từ vụng của mình những chữ như giác ngộ, giải thoát, vô minh, con đường đạo...

Ngày nay đi đâu trên thế giới chúng ta cũng gặp những hình ảnh của Đức Phật, những tu viện duy trì cách thức sống Giới Định Huệ an lạc của Đức Phật, những đồ vật nhỏ nhất có được từ cảm hứng đối với Đức Phật. Đạo Phật là tôn giáo xưa nhất, thọ mạng lâu dài nhất còn tồn tại với loài người. Đó là do sự tích tập công đức và trí huệ của Đức Phật trải qua ba vô số kiếp. So sánh đại thể với các tôn giáo khác, không có tôn giáo nào gồm đủ cả ba cái, niềm tin, trí huệ và từ bi. Bởi thế đạo Phật đáp ứng toàn diện cho mọi nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.

Chúng ta thử nhìn xem tuổi thọ của hai triều đại Lý Trần rực rỡ nhất, chính nghĩa nhất, mỗi triều đại cũng chỉ được trên dưới 200 năm. Chúng ta thử nhìn xem những chủ thuyết triết học sống được bao nhiêu thập kỷ? Một hệ hình (paradigm) khoa học kéo dài được bao lâu thì bắt đầu thay đổi?

Đạo Phật tồn tại và phát triển đến ngày nay là do sự thực hành công đức và trí huệ của Đức Phật trải qua vô số kiếp. Đức Phật là một dòng sông đã bứt phá qua sa mạc



của thân phận nhân loại để chảy hòa vào đại dương công đức, trí huệ và từ bi của các Bậc Chiến Thắng. Đã thế, dòng sông mệnh mông bất tận đó luôn luôn có sự nhập dòng của các nhánh nhỏ khác chảy vào: những bậc thánh của đạo Phật qua mọi thời đại. Đó là một dòng sông chảy mãi với số phận của tất cả chúng sanh.

Ngoài ra, dòng sông ấy còn được biết bao rãnh nước, biết bao giọt nước của những người bình thường như chúng ta đổ vào, thấm vào suốt 2.600 năm nay. Ai bảo một buổi thiền định, một thời tụng kinh, một câu niệm Phật... không phải là một giọt nước thấm vào dòng sông bất tận mà chúng ta gọi là Phật giáo?

Đạo Phật có mặt trên đời và phát triển như thế bởi vì mỗi người chúng ta đều có một hình ảnh giác ngộ của một con người đã giác ngộ.

Hơn nữa, mỗi một người chúng ta đều có một con người giác ngộ ở trong lòng, một đạo Phật ở trong lòng, một Phật tánh ở nơi đáy của thân tâm: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành." Phật tánh ấy là nhu cầu tối hậu của chúng ta, nghĩa là đạo Phật, con đường đi đến, phương pháp khai triển Phật tánh ấy, là nhu cầu tối hậu của chúng ta.

Cho nên bất cứ khi nào chúng ta làm một điều tốt, lúc đó chúng ta đang ở trên con đường đạo Phật. Bất cứ khi nào chúng ta tìm kiếm hiểu biết, dù hiểu biết trong bất cứ lĩnh vực nào, lúc đó chúng ta đang tiếp cận với ánh sáng trí huệ của đạo Phật. Bất cứ lúc nào

chúng ta phát khởi được tình thương vô ngã, lúc đó chúng ta đang ở trong đại dương từ bi của chư Phật, đang chia sẻ một tâm từ bi của chư Phật, dù đó chỉ là sự chia sẻ của một giọt nước biển. Bất cứ khi nào chúng ta sống vì lợi lạc của người khác, lúc ấy chúng ta đang sống trong biển đại nguyện của chư Phật.

Hạnh phúc thay cho chúng ta khi thấy mình luôn luôn sống trong đạo Phật. Hạnh phúc thay cho chúng ta khi thấy mình luôn luôn sống trong ơn nghĩa của Đức Phật.

Sống như vậy, rồi có một ngày nào chúng ta sẽ cảm thấy thực sự ơn nghĩa ấy như ngài A-nan và thốt lên lời thệ nguyện như ngài đã từng làm. Lời thệ nguyện của ngài A-nan chúng ta vẫn tụng đọc mỗi sáng. Ở đây chỉ trích ra một đoạn đầu tiên. Đó là lời thệ nguyện kim cương, lời thệ nguyện hạnh phúc của người con Phật:

*Diệu trạm tổng trì Bất Động Tôn
Thủ Lăng Nghiêm Vương đời ít có
Tiêu diễn đảo tướng trong ức kiếp
Chẳng trải tăng kỳ được Pháp thân.
Nay nguyện đắc quả thành Bảo Vương
Về độ như thế hằng sa chúng
Đem thân tâm phụng sự nhiều cõi
Thế mới gọi là báo Phật ân.
Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho
Đời ác năm trước thệ vào trước
Như một chúng sanh chưa thành Phật
Rốt chẳng nơi kia nhận Niết-bàn... ■*

Con đường Giác ngộ...

NGUYỄN HUY

"Trên sân ga thành phố Đại học Gorakhpur ở Bắc Ấn, ta có thể thấy ngoài số du khách Ấn Độ, còn có du khách đến từ Nhật Bản, Sri Lanka, Thái Lan, Miến Điện cũng như đoàn người Tây Tạng tha hương và du khách Tây phương nữa. Họ là những người chiêm bái, trên đường đi viếng nơi Đức Phật đản sanh tại Lumbini và nơi Ngài diệt độ tại Kusinara".

Đó là cảnh khách hành hương chiêm bái Phật tích mà H.W. Schumann từng chứng kiến và phác họa lại lúc ông viếng thăm Ấn Độ. Giao thông thuận tiện cộng với đức tin tôn giáo, dĩ nhiên, đóng vai trò quan yếu trong các cuộc hành hương xứ Phật. Mặt khác, sự căng thẳng và trống vắng nội tâm của cuộc sống hiện đại khiến ngày càng có nhiều người tìm đến chiêm bái các thánh tích Phật giáo. Người ta cảm thấy tâm hồn như được bình an hơn khi có dịp tiếp xúc với những gì khiến gợi nhớ về Đức Phật. Hơn 2.500 năm sau, một khách hành hương bộc lộ cảm xúc của mình khi viếng thăm các địa danh từng in dấu chân bậc Đại từ:

"Tôi bước chậm rãi trong Kỳ-viên (Jetavana) trên con đường hẹp tráng xi-măng mà bây giờ đã sạch bóng sau cơn mưa và nhận ra rằng lòng mình lúc nào cũng bình an khi đến các thánh địa. Ở đây, tôi cảm nhận một không khí thuần tịnh, ở Vesali một khí sắc vương giả, ở Bodhi Gaya một tâm tư kính sợ, ở Linh Thụ một lòng cảm động vô hạn, ở Câu-thi-na một khí lực mát lạnh buồn bã, ở Lộc Uyển một lòng hân hoan. Nhưng ở mọi nơi, lòng bình an luôn luôn chan hòa trong mọi cảm nhận, nó làm nền cho chúng phát khởi".

Đức Thích-ca Mâu-ni xuất hiện ở Ấn Độ thế kỷ thứ sáu trước Tây lịch đã để lại cho nhân thế một di sản tâm linh vô cùng cao quý. Đó là sự xác chứng rõ ràng về tiềm năng giác ngộ của con người và phương pháp khiến cho tiềm năng ấy bộc lộ và tuôn chảy. Đức Phật là bậc giác ngộ, có sức cảm hóa và phương pháp dẫn dắt thiện xảo khiến cho người khác tràn đầy tin tưởng và sẵn sàng đi theo con đường của Ngài. T.W. Rhys Davids nói rằng đặc điểm nổi bật của Phật Gotama là Ngài không chỉ tìm kiếm Niết-bàn hay an ổn nội tâm cho



riêng mình mà còn kêu gọi người khác thực nghiệm nó, và Ngài có đủ khả năng để giúp cho người khác hiểu rõ, ước muốn, và chứng ngộ điều đó². Các bản kinh Nikàya thuộc văn hệ Pàli lưu lời khuyến khích của Ngài: “Các người hãy lắng tai, Pháp bất tử đã chứng được. Ta sẽ giảng dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu sống đúng theo lời khuyến giáo, các người không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, sẽ an trú.” Trong tâm tưởng các đệ tử Ngài: “Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ mọi người... Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để mọi người vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để mọi người chứng Niết-bàn.”³

Sự giác ngộ từ vị trí một con người

Sự kiện giác ngộ của Đức Phật ở Gaya Ấn Độ thế kỷ thứ sáu trước kỷ nguyên Tây lịch có một ý nghĩa và ảnh hưởng lớn lao đối với các truyền thống văn hóa và tâm linh của nhân loại. Sự chứng đắc Phật quả của Ngài không chỉ mở ra một chân trời hoàn toàn mới mẻ và sáng sủa cho truyền

thống tâm linh vốn nổi tiếng của Ấn Độ, mà còn ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài đến các truyền thống tâm linh và nhiều nền văn hóa khác trên thế giới. Sự kiện từ rất sớm các vương triều Trung Hoa từng phái người sang Tây Trúc cầu đạo và hàng loạt các tu sĩ Phật giáo Trung Hoa không ngại gian nan băng rừng vượt núi sang Ấn Độ tu học Phật pháp đã chứng minh điều đó. Trung Quốc có lịch sử văn minh xa xưa không thua gì Ấn Độ và về nhiều phương diện còn vượt cả văn minh Ấn Độ. Thế nhưng về mặt thực nghiệm tâm linh thì phải nói là kém Ấn Độ một bậc. Nhân thế cũng cần nói thêm rằng người Trung Hoa đã vay mượn truyền thống tâm linh Phật giáo kết hợp với văn minh bản xứ để tạo nên nhiều kỳ tích văn hóa vượt trội. Việt Nam từ rất sớm đã khéo tiếp thu truyền thống tâm linh và tinh thần tự chủ Phật giáo nên đã nuôi dưỡng được ý chí độc lập tự cường, tránh được nạn bị đồng hóa bởi các thế lực xâm lăng phương Bắc.

Ấn Độ có truyền thống tâm linh lâu đời nhưng chỉ thật sự tỏa sáng sau sự kiện thái tử Siddhattha, người con ưu tú của kinh thành Kapilavatthu, trở thành bậc Giác ngộ. Đức Phật Gotama là người đầu tiên trong lịch sử xác tín với cuộc đời về khả năng giác ngộ của con người bằng chính sự nỗ lực và trí tuệ của mình. Bản kinh Ariyapariyesana Trung Bộ ghi nhận:

“Rồi này các Tỷ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Và trí và kiến khởi lên nơi Ta. Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.”⁴

Không có một văn bản nào trong các thánh thư trước đó của Ấn Độ xác nhận mạnh mẽ và chính xác về sự giác ngộ của một con người cụ thể như đoạn kinh trên. Rõ ràng, việc Đức Phật tự thân tu tập và thành tựu mục tiêu giải thoát tâm linh là một sự kiện lớn và cũng là bằng chứng xác thực và hùng hồn nhất để bậc Giác ngộ xác lập đường hướng chuyển hóa tâm linh cho cuộc đời một cách đầy thuyết phục. Từ đây vai trò khai sáng tâm linh không còn là đặc quyền của tôn giáo thần thánh nữa mà đã hoàn toàn thuộc về con người và ý chí của con người. Kinh sách Phật giáo mô tả rằng đại địa đã chấn động, tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động mạnh trước sự kiện giác ngộ của Đức Phật. Chúng ta ngày nay không cảm nhận được hiện tượng siêu nhiên lạ thường này, nhưng các cứ liệu còn lưu lại cho thấy đức tin truyền thống Ấn Độ đã dao động mạnh trước sự kiện Đức Phật khẳng định sự giác ngộ của Ngài. Có một hệ quả hết sức to lớn đối với đời sống tinh thần Ấn Độ chung quanh lời tuyên bố giác ngộ của Đức Phật, nếu ta xét qua bối cảnh lịch sử các truyền thống tôn giáo và tư tưởng của xứ sở này.

Đức tin tôn giáo và khát vọng giải thoát tâm linh của người Ấn bộc lộ rất sớm và rất mạnh mẽ. Sự xuất hiện rất sớm các bản kinh Vệ-đà, tiếp theo Bà-la-môn giáo, sang đến tư tưởng triết học Upanisad, rồi đến các phong trào Sa-môn trong suốt một dọc dài của lịch sử Ấn Độ cổ đại đã cho thấy điều đó. Mặc dù có các truyền thuyết và đức tin, các truyền thống tín ngưỡng và tâm linh trước đó của Ấn Độ chưa sẵn sàng để tiếp nhận một sự kiện mới mẻ như sự giác ngộ của một con người bằng xương bằng thịt. Truyền thống Bà-la-môn có nói đến bậc Chánh đẳng giác (*Sammāsambuddha*) với những mỹ tướng lạ thường nhưng hãn hữu lắm mới xuất hiện ở đời⁵. Chính đức tin này đã khiến ẩn sĩ Asita tiên đoán thái tử Siddhattha sẽ xuất gia thành bậc giác ngộ⁶. Một vài vị Bà-la-môn khác cũng tò mò muốn biết Đức Phật có thật sự sở hữu 32 hảo tướng hay không⁷. Truyền thuyết và đức tin là thế nhưng phần lớn các Bà-la-môn danh tiếng mà Đức Phật đã có dịp gặp gỡ và trao đổi đều thừa nhận rằng “không một vị tôn sư nào của các Bà-la-môn, cho đến bây giờ, thật sự được xem là đã chứng đạt mục tiêu cứu cánh giác ngộ”⁸.

Như vậy, dưới con mắt các phả hệ Bà-la-môn thì Phật hay bậc giác ngộ chỉ có ở truyền thuyết và đức tin mà chưa hề hiện hữu dưới hình thức một con người. Có lẽ vì thế mà khi trông thấy dấu chân của Đức Phật có mỹ tướng xa luân, Bà-la-môn Dona không tin Ngài là một con người:

- *Thưa Sa-môn, Ngài là Tiên, Càn-thát-bà hay Dạ-xoa chăng?*

- *Ta không phải là Tiên, Càn-thát-bà hay Dạ-xoa, này Bà-la-môn.*

- *Vậy Ngài là ai, thưa Sa-môn?*

- *Này Bà-la-môn, Ta là người, với các lậu hoặc đã đoạn tận... Ví như, này Bà-la-môn, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật.⁹*

Upanisad xuất hiện khoảng thế kỷ thứ chín trước Tây lịch, được xem là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ đầu tiên của truyền thống tư tưởng tâm linh Ấn Độ, từ hình thái tín ngưỡng thuần túy bước sang tư duy triết học thực nghiệm. Một số triết gia xuất hiện vào thời kỳ này để lại nhiều tác phẩm tư tưởng rất nổi tiếng. Tuy vậy, không một nhân vật nào của thời kỳ Upanisad được xem là đã thành tựu đạo quả giác ngộ. Đến lượt các phong trào Sa-môn xuất hiện khoảng thế kỷ thứ bảy trước Tây lịch, tuy có nhiều dấu hiệu cho thấy sự khao khát tìm cầu tâm linh nhưng không có một bậc đạo sư nào được ghi nhận đã chứng Chánh đẳng giác. Có một câu chuyện¹⁰ chép ở *Tương Ưng Bộ* chứng thực sự kiện này. Vua Pasenadi nước Kosala trước lúc quy ngưỡng Tam bảo, từng dò hỏi Đức Phật:

- *Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?*

- *Thưa Đại vương, nếu có ai có thể nói một cách chơn*

chánh là mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- *Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn là vị hội chủ, vị giáo trưởng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như ngài Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigantha Nātaputta, Sanjaya Belatthiputta, Pakudha Kaccāyana, Ajita Kesakambala. Khi con hỏi các vị ấy có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không, thời họ đã trả lời là không. Vậy làm sao Tôn giả Gotama, trẻ tuổi, sanh sau đẻ muộn, và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?*

Văn đoạn tiếp theo cuộc đối thoại, Đức Phật đã có một lối giải thích thật minh triết và đầy ý nhị khiến vị vua có học vấn uyên thâm như Pasenadi rất đỗi khâm phục, xin quy y Tam bảo. Tuy nhiên lời nhận xét ở trên cho thấy lúc đầu vị vua này chưa thực tin Sa-môn Gotama là bậc Chánh đẳng giác, còn sáu vị đạo sư có tiếng tăm lúc bấy giờ chỉ là hữu danh vô thực.

Như vậy, sự kiện Đức Phật chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác đã gây kinh ngạc không ít đối với đức tin truyền thống lúc bấy giờ. Từ đức tin, đến tâm lý hoài nghi muốn tìm hiểu, rồi chuyển sang xác tín hoàn toàn; không ít các Bà-la-môn trưởng thượng đã quy ngưỡng Đức Phật và nương theo giáo pháp của Ngài¹¹. Một số vị còn cầu xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của Thế Tôn, nỗ lực tu học, chứng đắc đạo quả giác ngộ và rồi tự nhận xét về mình: “Quả thực chúng ta suýt nữa bị suy vong. Trong khi trước đây chúng ta không thực sự là Bà-la-môn, lại tự cho mình là Bà-la-môn; không phải Sa-môn, lại tự cho mình là Sa-môn; không phải A-la-hán, lại tự cho mình là A-la-hán. Nhưng nay chúng ta mới thực sự là Bà-la-môn, mới thực sự là Sa-môn, mới thực sự là A-la-hán.”¹² Các bản kinh cũng cho biết sau nhiều lần tìm đến luận chiến với Sa-môn Gotama, du sĩ biện thuyết gia nổi tiếng Saccaka và đại thí chủ Upālī thuộc phái Kỳ Na giáo đều lần lượt quy y Đức Phật với lòng xác tín Ngài là bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác.¹³ Vua Pasenadi cũng chính thức trở thành Phật tử sau khi hiểu ra Sa-môn Gotama thực sự là bậc giác ngộ.¹⁴ Tài liệu Cullavagga thuộc Luật tạng Pāli nói rằng lần đầu tiên nghe một vị triệu phú người Rājagaha dùng danh từ Đức Phật (*Buddha*) trong khi nói về bữa tiệc cúng dường được sửa soạn cho Ngài và Tăng chúng của Ngài, đại thương gia Cấp Cô Độc (*Anāthapindika*) hết sức ngạc nhiên gạn hỏi vị này đến lần thứ ba để xác tín sự thật, vì lẽ theo ông thì chỉ danh xưng “Đức Phật” không thôi đã hiếm thấy ở đời.¹⁵ Tài liệu cho biết tín tâm của vị gia chủ giàu có này đối với Đức Phật bắt đầu phát sinh từ đó.

Xác tín khả năng giác ngộ của mọi người

Thái độ của nhóm năm ẩn sĩ do Kondanna đứng đầu tỏ ra ít ngạc nhiên hơn, nhưng họ không tin Sa-môn Gotama lại có thể thành Phật một khi Ngài đã từ bỏ lối tu khổ hạnh:

- *Hiền giả Gotama, với nếp sống này, với đạo tu này, với khổ hạnh này, Hiền giả đã không chứng được Pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thì nay làm sao Hiền giả, với nếp sống sung túc, với sự từ bỏ tinh cần, với*

sự trở lui đời sống vật chất đầy đủ, lại có thể chứng được Pháp thượng nhân, trí kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?¹⁶

Lúc này bậc Giác ngộ mới lên tiếng:

- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tình cần, không trở lui đời sống vật chất đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác. Nay các Tỷ-kheo, hãy lắng tai, Pháp bất tử đã chứng được, Ta sẽ giảng dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu các người đi theo con đường Ta chỉ dạy thì không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, các người sẽ đạt được mục đích vô thượng của Phạm hạnh.¹⁷

Lời xác chứng của Đức Phật cho nhóm năm ẩn sĩ này thật quan trọng bởi nó cho thấy không những Đức Phật tự nhận đã giác ngộ mà Ngài còn tin người khác cũng có khả năng giác ngộ giống như Ngài, nếu tuân theo đường lối do Ngài chỉ dẫn. Có thể nói rằng đây là thông điệp giác ngộ đầu tiên mà Đức Phật gởi đến cho con người và cuộc đời, một thông điệp đồ đầy niềm tin và tính nhân bản, đặt nền móng cho sự tồn tại và phát triển lâu dài của Phật giáo: "Tất cả mọi người đều có khả năng giác ngộ."

Như vậy, khác với quan niệm khá hẹp hòi của các Bà-la-môn cho rằng chỉ có giai cấp Bà-la-môn mới là cao thượng và mới có khả năng lãnh hội con đường giải thoát tâm linh, Đức Phật khẳng định rằng tất cả mọi người đều có khả năng giác ngộ và xứng đáng theo đuổi con đường tu tiến tâm linh. Theo Ngài, không có sự khác biệt về khả năng giải thoát giữa con người và con người hay giữa các giai cấp hoặc giới tính. Tất cả mọi người đều có khả năng chứng đắc chân lý, giác ngộ sự thật, nếu họ được giáo dục tốt và nỗ lực theo đúng phương pháp; tựa như mọi ngọn lửa cháy đỏ đều có ngọn, có ánh sáng, màu sắc và có thể dùng vào việc nấu chín thức ăn dù do ai đốt và được đốt bằng chất liệu gì.¹⁸ Như là kết quả, mọi giai cấp đều có mặt trong tổ chức Tăng-già do Đức Phật thành lập và tại các buổi thuyết pháp hay giảng dạy của Ngài. Phụ nữ được giải phóng về phương diện xã hội và được thừa nhận về mặt trí tuệ và khả năng giác ngộ. Họ có quyền xuất gia tu học, tự đứng ra lo tổ chức và điều hành Giáo hội Ni giới.

Có thể nói rằng quan điểm bình đẳng về khả năng giải thoát tâm linh do Đức Phật đưa ra có một ý nghĩa cách mạng xã hội đáng kể đối với thời kỳ này, đặc biệt là đối với các tầng lớp nghèo khó. Người ta thấy có rất nhiều người đã sung sướng đến rơi nước mắt khi được chấp nhận gia nhập hàng ngũ những người xuất gia đệ tử của Đức Phật. Quan niệm cũ bị đánh đổ và một lần không khí mới đầy nhân bản tràn lên mọi ngõ ngách của xã hội. Khắp nơi quần chúng hân hoan lắng nghe lời khuyến giáo của Đức Phật. Tài liệu Kinh tạng Pàli mô tả rằng các thánh giả, sau khi được Thế Tôn làm cho phấn khích và hoan hỷ với bài pháp thoại, rời chỗ ngồi lưu luyến ra đi mắt không rời khỏi Ngài.¹⁹ Tài liệu cũng ghi nhận có nhiều lượt người từ xa đến chờ nghe Đức Phật thuyết pháp với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được nghe Chánh pháp mà Đức Thế Tôn sẽ thuyết giảng cho chúng ta." Quần chúng mong muốn được lắng nghe

những lời dạy bảo chí tình chí lý từ Đức Phật. Người ta không ngại băng ngàn vượt biển để được nghe những điều mới mẻ và chân thật.²¹ Những người đương thời trang trọng nêu nhận xét về Ngài: "Như người đứng đứng lên những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy mọi vật".

Jawaharlal Nehru nói rằng "Đức Phật có cá tính rất đặc biệt đến độ ngày nay người ta vẫn còn nhớ như in mỗi khi nghĩ đến Ngài. Ngài là mẫu người hoàn chỉnh của sự uy nghiêm, thanh thản và dịu dàng, vô vàn triu mến chúng sinh và thương cảm những kẻ bất hạnh, một con người hoàn toàn tự do về tinh thần và không hề có chút định kiến đối với bất cứ ai."²²

Quả thực như vậy, đấng Đại từ Thế Tôn đã vào Niết-bàn hơn 25 thế kỷ, thế nhưng những gì Ngài đã thể hiện và làm cho cuộc đời thì vẫn còn nguyên giá trị. Nhân cách giác ngộ của Ngài vẫn tỏa ánh diệu dàng trong tâm hồn nhân thế. Những lời dạy sáng suốt đầy từ tâm của Ngài vẫn soi đường hạnh phúc cho những con tim biết yêu quý cái thiện. Đặc biệt, bức thông điệp xác quyết về khả năng giác ngộ không phân biệt giai cấp hay giới tính do Ngài công bố ngày nào vẫn tỏ rõ giá trị đạo đức chuẩn mực của nó trong thế giới hiện đại, trong tư tưởng tiến bộ của loài người, và trong niềm kính tin biết ơn của nhiều người luôn nhớ đến Ngài như một bậc Thầy vĩ đại "đã sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho chư Thiên và loài Người".

Chú thích:

1. Nguyễn Tường Bách, *Mùi hương trầm*, tr. 132.
2. T.W. Rhys Davids, *Lectures on some Points in the History of Indian Buddhism*, tr. 162.
3. *Tiểu kinh Saccaka*, Trung Bộ.
4. *Kinh Ariyapariyesana*, Trung Bộ.
5. Xem *Kinh Ambattha*, Trường Bộ; *Kinh Brahmàyu*, Trung Bộ.
6. *Kinh An sĩ*, *Kinh tập*, Tiểu Bộ.
7. *Kinh Brahmàyu*, Trung Bộ.
8. *Kinh Đại bốn*, Trường Bộ; *Kinh Canki*, *Kinh Subha*, Trung Bộ.
9. *Kinh Tùy thuộc thế giới*, Tăng Chi Bộ.
10. *Kinh Tuổi trẻ*, Tương Ưng Bộ.
11. *Kinh Ambattha*, *Kinh Sonadanda*, *Kinh Kùtadanta*, Trường Bộ; *Kinh Brahmàyu*, *Kinh Canki*, Trung Bộ.
12. *Tiểu kinh Ví dụ dấu chân voi*, *Kinh Pháp trang nghiêm*, Trung Bộ.
13. *Kinh Mahàsaccaka*, *Kinh Upàli*, Trung Bộ.
14. *Kinh Tuổi trẻ*, Tương Ưng Bộ.
15. T.W. Rhys Davids & H. Oldenberg, *Vinaya Texts*, Part III, tr. 180-181.
16. *Kinh Ariyapariyesana*, Trung Bộ.
17. *Kinh Ariyapariyesana*, Trung Bộ.
18. *Kinh Assalayana*, *Kinh Kannakattthala*, Trung Bộ.
19. *Kinh Brahmàyu*, Trung Bộ.
20. *Kinh Mahà Sakuludàyi*, Trung Bộ.
21. *Kinh Canki*, Trung Bộ.
22. Phạm Thủy Ba, *Phát hiện Ấn Độ*, tập I, tr. 212. ■



Ảnh nguồn: my.opera.com

Núi đến hồ Tịnh Tâm ở cố đô Huế, mọi người liền tưởng ngay đến sen. Một loài hoa tinh khiết, cao quý nhưng lại được mọc lên từ đất bùn nơi các ao hồ. Suốt cả một thời gian dài trong năm, mặt hồ Tịnh Tâm lặng lẽ chỉ có gió nước, nắng mưa, bèo và rau muống, không hề thấy dấu vết của sen hồng, sen bạch. Cuối mùa xuân, những tia nắng vàng giúp cho những cuống lá sen dần dần mở ra, trải rộng những hình tròn màu lục non với vô số đường gân mờ hồ vàng trắng đan lồng nhau như tơ trời, gợi lên những kỳ vọng về một tương lai thanh bình của loài người. Qua mùa hạ, sắp đến mùa Phật đản chúng ta sẽ thấy những phép lạ từ mặt hồ Tịnh Tâm. Sau những đêm dài tĩnh lặng, mặt hồ bỗng rộ lên những búp hồng, búp trắng e ấp, thẹn thùng như dáng hình thiếu nữ miền Hương Ngự nghiêng chào. Khi đợt hoa sen sau cùng vừa úa tàn là lúc tiết trời sang thu, thời gian sen buông từng đám bụi phấn vàng rồi thả hương theo gió và hấp thu, tích

tụ những dòng năng lượng của trời đất để chuẩn bị tạo nên những mầm sen mới trong tương lai. Rồi mùa đông qua và xuân lại đến, qua bàn tay của con người, những mầm sen lại ẩn mình trong lòng đất bùn dưới ao hồ để chờ ngày vượt thoát khỏi lớp bùn và mặt nước để vươn lên nở hoa trong không gian. Kinh điển Phật giáo đã ví cuộc hành trình của sen như sự chuyển hóa của người tu tập vượt qua tam giới để giải thoát. Đời sen cũng tuần hoàn theo nhịp quay của thiên nhiên, theo vòng xoay của sinh, trụ, dị, diệt. Hoa sen như một minh triết sống, đó là sự vô nhiễm trước những môi trường được xem là không trong sạch, biểu hiện qua câu ca dao “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, không những vô nhiễm mà sen còn có chức năng thanh lọc làm cho nước ao hồ lắng trong. Sen còn tượng trưng cho sự hồi sinh, sáng tạo, cho trí huệ siêu việt, thánh thiện; và trong ý nghĩa cao đẹp, hoa Sen còn là Mẹ, là biểu tượng cho chuyển trở về thật lòng lấy của mỗi phận người; đó là trở về với cái đẹp, trở về với bản tính uyên



LÊ HUỲNH LÂM

nguyên không nhiễm trước,... và trong những chuyến trở về đầy gian nan, không ai giống ai, mỗi người tùy theo nghiệp mà chính mình đã tạo tác để thọ hưởng kết quả, đa phần mỗi người sẽ mang theo những hoài niệm đã trải nghiệm và một vết tâm dài đã huân tập, nhiễm trước trong cuộc sống thường ngày.

Xứ Huế có rất nhiều nơi trồng sen. Các ao hồ ở các vùng làng quê, dọc con đường về biển Thuận An, hay các ao hồ ở nhà vườn Kim Long, trong khuôn viên các ngôi chùa,... nhưng đặc biệt nhất là các hồ sen quanh kinh thành Huế, trong số đó, sen hồ Tịnh Tâm là tuyệt hảo. Một giả thuyết cho rằng sen hồ Tịnh có vị thanh và thơm ngon như vậy là do dòng nước đó bắt nguồn từ sông Hương. Ngày trước hồ Tịnh Tâm còn có tên là Ký Tế. Ký Tế là tên một quê trong kinh Dịch, bao hàm ý nghĩa “việc đã xong, đã rồi.” Theo sử sách, hồ Ký Tế là một khúc sông Kim Long (là một chi lưu của sông Hương) chảy qua làng Phú Xuân. Năm 1805, vua Gia Long quyết định nắn, chặn dòng sông này để xây dựng kinh thành Huế.

Mỗi lần ngang qua hồ Tịnh Tâm, trên đoạn đường Đinh Tiên Hoàng, đều thấy lúp xúp dưới những vòm cây, dáng những chị, những mẹ đang ngồi lột vỏ, soi tim và xâu hạt sen thành từng chuỗi như tràng hạt để cung cấp cho du khách; công việc đó trở thành hạnh bình thường để lan truyền văn hóa và tôn giáo. Mùa Sen, người Phật tử Huế thường dâng hoa Sen trên bàn thờ Phật, bàn thờ Tổ tiên, hoặc cắm hoa Sen trong nhà tạo nên cảm giác thanh thoát, mát mẻ giữa mùa hè nắng nóng. Khi hoàng hôn buông xuống, những người già và trẻ nhỏ đến bên hồ Tịnh Tâm hóng gió. Những cụ già trầm ngâm soi bóng mình trong ánh trăng hiền hòa dưới mặt hồ rồi gửi hồn theo gió trở về với những kỷ niệm đẹp của đời người; các trẻ nhỏ hồn nhiên vui đùa ngập trong làn hương thanh thoát, lần la khắp mặt hồ khiến tôi nhớ đến thuở còn thơ đã có nhiều trò chơi rất thú vị với sen như: lấy lá sen làm mũ che nắng, còn chùm nhụy vàng được cột vào sợi chỉ cuốn lại nơi cuống rồi buông ra tạo nên những vòng xoáy tròn đẹp mắt; các hạt sen non trong đài sen được lấy ra đập vào trán vỡ kêu lộp độp rồi đưa vào miệng nhai ngon lành... Những chiều mùa hạ, khi ráng chiều mờ mờ dần khuất phía núi gọi lên cảm giác cô đặc không gian thì hồn người cũng dập dềnh theo những sóng hoa đang nhấp nhô trên mặt hồ. Dáng sen hồng, sen trắng thật đoan trang, quý phái. Những hoa sen vươn lên trong màu chiều cô tịch và hòa với những ánh màu hắt từ mặt hồ tạo nên khung cảnh lung linh, huyền ảo phả nhẹ vào không gian rồi tan dần, mờ dần theo thời gian.

Những đêm trăng tháng Tư, hoa sen hồ Tịnh Tâm nở rộ. Mỗi hạt sương đọng trên mỗi cánh sen in bóng muôn vàn mặt trăng lay động khắp hồ. Mỗi cánh hoa sen như mỗi chiếc thuyền chở trăng lênh đênh theo dòng đời và đưa hồn người vào cõi mộng lung với những biến điệu ảo của sắc màu. Đến hồ Tịnh Tâm vào mùa sen nở, mùa trăng lên, đặc biệt là trăng tháng Tư, chúng ta mới cảm nhận sự yên bình, thanh thoát trong tâm hồn. Phải chăng, từ các yếu tố: mặt hồ tĩnh lặng, ánh trăng thơ mộng, và làn hương sen dịu dặt, đã gợi nên cái tên rất ý vị: Tịnh Tâm? Hay ẩn chứa đằng sau cái tên mang âm hưởng của đạo Phật là những ám ảnh của một quá khứ đầy tội lỗi của những hoài nghi, đổ kỵ và để có một nơi trú ngụ nhằm ẩn tránh, xua tan những cơn ám ảnh hãi hùng hoặc cũng có thể để trực diện với những cảnh tượng hiện lên trong tâm tưởng mà phát nguyện lời ăn năn, sám hối... Con người sau những chuỗi ngày tất bật ai ai cũng muốn có những phút giây thanh thản, những cảm giác thư thái, an vui trong tâm hồn. Để rồi trong cuộc hành trình cuối cùng trở về nơi trú xứ xa xưa, trở về với trạng thái vắng lặng,... mọi người phải nỗ lực và thả lên niềm hy vọng, rồi đây tất cả chúng ta sẽ lần lượt được đón nhận một đóa hoa sen trong cõi miền tràn đầy phúc lạc. ■

Một lần về lại quê Cha

TỪ MÃN



Hành hương chiêm bái đất Phật là ước mơ của những người con Phật, trong đó có tôi. Ước mơ là vậy, nhưng tôi đã lưỡng lự khi được biết trong tông môn của tôi sắp có chuyến đi. Để quyết định ghi tên tham dự cuộc hành hương, tôi đã phải mất gần ba ngày suy nghĩ. Đối với một giáo viên đã nghỉ hưu như tôi, số tiền trên 40 triệu đồng là khá lớn. Thêm vào đó, khi hỏi thăm một số người đã đi trước thì được nghe những thông tin không mấy lời cuốn lắm; nào là thời tiết rất khắc nghiệt, nào là đi đâu cũng bị những người mẹ rất trẻ bế trên tay đứa con bé xíu oặt ẹo cùng nhiều đứa bé khác đeo bám dai dẳng; nào là bụi, rác, ồn ào; nào là đói, mệt và đủ thứ mùi khó chịu từ thức ăn, phân bò, cống rãnh, nhất là mùi khét của xác người thiêu lộ thiên bên bờ sông Hồng...; còn thánh tích chỉ là những chân gạch đổ nát, những tháp, những tượng không toàn vẹn...

Sau một đêm trên máy bay, một đêm trên tàu hỏa và thật nhiều giờ trên xe ca, tôi đã lần lượt đặt chân lên "Tứ động tâm" và nhiều thánh tích khác. Những địa danh rất quen thuộc trong kinh sách: "Một thời Thế Tôn trú ở thành Xá-vệ, tại vườn Cấp-cô-độc, ... tại tịnh xá Trúc Lâm..." đang hiện hữu trước mắt tôi, khiến tôi tưởng như Đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn của Ngài vẫn còn đó.

Những thông tin được nghe kể lại không sai lắm. Nhưng thật may mắn, tôi đã không bị những khó khăn trở ngại nói trên níu kéo bước chân hành hương của mình. Trái tim của tôi đã bị "động" với biết bao nỗi thương cảm, kính phục người nay, người xưa; sự hiểu biết của tôi về Đức Phật và giáo lý của Ngài được nâng lên với bao điều mới lạ, sâu sắc. Không riêng gì tôi mà hầu như cả đoàn trên 70 người đều có tâm trạng như tôi vậy. Tất cả là nhờ thầy Trưởng đoàn, vị Tỷ-kheo trụ trì Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Quang-Thủ Đức. Với tinh thần trách nhiệm của người dẫn đạo, với sự quan tâm đến tất cả mọi người trong chuyến đi, với kiến thức sâu rộng và cách thể hiện sinh động, thêm vào đó là giọng nói rõ ràng và trầm ấm, thầy đã tạo niềm tin và sức thuyết phục đối với chúng tôi khi thấy thuyết giảng ở các nơi mà đoàn đến chiêm bái.

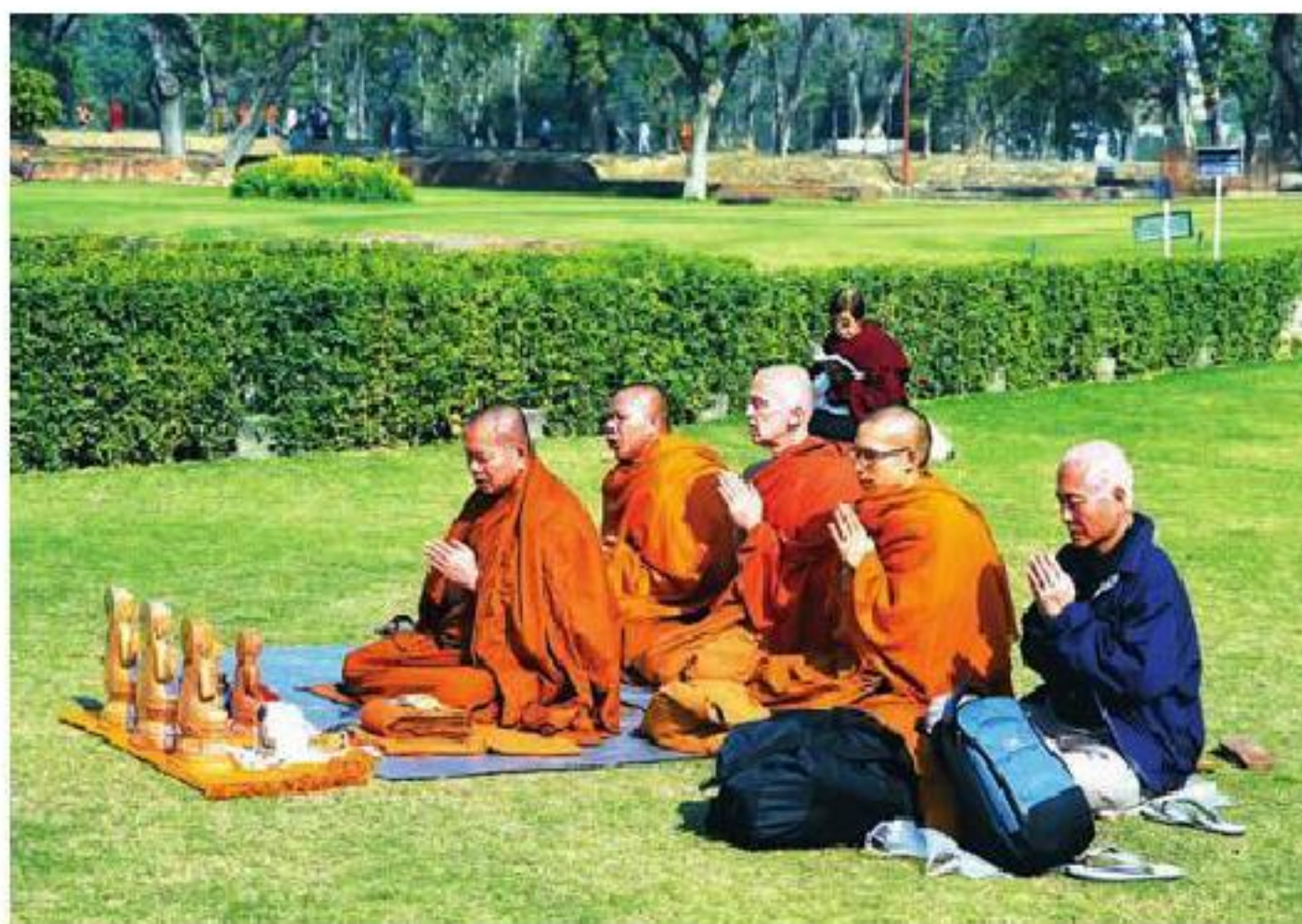
Tôi còn nhớ, một buổi sáng thật đẹp, cả đoàn ngồi quanh thầy tại cửa Đông thành Ca-tỳ-la-vệ, nơi mà cách đây gần 2.600 năm, chàng thanh niên Tất-đạt-đa đã bỏ vợ đẹp, con thơ, cha già và ngôi vị Thái tử, cưỡi con ngựa Kiến-trắc, nửa đêm vượt thành đi tìm câu trả lời cho những

câu hỏi, “ta là ai, từ đâu đến và sẽ đi về đâu?”. Thấy trưởng đoàn nói, chúng ta ai cũng có con ngựa Kiến-trắc nhưng đã không hoặc chưa sử dụng đó thôi! Rồi lại một buổi sáng tinh mơ khác ở Câu-thi-na, sương mù còn giăng kín lối đi, đoàn chúng tôi đã rong rã theo thấy đi đến chùa Niết-bàn, nơi Đức Từ phụ nhập diệt. Chúng tôi với vẻ mặt trang nghiêm, chân bước thật nhẹ, thở thật khẽ như sợ làm kinh động đến Ngài, tiến dần vào bên trong, lần lượt đắp lên mình Ngài những tấm y vàng rực rỡ. Nét mặt của Ngài tịch tĩnh, giải thoát. Trong khung cảnh đó, những lời bi ai của ngài Huyền Trang đã thốt lên ở thế kỷ thứ 7 được thấy tụng lại nghe thật cảm động:

*Phật tại thế thời ngã trầm luân
Kim đắc nhân thân Phật nhập diệt
Áo não tự thân đa nghiệp chướng
Bất kiến Như lai kim sắc thân.*

Dù không bút tóc, đấm ngực kêu khóc như người phụ nữ được đắp nổi dưới chân Phật nhưng tất cả chúng tôi đều như ngài A-nan, nước mắt cứ rơi, cứ rơi, đầu đó có tiếng khịt mũi, tiếng nấc nghẹn như muốn nói: “Đức Từ phụ ơi, những đứa con cùng tử của Ngài đã về đây, đang quỳ lạy dưới chân Ngài, Ngài biết không?”. Bước chân ra bên ngoài, nhìn lên cây sa-la đứng lặng lẽ chịu đựng nỗi đau ngàn đời khi chúng kiến Phật nhập diệt, tâm trạng của tôi chợt thanh thản vì ở xa kia, mặt trời tròn xoe, đồ ối treo lơ lửng giữa khoảng không trong vắt, tĩnh lặng như nhắc nhở tôi rằng Phật và giáo pháp của Ngài vẫn tồn tại trên thế gian này như mặt trời kia vậy.

Thế rồi 19 ngày qua đi thật nhanh, thật ý nghĩa. Chúng tôi đã được chiêm bái, lễ lạy, tụng kinh, nghe pháp, thiền hành, phát quà cho học sinh và những người dân nghèo



ở chùa Kiều-đàm-di, chùa Linh Sơn, chúng tôi còn được thấy làm lễ nhắp kéo gieo duyên và phát bồ-đề tâm hộ pháp ở dưới cội cây bồ-đề, nơi Đức Phật từng ngồi suốt 49 ngày đêm thiền định. Từ đáy lòng mình, tôi vô cùng biết ơn mọi nhân duyên đã giúp tôi thấy được hết giá trị của thánh tích, đã gieo vào lòng tôi niềm tin chắc thật về lời Phật dạy và giáo pháp của Ngài. Tôi thề hứa rằng tôi sẽ cỡi con ngựa Kiến-trắc của mình để vượt qua tường thành sinh, lão, bệnh, tử của kiếp người, vì như thấy nói “nếu có đi sẽ đến.” Tôi cũng rất biết ơn Gia đình Phật tử Tuệ Quán đã tổ chức thật chu đáo đến từng bữa ăn, chỗ ở nhằm giúp chúng tôi có một chuyến hành hương nhiều lợi lạc, tốt đẹp. Thật thiếu sót nếu không gởi lời cảm ơn đến tất cả huynh đệ trong đoàn đã đoàn kết, giúp đỡ, nhắc nhở, chia sẻ cho nhau từng viên thuốc, gói mì... và cuối cùng tôi muốn nói nhỏ với bạn rằng, số tiền trên 40 triệu đồng đã được tôi sử dụng thật xứng đáng. Nếu bạn có phước và đủ duyên thì đừng chần chờ, lưỡng lự như tôi lúc đầu bạn nhé! ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2012

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hướng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 37 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
Có Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ

BBT Viên khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM
Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo-tặng kỳ này: 485 cuốn
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiaovnn.vn
Ban Biên tập

Kỹ năng và phương pháp thuyết giảng

THÍCH GIÁC TOÀN



Một vị giảng sư thành công là vị có kỹ năng và phương pháp. Với kỹ năng và phương pháp, vị giảng sư từng bước xây dựng cho mình sự tin tưởng nơi thính chúng, rèn luyện khả năng khơi gợi sự đồng cảm của thính chúng và khả năng trình bày mọi vấn đề hợp với luận lý. Vị giảng sư cần chuẩn bị cho mình một tư thế để luôn luôn thuyết phục được thính chúng đi đúng con đường của Đức Phật đã dạy hầu đem lại an lạc và hạnh phúc cho họ cũng như xây dựng một xã hội an lạc hài hòa.

Một vị giảng sư hoằng pháp phải biết kiên trì xây dựng niềm tin cho thính chúng. Ai cũng biết rằng quần chúng thường tin tưởng một người có danh tiếng, một người có thẩm quyền, một người đáng tin cậy, và một người có thái độ gần gũi. Một người đáng tin cậy được xác định là người trung thực, có giới đức, quảng đại, khoan dung, có từ tâm. Như vậy, ngay từ khi xác định mình sẽ hành đạo trên phương vị một giảng sư hoằng pháp, người tu sĩ phải bước đầu xây dựng niềm tin cho quần chúng bằng cách

giữ gìn giới đức; sống trung thực; tu tập về lòng khoan dung, sự quảng đại, và từ tâm. Việc giữ gìn và tu tập như thế ít nhất cũng mang lại uy tín của vị giảng sư hoằng pháp tương lai dưới mắt những vị đồng tu, cũng khiến các đạo tràng biết đến; và mặc dù chưa phải là người có tiếng tăm về phương diện thuyết giảng, nhưng khi đến thuyết giảng ở một hội chúng nào đó, cũng sẽ được giới thiệu như một người đáng tin cậy; và như thế, vị giảng sư mới bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp của mình cũng đã được thính chúng tiếp nhận với sự tin cậy. Lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại ghi nhận trường hợp các vị cao tăng như ngài Thích Đôn Hậu, ngài Thích Thiện Siêu... bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp từ lúc còn trẻ tuổi; nhưng nhờ các ngài giữ gìn phẩm hạnh cao thượng của một tu sĩ, nên ngay từ đầu, các ngài đã được giới thiệu với sự trang trọng của các vị thầy và nhờ đó, thính chúng Phật tử của các ngài đã gởi gắm niềm tin ở các ngài. Trường hợp của Pháp sư Minh Đăng Quang lại khác. Tuy ngài không được sự giới thiệu của thầy tổ nhưng chính hình ảnh nghiêm trang của ngài đã làm các Phật tử động tâm và họ đã thỉnh ngài đến giảng pháp.

Người giảng sư hoàng pháp cũng phải thể hiện thái độ gần gũi với thính chúng. Sự gần gũi ở đây là nói về phương diện thông cảm với thính chúng. Vị giảng sư cần hiểu biết về hội chúng của mình, nắm được tâm tư nguyện vọng của số đông trong chúng, từ đó có những lời lẽ thể hiện sự quan tâm đến đời sống của hội chúng, nhờ vậy mà tạo được sự gần gũi về phương diện tâm lý. Trường hợp một vị giảng sư đã có tiếng tăm về phương diện học thuật chẳng hạn, thì khi giảng pháp, chắc chắn sẽ được thính chúng tin tưởng về mặt thẩm quyền học thuật. Nói chung, việc xây dựng niềm tin cho thính chúng cần được thực hành thật lâu trước khi người giảng sư thực sự bắt tay vào sự nghiệp hoàng pháp của chính mình.

Trước khi nhận lời thuyết giảng ở một hội chúng nào, vị giảng sư nên tìm hiểu cận kề về thính chúng của mình để có những cách ứng xử thích hợp.

Trong quá trình giảng pháp, người giảng sư hoàng pháp cũng phải tiếp tục củng cố niềm tin của thính chúng. Vị giảng sư nên thực hiện những điều sau:

a. Đến trước giờ giảng một chút hoặc ít nhất là có mặt đúng giờ giảng. Nên có mặt trước một chút để có thể có những trao đổi bên ngoài với một số thành viên tích cực của thính chúng. Chính những thành viên tích cực này sẽ làm cho toàn thể hội chúng có thêm tin tưởng nơi vị giảng sư.

b. Nếu được một người đã quen biết giới thiệu mình với thính chúng thì tốt. Nếu không, nên khéo léo giới thiệu một chút về bản thân sao cho những lời giới thiệu đó phù hợp với những điều mà giảng sư đã tìm hiểu được về thính chúng. Tuyệt đối không khoe khoang về kiến thức, dòng tộc, gia thế, chức vụ, tài năng.

c. Khi nói chuyện, nên sử dụng ngôn từ phù hợp với thính chúng. Với một thính chúng bình dân thì phải nói lời đơn giản dễ hiểu. Ngay cả với thính chúng trí thức, cũng nên dùng từ ngữ dễ hiểu nhưng chính xác theo kinh điển.

d. Không nên kể những câu chuyện quá riêng tư, không nên sử dụng ngôn ngữ dung tục. Việc thể hiện sự thân mật bằng những câu chuyện hài hước phải giới hạn trong phạm vi thật ngắn và thật chừng mực. Tránh những thí dụ dài dòng.

e. Nên thể hiện sự quan tâm đến thính chúng bằng những kinh nghiệm liên quan đến kinh nghiệm của thính chúng. Trong quá trình nói chuyện, cố gắng tiếp xúc bằng mắt với thính chúng. Cố gắng nhận biết càng nhiều cá nhân càng tốt ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên.

f. Những câu chuyện kể trong buổi nói chuyện phải thật sự có liên quan đến nội dung trình bày. Tránh lạc đề.

g. Khi cần trích dẫn, cần trích dẫn đúng và nêu được sự liên hệ với nội dung bài giảng, cố gắng nêu xuất xứ những điều trích dẫn.

h. Không nên nói quá dài. Các nghiên cứu cho thấy mọi thính chúng đều chỉ có thể chú tâm trong vòng mười lăm tới hai mươi phút; sau đó, họ sẽ bị phân tâm.

Vì thế, vị giảng sư chỉ nên nói ngắn và cố gắng tạo điều kiện cho thính chúng tham gia tích cực vào nội dung buổi thuyết giảng của mình.

Sau buổi giảng pháp, vị giảng sư nên tìm cách kích thích cho thính chúng đặt câu hỏi để mình trả lời. Chính những giây phút hỏi đáp này củng cố niềm tin của thính chúng nơi các vị giảng sư.

Mỗi thính chúng luôn có những đặc điểm riêng về mặt tình cảm. Có những thính chúng thân thiện nhưng cũng có những thính chúng xa cách. Có những nhóm người dễ bị kích động dẫn tới giận dữ trong khi có những nhóm luôn giữ được bình tĩnh. Có những hội chúng rụt rè và cũng có những hội chúng tự tin. Có người thực tình muốn tu tập nhưng cũng có những người chỉ thích nghe nhiều để lèo người khác. Tóm lại, không một thính chúng nào giống hết thính chúng nào. Không những thế, vào những thời điểm khác nhau, một thính chúng còn có những tình cảm khác nhau. Chẳng hạn, khi một nhóm người vừa đi dự một lễ tang của một người trong nhóm về thì họ sẽ có tình cảm trầm lắng khác với những người vừa tham dự một cuộc du ngoạn. Do đó, vị giảng sư hoàng pháp phải nhận biết được tình cảm chủ đạo của nhóm người nghe pháp ngày hôm đó như thế nào. Khi đã tạo được sự cảm thông với thính chúng bằng cách khéo léo khơi gợi những tình cảm tích cực của các thành viên trong hội chúng, vị giảng sư sẽ dễ dàng làm cho thính chúng chấp nhận những lập luận của mình, chia sẻ những quan điểm của mình, và hành động theo sự kêu gọi của mình.

Một điều cần lưu ý là có những tình cảm tích cực và có những tình cảm tiêu cực. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra, khi tình cảm tích cực được khơi gợi thì một đám đông dễ dàng chấp nhận những lập luận thuận chiều, nhưng nếu đám đông có tình cảm tiêu cực thì họ dễ chấp nhận những lập luận trái chiều. Khi muốn hội chúng chấp nhận những lập luận thuận chiều thì vị giảng sư nên tạo cho hội chúng một không khí vui tươi, đầm ấm, thanh thản, nhẹ nhàng và khơi gợi ở họ những tình cảm tích cực. Ví dụ, trước một hội chúng đang bùng bùng giận dữ vì có sự bán bỏ Phật giáo mà vị giảng sư thấy cần giúp hội chúng nhận ra phải bình tĩnh giải quyết chứ không nên nóng nảy châm ngòi nổ, vị giảng sư nên có những mẩu chuyện vui nhẹ nhàng để khơi gợi ở họ những tình cảm khoan dung. Ngược lại, trước một hội chúng cảm thấy phẫn khởi trước những thành tựu mang tính vật chất mà vị giảng sư muốn hội chúng nhận rõ đâu là mục đích của việc hoàng pháp thì vị giảng sư cũng không nên chỉ trích sự xa xỉ khiến họ có những tình cảm tiêu cực mà nên gợi ra những hình ảnh thương tâm ở những nơi còn quá thiếu thốn để họ có được sự thương cảm và mong muốn chia sẻ.

Tóm lại, nếu vị giảng sư khéo khơi gợi tình cảm tích cực nơi thính chúng, những điều được thuyết giảng sẽ dễ được thính chúng chấp nhận. Ngược lại, nếu vị giảng sư không khéo léo mà tạo cho thính chúng có

tình cảm tiêu cực, thì phản ứng của thính chúng sẽ hoàn toàn đi ngược với mong muốn của vị giảng sư.

Để khơi gợi tình cảm tích cực nơi thính chúng của mình, vị giảng sư hoằng pháp cần chú ý đến cách sử dụng ngôn từ thích hợp với những tình cảm mà mình muốn khơi gợi. Trong buổi thuyết giảng của mình, vị giảng sư nên chọn những câu chuyện thí dụ minh họa một cách thận trọng, phù hợp với chủ đề thuyết giảng nhưng có nội dung tươi vui, có tính cách gợi ý hoặc gợi sự tò mò của người nghe. Cố gắng chọn những chữ những câu mang nhiều màu sắc tình cảm thay vì trình bày một cách khô khan. Tuyệt đối tránh việc sử dụng thủ thuật để gợi những tình cảm bi thương nơi thính chúng mà phải thành thật. Lưu ý rằng giọng nói phải phù hợp với tình cảm muốn thể hiện. Có những lúc, vị giảng sư phải sử dụng điệu bộ để làm tăng hiệu quả của lời nói, nhưng cần kềm chế không được quá đà vượt khỏi tứ uy nghi của người tu sĩ. Trong quá trình thuyết giảng, vị giảng sư có thể rời khỏi bục giảng, đến gần thính chúng để tạo một sự thân mật, nhưng lưu ý không đến quá gần. Vị giảng sư nên thường xuyên tiếp xúc bằng mắt với mọi thính chúng trong giảng đường nhưng không tiếp xúc quá lâu với một người. Tốt nhất, vị giảng viên nên tiếp xúc bằng mắt với từng nhóm thính chúng trong một lúc rồi rời mắt đến nhóm khác, sao cho bao quát được toàn bộ thính chúng. Việc mời một số cá nhân phát biểu cảm nghĩ hoặc tham gia câu chuyện của vị giảng sư là điều cần thiết, nhưng chú ý không chú tâm vào một cá nhân nhất định nào.

Mọi người thường cho rằng luận lý là vấn đề khô khan và chán ngấy. Các vị giảng sư có khuynh hướng đến với hội chúng bằng những câu chuyện hấp dẫn, vui nhộn, mang lại cho hội chúng những tràng cười sảng khoái sẽ cho rằng việc trình bày vấn đề hợp luận lý là điều dư thừa. Thật ra, tất cả mọi người nghe đều sử dụng khả năng diễn dịch và quy nạp của họ để theo dõi một buổi giảng pháp; dù rằng họ sử dụng những khả năng đó một cách vô thức. Vì thế, các vị giảng sư hoằng pháp luôn cần trau dồi khả năng trình bày vấn đề hợp luận lý của mình. Có hai phương pháp luận lý căn bản là quy nạp và diễn dịch. Với phương pháp diễn dịch, nếu tiên đề đúng thì kết luận luôn luôn đúng. Nhưng với phương pháp quy nạp, dù tiên đề đúng thì kết luận không phải bao giờ cũng đúng, nhưng mang lại gợi ý để phát triển xa hơn.

Để cải thiện tính cách hợp lý của điều được thuyết giảng, vị giảng sư cần lưu ý những điểm sau:

a. Làm cho vấn đề mình trình bày được thính chúng hiểu rõ. Muốn thế, vị giảng sư cần phải:

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, tránh những lối nói có tính hàn lâm, tránh những từ ngữ xa lạ với quần chúng. Trong trường hợp phải sử dụng ngôn ngữ trong kinh điển, giảng sư cần định nghĩa cụ thể từng từ trước khi áp dụng.

- Vấn đề trình bày phải hiển nhiên. Cố tránh những

lối nói quá hình tượng hoặc sử dụng điển tích. Thính chúng không có thời giờ giải mã điều vị giảng sư nói; do đó, nếu giảng sư sử dụng ẩn dụ mới lạ sẽ khiến người nghe ngỡ ngàng.

- Trình bày vấn đề theo thứ tự. Đây là điều mà Đức Phật luôn nhắc nhở, rằng phải giảng pháp theo thứ lớp. Tiến trình của một bài giảng phải hợp lý, những gì là nền tảng phải được trình bày trước, những gì là dữ kiện dẫn xuất phải trình bày sau.

- Sử dụng nhiều thí dụ. Việc giải thích vấn đề một cách dài dòng thường không hiệu quả bằng việc nêu thí dụ. Thí dụ có thể lấy trong cuộc sống thường nhật.

- Áp dụng các biện pháp so sánh và ẩn dụ. Mặc dù ẩn dụ mới lạ sẽ khiến người nghe ngỡ ngàng, nhưng nếu vị giảng sư có được những ẩn dụ đặc biệt mà người nghe có thể hiểu ngay sau một thoáng suy nghĩ thì lại có tác dụng rất lớn.

b. Làm cho vấn đề mình trình bày có tính cách hợp lý. Bằng cách:

- Dựa trên nhận thức thông thường của đại chúng. Vị giảng sư nên bắt đầu nói với đại chúng bằng những kiến thức thông thường của đại chúng, là những điều mọi người vẫn tin. Từ những kiến thức thông thường đó, vị giảng sư bắt đầu xây dựng lập luận của mình. Bằng cách khéo léo đặt những câu hỏi về nhận thức thông thường, vị giảng sư có thể từng bước xóa bỏ những thiên kiến sai trái của đại chúng.

- Thăm dò quan điểm đại chúng bằng cách đặt câu hỏi. Trước khi đưa lập luận của mình vào, vị giảng sư nên khéo léo thăm dò quan điểm của đại chúng bằng cách nêu ra những câu hỏi thích hợp. Việc nắm vững quan điểm của đại chúng giúp vị giảng sư điều chỉnh cách lập luận của mình.

- Để cập đến những luận điểm trái chiều trước rồi lần lượt bác bỏ chúng. Vị giảng sư có thể trình bày những luận điểm trái chiều với luận điểm của mình một cách khéo léo, sau đó, dùng lập luận của mình để bác bỏ và để đại chúng tự nêu ra luận điểm mà mình muốn đạt đến.

- Nhấn mạnh đến những vấn đề có giá trị lớn đối với đại chúng. Lưu ý rằng mọi lý luận quy nạp đều dẫn đến những kết luận không chắc chắn, trừ khi người thuyết giảng sử dụng những tiên đề hoàn hảo (Như trường hợp Đức Phật quy nạp rằng Ngài là Phật đã thành mà mọi chúng sinh đều là Phật sẽ thành), do đó, vị giảng sư nên tập trung vào những vấn đề có giá trị nhiều nhất đối với thính chúng, thay vì nói lan man vào những vấn đề không đúng trọng tâm.

c. Làm cho vấn đề mình trình bày là thật. Với những biện pháp sau:

- Sử dụng nhiều sự thật để chứng minh cho luận điểm của mình. Chọn những sự thật được nhiều người biết đến trong cuộc sống hàng ngày, trong lịch sử... Đưa ra những chi tiết sinh động liên quan đến luận điểm của mình.

- Sử dụng các dữ kiện và con số thống kê. Trong một số trường hợp, vị giảng sư có thể chuẩn bị sẵn những dữ kiện thật và những con số thống kê

- Dẫn chứng từ các nguồn tham khảo. Vị giảng sư cần có hiểu biết rộng về các nguồn tham khảo và đưa vào bài giảng một cách hợp lý. Lưu ý, nguồn tham khảo nên là những nguồn mà thính chúng dễ tiếp cận.

Ngoài ra, một vị giảng sư còn cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước từng buổi giảng. Vị giảng sư cần phải tìm hiểu về thành phần của thính chúng, phải biết tổ chức về mặt thời gian, phải xây dựng bài giảng trên cơ sở có sự liên lạc của chủ đề, nếu là bài giảng trong một khóa giảng thì mỗi chủ đề phải có sự liên lạc với chủ đề trước đó và chủ đề tiếp theo, phải thể hiện các bài giảng khác nhau theo những hình thức thuyết giảng đa dạng để tránh sự nhàm chán nơi thính chúng... Hình thức thuyết giảng cần thích hợp với nội dung bài giảng.

Bài giảng mang tính cách miêu tả là hình thức bài giảng truyền thống, trong đó chủ đề chính được chia thành những chủ điểm rồi mỗi chủ điểm lại được triển khai thành những chi tiết. Với loại bài giảng này, vị giảng sư có thể trình bày những khái niệm rộng lớn. Chẳng hạn, khi giảng về Tứ diệu đế, giảng sư đưa ra bốn sự thật cao quý, sau đó nói đến từng sự thật một, rồi ở mỗi sự thật lại triển khai những ý chi tiết... Tuy nhiên, trong hình thức bài giảng loại này, thính chúng dễ bị đưa đến địa vị hoàn toàn thụ động.

Bài giảng mang tính cách tương tác là bài giảng đòi hỏi người nghe phải động não và tham gia tích cực vào buổi thuyết giảng. Thí dụ, cũng nói về Tứ diệu đế, nhưng vị giảng sư lại yêu cầu thính chúng mô tả đời sống con người, từng bước rút ra kết luận tạm rằng đời sống con người là vô thường, là thường xuyên biến đổi, là không lúc nào toại ý... để dẫn đến kết luận cụ thể hơn về khổ đế; từ đó đưa đến các khái niệm tập đế, diệt đế và đạo đế. Trong hình thức bài giảng này, thật ra vị giảng sư phải chuẩn bị nhiều hơn để có thể khuyến dụ thính chúng đóng góp ý kiến của họ trong quá trình tiến hành bài giảng.

Bài giảng mang tính cách giải quyết vấn đề là hình thức nêu ra một trường hợp cụ thể cần giải quyết để các học viên đóng góp ý kiến giải quyết. Chẳng hạn, khi nói về bố thí ba-la-mật, vị giảng sư có thể nêu ra những trường hợp làm từ thiện để đánh bóng tên tuổi người làm từ thiện, sau đó, gợi ý để thính chúng đi đến kết luận là phải bố thí theo bố thí ba-la-mật, sao cho tay phải cho mà tay trái không biết, sao cho không thấy có người cho, có người nhận mà chỉ thấy có sự kiện chia sẻ đem lại sự an ủi cho cuộc sống. Hình thức bài giảng này cũng đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng của vị giảng sư.

Bài giảng không đi đến kết luận là hình thức bài giảng mà vị giảng sư không đưa ra kết luận áp đặt của mình. Ví dụ, khi bình luận về việc khắc họa kinh *Pháp Hoa* trên đá hoa cương để được ghi nhận kỷ lục Phật giáo, vị giảng sư

chỉ trình bày sự kiện rồi khéo léo gợi ý để thính chúng đưa ra những quan điểm của riêng mình. Sau đó, vị giảng sư không đưa ra một kết luận chính thức nào mà cứ treo đó, để thính chúng tự rút ra cho mình những nhận định riêng sau khi nghe nhiều lập luận trái chiều nhau.

Ở các hình thức bài giảng sau, thính chúng luôn luôn được chuẩn bị để có thể tham gia tích cực vào quá trình diễn tiến của bài giảng; nhưng trước đó, luôn luôn có những phần diễn giảng hoặc sơ lược, hoặc chi tiết của vị giảng sư. Chính vì thế mà các nhà nghiên cứu khẳng định rằng hoạt động thuyết giảng vẫn là công việc chính của ngành sư phạm hoàng pháp.

Một vấn đề quan trọng cần lưu ý các vị giảng sư, là ngay trong trường hợp thực hiện bài giảng theo hình thức mô tả, các vị giảng sư cũng nên định ý rằng khả năng chú tâm của thính chúng chỉ kéo dài trong khoảng từ mười lăm tới hai mươi phút. Vì thế, mọi đoạn thuyết giảng kéo dài quá hai mươi phút đều rơi vào khoảng không chú tâm của thính chúng. Tất nhiên, sự chú tâm của thính chúng không đều, khi người này đã chuẩn bị lơ là thì có thể là lúc người khác bắt đầu chú ý; vì thế, vị giảng sư cứ tưởng rằng thính chúng đang quan tâm tới điều mình nói, nhưng không phải vậy, mà luôn luôn chỉ có một vài người trong thính chúng nghe một bài giảng dài quá hai mươi phút. Cho nên, vị giảng sư cần chú ý để phân đoạn bài giảng thành những chủ điểm chỉ phải trình bày thật ngắn gọn.

Thêm nữa, sau mỗi phân đoạn của bài giảng, tốt nhất vị giảng sư nên tạo điều kiện cho thính chúng đặt câu hỏi để mình trả lời, mở rộng ý nghĩa của vấn đề. Khi trả lời, nếu người hỏi không đi vào trọng tâm của chủ đề thì vị giảng sư có thể không trả lời. Trong trường hợp người phát biểu không đặt câu hỏi mà lại diễn giảng ý riêng của mình, vị giảng sư có thể lắng nghe một đoạn, rồi chờ khi người đó lấy hơi nói tiếp thì ngắt lời bằng cách chuyển sự chú ý vào chủ đề bài giảng, tránh việc phê bình người phát biểu.

Một vị giảng sư hoàng pháp phải là người có tín tâm kiên cố và đã có sự thực hành Phật pháp ở mức độ khả chấp để thực sự tự tin vào điều mình thuyết giảng. Nhưng bên cạnh đó, việc rèn luyện kỹ năng và phương pháp thuyết giảng vẫn là điều cần thiết để mang lại thành công cho việc thuyết giảng. Trên hết, vị giảng sư cần luôn luôn nhớ rằng một trong những yếu tố mang lại thành công cho việc hoàng pháp là giành được sự tin tưởng của thính chúng. Khi có sự tin tưởng của thính chúng vào vị giảng sư thì buổi thuyết giảng đã thành công được một nửa. Tuy nhiên, phần còn lại vẫn phụ thuộc vào tài năng của vị giảng sư. Vì thế, nếu đã chọn sự nghiệp hoàng pháp làm Phật sự của đời mình, một mặt, vị giảng sư cần chú tâm tu tập và giữ gìn giới đức ngay từ những bước khởi đầu; mặt khác, vị giảng sư cũng phải rèn luyện về phương pháp và kỹ năng, như thế mới có thể trở thành một vị giảng sư hoàng pháp có hiệu quả, thực sự đóng góp vào việc hoàng dương Chánh pháp của Đức Bốn sư. ■



Phục hoạt tinh thần dẫn thân - vô úy

NGUYỄN CÂN

Từ chuông đêm Giao Châu đến chuông chùa trên đảo Trường Sa

Theo tin các báo, vào lúc 6 giờ sáng ngày 15/4/2012, tiếng chuông chùa đã vang lên trên đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo Trường Sa, một trong những nơi xa nhất của Tổ quốc. Nhà báo Lê Huyền trên trang mạng *Tin tức Thông tấn xã* mô tả, "Tiếng chuông ngân vang như cầu nguyện an lành cho vùng biển 'đầu sóng ngọn gió' và như thêm một lần nữa khẳng định chủ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đối với vùng biển, đảo thân yêu của Tổ quốc. Đã từ bao đời nay, ở đâu có người Việt thì ở đó có chùa của người Việt". Và nhà báo này viết tiếp, "Tiếng tụng kinh vang lên giữa hương trầm như rút ngắn khoảng cách giữa đảo và đất liền".

Bài báo cũng nói đến tâm nguyện của Thượng tọa Thích Tâm Hiện, vị đã có vinh dự được thỉnh đến trụ trì ngôi chùa trên đảo Song Tử Tây, rằng đối với ông,

suốt 42 năm tu hành, đến đảo Song Tử Tây lần này là chuyến đi có ý nghĩa nhất cả một đời hành đạo của mình, rằng ông cùng với Đại đức Thích Thánh Thành, bên cạnh việc tu hành, sẽ giúp các Phật tử hướng về đạo và cùng với dân trên đảo cầu nguyện cho những anh hùng chiến sĩ đã hy sinh để gìn giữ biển đảo mà cha ông đã truyền lại, rằng điều đó không chỉ là nghĩa vụ của người dân mà còn là trách nhiệm của chư Tăng. Ông nhắc lại rằng, "Quốc thái thì dân mới an", là điều mà cha ông ta đã nhắc nhở, là sợi dây kết nối đạo với đời mà Phật giáo và dân tộc Việt Nam vẫn gìn giữ.

Trước đó, trên trang mạng của *VNExpress*, nhà báo Mỹ Giang đã nhắc đến câu nói của Đại đức Thích Giác Nghĩa, người được biết sẽ có mặt tại ngôi chùa trên đảo Trường Sa lớn, rằng "Chúng tôi nguyện là người kế tiếp bảo vệ Tổ quốc và tri ân những người đã ngã xuống dưới lòng biển khơi".

Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông, trong đó có quần đảo Trường Sa, là vấn đề đã làm nóng khu vực suốt nhiều năm qua. Quần đảo Trường Sa trên biển Đông thuộc chủ quyền của Việt Nam. Tuy nhiên đây cũng là nơi mà một số quốc gia khác như Philippines, Malaysia và Brunei tuyên bố chủ quyền một phần, hoặc lớn tiếng hơn như Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền toàn bộ! Việc tiếng chuông chùa ngân nga giữa biển giữa trời của người dân đất Việt nhắc chúng ta nhớ đến câu chuyện về những ngôi chùa Việt Nam trong thời Bắc thuộc; khi tiếng trống đồng đã không còn vang lên thì thay vào đó là tiếng chuông chùa, vì Phật giáo lúc ấy là quốc giáo. Từ thời Hai Bà Trưng, qua Mậu Bác đến Lý Trần, nền văn hóa Việt-Phật đã luôn không chỉ đồng hành mà còn dẫn đạo toàn dân kháng chiến, viết nên những trang sử chói lọi cả về quân sự lẫn văn hóa.

Chúng ta cũng nhớ chuyện Pháp sư Phụng Đình sang giảng kinh cho vua Đường, khi về nước được nhà thơ Dương Cự Nguyên đưa tiễn bằng một bài thơ trong đó có hai câu kết, *Trường An lòng vương vấn - Giao Châu chuông đêm tà* (Tâm đảo Trường An mạch - Giao Châu hậu dạ chung). Tiếng chuông Giao Châu trong bài thơ ấy đã gửi gắm một thông điệp rõ ràng: Giao Châu là xứ có văn hóa học thuật và mức độ tâm linh cao siêu. Xứ này dứt khoát phải được độc lập, tự do. Chúng ta còn nhớ năm 986 sau chiến thắng Bạch Đằng, Đại sư Khuông Việt cùng Thiền sư Đỗ Pháp Thuận đã đạt một thắng lợi ngoại giao cực kỳ quan trọng khi đón sứ Tàu là Lý Giác. Lần đầu tiên, sứ giả "thiên triều" phải công nhận Việt Nam như một vòm trời văn hóa chính trị riêng biệt. Với câu thơ "Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu" (Ngoài trời lại có trời soi sáng), Lý Giác đã bày tỏ lòng khâm phục không chỉ các bậc thiền sư nước ta mà cả một chính thể, một nền văn hóa đáng tôn trọng.

Việc các vị Tăng ngày nay đến quần đảo Trường Sa phải chăng có thể được coi là sự tiếp nối tinh thần dẫn dắt của các vị thiền sư đời trước?

Tinh thần dẫn dắt hôm nay còn không?

Trên bình diện thế giới, người ta cũng vẫn than phiền rằng sự dẫn dắt của con người đang sút giảm. Người ta sợ trách nhiệm, thiếu tuân thủ những cam kết ban đầu của mình. Brian Klemmer, một diễn giả nổi tiếng, từng tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoa Kỳ, đã thuyết giảng và viết sách để đề cao khái niệm "chiến binh nhân từ" trong tác phẩm *The Compassionate Samurai* của ông.

Chiến binh nhân từ (compassionate samurai) là ai?

Trong ngôn ngữ Nhật Bản thì samurai là một từ để chỉ những người thuộc thành phần cao cấp của giới chiến binh, gọi là võ sĩ, phải tuân thủ những quy tắc nghiêm ngặt của võ sĩ đạo; nhưng theo các nhà ngữ học thì nghĩa này đến cuối thế kỷ thứ 12 mới có. Còn ban đầu thì samurai được dùng để nói về lớp người có trách nhiệm tổ

chức việc phục vụ giới quý tộc, phục vụ triều đình, đòi hỏi phải là người có tinh thần phụng sự. Từ đó, Brian Klemmer phát triển khái niệm compassionate samurai, tạm dịch là chiến binh nhân từ (CBNT), tuy dùng từ chiến binh, nhưng không nhằm chỉ những người thuộc lực lượng quân sự, mà để nói về những người có tinh thần phục vụ, hội đủ các giá trị đạo đức cá nhân và có khả năng biến những ý tưởng của mình thành hiện thực, trong khi vẫn dành trọn cuộc đời để phụng sự xã hội.

Tác phẩm *Compassionate Samurai* đưa ra mười quy tắc mà người CBNT luôn tuân thủ là: *cam kết, trách nhiệm cá nhân, cống hiến, tập trung, trung thực, danh dự, lòng tin, sự quảng đại, dũng cảm, và luôn trau dồi kiến thức*. Theo tác giả, hơn lúc nào hết trong thế giới ngày càng phẳng này, CBNT chính là hình mẫu mà mọi người cần rèn luyện... để không chỉ đi tìm sự giàu có cho riêng mình mà để trở thành một người sống với trái tim khoan dung nhân hậu, một người đáng tin cậy, một thành viên tích cực của cộng đồng, một người con yêu nước và một công dân có trách nhiệm. Tác giả kêu gọi xã hội cần phải có những CBNT, cụ thể qua hình ảnh Nelson Mandela, một người kiên cường trải qua 27 năm biệt giam ở nhà tù Nam Phi để thực hiện ước mơ giải phóng đất nước; hay Warren Buffet, một nhà đầu tư vĩ đại, làm giàu nhưng cũng thể hiện cam kết mạnh mẽ với cộng đồng và những giá trị sống của bản thân trong việc hiến tặng gần như toàn bộ gia sản của mình cho nhân loại. Đó là phẩm chất đầu tiên: sự cam kết. Tác giả diễn giải, "Trên thế giới này, những ai dám đi đến tận cùng để thực hiện cam kết của bản thân sẽ là người chiến thắng". Tuy nhiên dù là người tận tâm và kiên định với cam kết của mình, nhưng nếu xuất phát từ những động cơ đê hèn, như bợn khủng bố chẳng hạn, thì cũng không thể coi là những CBNT được; vì động cơ của người CBNT phải là hướng đến cái thiện, đến phúc lợi cho mọi người. Phẩm chất thứ hai mà tác giả ca ngợi là tinh thần trách nhiệm cá nhân. Một thái độ đáng buồn của giới trẻ và của kể cả một số người trưởng thành ngày nay là họ không đủ can đảm lựa chọn quan điểm cho riêng mình và không có ý thức phục vụ người khác. Họ sống thụ động a dua, buông xuôi, chạy theo bầy đàn một cách thiếu trách nhiệm; bởi lẽ chịu trách nhiệm cá nhân có nghĩa là đồng ý với quan điểm chính ta là tác nhân tạo ra những trải nghiệm bản thân thông qua những lựa chọn mà ta quyết định thực hiện. Thiếu trách nhiệm dẫn đến thiếu lương tâm hoặc không thể hay không muốn nghe theo lương tâm; trong khi chính lương tâm cho phép con người có khả năng phân biệt giữa đúng và sai. Chừng nào lối sống thiếu trách nhiệm còn tồn tại phổ biến thì tiếng nói lương tâm bị lấn át. Nhiều người đã làm những chuyện không thể tin được nhưng chẳng mấy may cảm thấy hối hận hay tội lỗi. Người ta bắn giết lẫn nhau vì những nguyên do không đâu. Chồng giết vợ, vợ đốt chồng, con giết cha, anh giết em, bạn bè giết nhau, loạn luân... xảy ra như

chuyện bình thường. Lương tâm đã hấp hối hay đã chết ở nhiều xã hội trên thế giới chỉ vì thói vô trách nhiệm. Người CBNT luôn tự hỏi: "Tôi có thể làm gì để phục vụ con người, tổ chức này hay đất nước này?". Đó là ý nghĩa của phẩm chất "cống hiến". Hãy nghe một nhà lãnh đạo khẳng định *"Chúng ta sống bằng những gì chúng ta nhận được nhưng chúng ta tạo ra cuộc sống bằng những gì chúng ta cho đi"* (W. Churchill).

Ngay trong kinh doanh, người CBNT cũng hướng về phục vụ. Những công ty hàng đầu thế giới như Microsoft hay Wal Mart luôn đặt ý hướng làm hài lòng khách hàng làm trọng tâm hay mục tiêu phát triển. Người ta không thể quên tấm lòng cao cả và số tiền khổng lồ mà vị chủ tịch Bill Gates hay Warren Buffet của những công ty ấy dành cho những bệnh nhân AIDS ở châu Phi. Chỉ ba phẩm chất đầu tiên của CBNT ấy đã khiến chúng ta phải suy nghĩ nhiều đến con người VN hôm nay. Những CBNT hôm nay đang ở đâu trên đất nước Việt Nam này, trong cuộc sống này, đang ngồi vào cương vị lãnh đạo hay đang làm việc miệt mài trên nông trường nắng gió, trên những giàn khoan ngoài khơi hay trong trong những nhà thương chật ních bệnh nhân...? Hơn bao giờ hết chúng ta đang cần lắm những CBNT trong hàng ngũ những người quản lý, lãnh đạo vì họ chính là những tấm gương cho quần chúng, cho nhân dân. Hãy cùng nhìn lại lịch sử để nhớ lại bài học về những người lãnh đạo thiếu phẩm chất cống hiến, trung thực, thiếu trách nhiệm cá nhân đã đưa đến sự tàn lụi của đất nước, suy vi của triều đại.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, vua Lý Cao Tông chơi bời vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liên nhiều năm nên cơ nghiệp nhà Lý từ đấy mà suy. Năm 1179, Cao Tông xuống chiếu cấm không được đem mắm muối và đồ sắt lên đổi bán ở đầu nguồn, điều này chẳng khác gì bế quan tỏa cảng, làm cho kinh tế không phát triển.

Đại Việt sử ký toàn thư cũng ghi nhận "Trần Dụ Tông hợp các nhà giàu như làng Đình Bảng ở Bắc Giang, làng Nga Đình ở Quốc Oai vào cung đình đánh bạc làm vui, một tiếng bạc đặt gần 300 quan tiền, ba tiếng thì đã đặt gần 1.000 quan...". Về chuyện vua đánh bạc, sách *Việt sử tiêu án* đã phê phán: "Làm vua một nước mà mở sòng đánh bạc để lấy hớ... thật đáng bĩ"; còn nhà sử học Phan Phu Tiên nhận xét: "Dụ Tông công nhiên làm vậy, gọi những nhà giàu vào cung đánh bạc rồi sau người trong nước bắt chước cái dờ ấy, không thể ngăn cấm được nữa. Cuối cùng, vì tệ đánh bạc mà mất nước". Còn bao nhiêu tấm gương nữa như vua "quý" Lê Uy Mục (trị vì từ 1505-1509), vua "lợn" Lê Tương Dực (trị vì từ 1509-1516)... Những hành vi đó đều khiến đất nước lâm nguy, dân tộc khốn cùng, và đưa đến sự sụp đổ của triều đại; may mà giai đoạn đó lân quốc phương Bắc cũng đang gặp khó khăn, nếu không, chưa biết tình trạng đất nước ta bây giờ ra sao.

Hiện nay, trong hàng ngũ công bộc dân của đất

nước ta dường như thiếu vắng những CBNT; nhiều công chức bị tha hóa trước tệ nạn xã hội; tình trạng tham nhũng trong cơ quan công quyền đang có nguy cơ phát triển mà nếu không có những biện pháp quyết liệt để ngăn chặn sẽ là căn bệnh trầm kha, gây bức xúc trong nhân dân, trở thành "quốc nạn"! Chính người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đã phải thừa nhận: *"Đứng trên tổng thể mà xét, hiện nay cái làm cho quần chúng oán thán nhất, gây mất lòng tin nhất, làm xói mòn bản chất Đảng, đó chính là sự suy thoái cả về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; cái này thật là nghiêm trọng"*.

Cái chính là thiếu quy định trách nhiệm cá nhân như vừa được đề cập ở phần trên. Một phần do cơ chế chống chéo: ai giám sát ai? Khi ông trưởng ban chống tham nhũng là quan đầu tỉnh và nếu chuyện tham nhũng rơi vào gia đình ông thì vấn đề sẽ được xử lý thế nào? Trách nhiệm tập thể hay nói cách khác là không ai chịu trách nhiệm sau cùng! Những tiếng nói phản biện thường thì yếu ớt không đủ mạnh hoặc bị "chụp mũ" phá hoại, không xây dựng, nói xấu... Nếu không có trách nhiệm cá nhân hay sự tôn trọng chính mình, thì những phẩm chất còn lại như lòng can đảm hay niềm tin cũng không có đất để tồn tại, nói gì sinh sôi.

Nhà văn Nguyễn Ngọc trong một bài viết đã thẳng thắn đề cập tới *"một trạng thái chán chường sâu sắc và mệnh mông về đạo đức xâm chiếm mọi con người"*. Theo ông, tâm trạng chán chường trước sự sa sút về đạo đức ấy phát sinh từ một "căn bệnh" cứ "vây kín quanh mình, "va vào đâu cũng gặp" dưới "mọi kiểu trắng trợn hay tinh vi", đó là *sự giả dối*.

"Tôi cho rằng căn bệnh nặng nhất, chí tử nhất, toàn diện nhất của xã hội ta hiện nay là bệnh giả dối. Chính cái giả dối tràn lan khiến người ta không còn thật sự tin vào bất cứ điều gì nữa. Câu hỏi thường trực bây giờ: Tốt để làm gì? Sạch để làm gì? Quên mình để làm gì? Xả thân chống lại cái xấu, cái giả để làm gì? Liệu rồi có ai, có cơ chế nào bảo vệ những nỗ lực đạo đức đó không? Hay thậm chí bị cả cơ chế quật đánh lại như vẫn thấy không hề ít?"

(Nguyễn Ngọc – *Căn một cuộc tự vấn*)

Hiện nay, chỉ cần mở một trang báo bất kỳ, ngày nào người ta cũng cảm thấy chạnh lòng, xốn xang cho tình trạng xuống cấp của đạo đức: chuyện giết người, có lý do và không lý do, ngoài đường hay trong gia đình, với những kẻ sát nhân tuổi còn măng sữa... khiến nhiều bậc thức giả e ngại chúng ta đang "mất gốc" văn hóa, đạo đức ngàn xưa. Điều đáng buồn hơn là sự vô cảm đang thâm nhập, xâm chiếm dần trong giới trẻ, những người được dạy dỗ phải yêu cái đẹp, cái thiện thì lại dửng dưng, không cảm xúc trước mọi biến cố của đời sống. Có chăng họ chỉ xúc động hay phấn khích khi chạy theo thời trang, theo thần tượng âm nhạc hay điện ảnh một cách cuồng nhiệt và cuồng



loạn. Có người đã cảm thán, “Đúng là người ta giờ bị mắc bệnh vô cảm. Mà còn hơn vô cảm nữa khi xảy ra vụ có người đang trả tiền và họ bị cướp tiền làm tung tóe ra đường phố thì đám đông nhẩy vào cướp tiền đó. Đây là tình trạng còn hơn vô cảm nữa, tức là sự ăn cướp đã trở thành hiện tượng đương nhiên trong xã hội...”. Đạo đức xuống cấp khiến con người không còn hướng thiện. Đó là điều nguy hiểm vô cùng cho dân tộc Việt Nam hôm nay và gay go hơn là cả mai sau khi giới trẻ không còn người hùng hay thần tượng đúng nghĩa để vươn tới và thấp sáng ước mơ.

Làm sao phục hoạt tinh thần dân tộc?

Trong tình hình phức tạp như hiện nay, có lẽ những ai có tâm huyết, các bậc thức giả và cả giới chức hữu trách nếu thực lòng với quê hương – khó mà tìm ngay ra giải pháp hữu hiệu tức thời cho câu hỏi này. Một nhà giáo ở miền Bắc tin rằng:

“Tôi nghĩ thay đổi được những hiện trạng xấu như thế này cần tới nỗ lực rất toàn diện. Đó là nỗ lực chung của xã hội, của tôn giáo, của đạo đức, của sư phạm, của giáo dục, của các mối quan hệ trong xã hội, của các giá trị truyền thống và các giá trị hiện tại. Nói chung phải có sự tôn trọng và hài hòa trong xã hội” (Nguyễn Thượng Long).

Còn về Brian Klemmer thì sao? Ông là người thực tế. Ông chỉ yêu cầu bạn hãy ngồi xuống ngay bây giờ, lấy ra một tờ giấy và ghi lại:

1. Ba cam kết lẽ ra bạn phải làm nhưng đã bị hoãn lại.
2. Ba cam kết sau cùng đưa ra nhưng không thực

hiện được. Vì sao? Cái giá phải trả để lấy lại uy tín cá nhân bạn là gì?

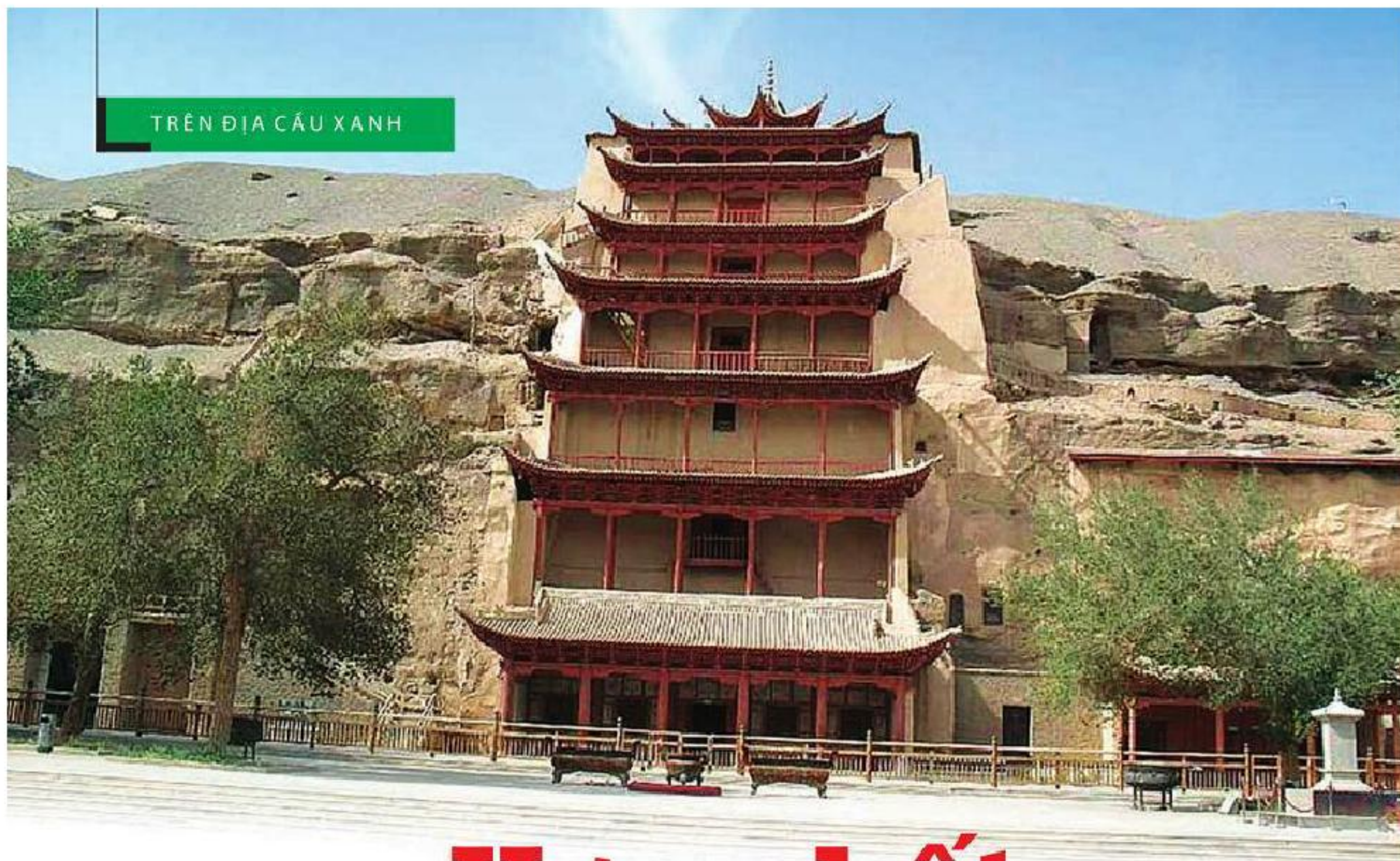
Về trách nhiệm cá nhân cũng vậy, bạn hãy ghi lại những kinh nghiệm sau:

1. Bạn đã từng làm sai và đổ lỗi cho ai chưa?
2. Bạn có thể thực hiện lựa chọn nào khác nhằm thay đổi cuộc đời mình theo hướng tích cực không?

CBNT chỉ trao tặng và không nghĩ đến lợi ích cá nhân, khác với người bình thường trao tặng và mong nhận lại. Hãy nhớ gieo nhân nào gặt quả ấy. Warren Buffer và Bill Gates đang cho đi rất nhiều nhưng công ty của hai ông vẫn đang thu hoạch nhiều như thế từ lợi nhuận đến uy tín. Tác giả nhấn mạnh: “Đó là quy luật. Khi bạn trao tặng từ trái tim và không kỳ vọng nhận lại bất kỳ điều gì, bạn đang thực hiện việc trao tặng ở cấp độ cao nhất... Bạn trao tặng không phải để nhận lại mà vì bạn đã quyết tâm trở thành người trao tặng đúng nghĩa: (Brian Klemmer – *Compassionate Samurai*). Đó cũng chính là một biểu hiện của tinh thần hay một sự thực hành hạnh bố thí ba-la-mật.

Trở lại với tâm nguyện của những vị sư đã dẫn thân đến trụ trì những ngôi chùa trong quần đảo Trường Sa, có thể thấy hành động của chư vị đã khẳng định tinh thần CBNT của Phật giáo Việt Nam vẫn tồn tại, cách này hay cách khác.

Ngày Phật đản, chúng ta hãy hướng tâm mình về những điều Phật dạy và tự hỏi chúng ta đã làm gì, đang làm gì để thực hiện dù chỉ một phần những điều Phật dạy, ứng dụng vào cuộc sống hôm nay. Làm được dù ít hay nhiều, bạn sẽ thấy mình vươn lên mạnh mẽ như một chiến binh đầy lòng nhân ái... ■



Hợp nhất

việc nghiên cứu Phật giáo với nghiên cứu và bảo tồn nền nghệ thuật Phật giáo

LÂM HẠNH NHIÊN tổng hợp

Viện Nghệ thuật Courtauld (Courtauld Institute of Art) là một phân khoa tự trị thuộc Viện Đại học Luân Đôn (University of London) chuyên nghiên cứu lịch sử nghệ thuật, được coi là một trong những trung tâm hàng đầu về giảng dạy lịch sử nghệ thuật trên toàn thế giới. Viện được thành lập vào năm 1932 nhờ những nỗ lực mang tính vô vị lợi của hai người đam mê sưu tầm nghệ thuật là Samuel Courtauld, một kỹ nghệ gia, và Nam tước Arthur Hamilton Lee, một chính trị gia, cùng một vị sử gia là Robert Witt. Bắt đầu bằng một cuộc trưng bày những bức tranh thuộc trường phái Ấn tượng và hậu Ấn tượng Pháp được tổ chức năm 1932 tại Luân Đôn do Samuel Courtauld bảo trợ, viện nghệ thuật này đã tiếp nhận nhiều tặng phẩm nghệ thuật và được thừa kế những bộ sưu tập nghệ thuật có giá trị để trở thành một trong những tổ chức nghiên cứu lịch sử nghệ thuật có tầm cỡ thế giới. Chỉ là một phân khoa nhỏ bé nhưng nhiều học viên tốt nghiệp Viện Nghệ thuật Courtauld đã trở thành giám đốc những nhà bảo tàng nổi tiếng thế giới. Mới đây, Viện Nghệ thuật Courtauld được giới nghiên cứu nghệ thuật Phật

giáo đặc biệt quan tâm khi tổ chức này công bố một chương trình đào tạo bậc thạc sĩ về *Nghệ thuật Phật giáo, lịch sử và bảo tồn*.

Theo một thông cáo báo chí được phát hành vào ngày 9-4-2012, viện đã tiếp nhận một khoản tài sản trị giá hai triệu rưỡi bảng Anh do quỹ từ thiện của gia đình Robert H.N. Ho thuộc Hồng Kông hiến tặng để tiến hành một chương trình đào tạo hậu đại học chuyên về nghệ thuật Phật giáo; khảo sát vấn đề từ quan điểm tôn giáo, lịch sử, và việc bảo tồn. Chương trình đào tạo kéo dài trong một năm, mỗi khóa chỉ tuyển 8 sinh viên từ mọi nơi trên khắp thế giới, sẽ tiến hành nghiên cứu những di sản phong phú của nền nghệ thuật Phật giáo, từ những bức tranh tường trong các hang động dọc Con đường tơ lụa nối châu Âu với vùng Viễn Đông, đến những tác phẩm điêu khắc khổng lồ, những dụng cụ nghệ thuật tinh tế bằng gốm sứ, và những tác phẩm viết tay nổi tiếng. Bên cạnh việc nghiên cứu sâu về nghệ thuật Phật giáo, các nghiên cứu sinh theo học khóa học này còn được tìm hiểu kỹ về bản thân Phật giáo và những lễ lối khiến niềm tin, tục lệ, việc hành trì, và các hình thức bảo trợ đã ảnh hưởng đến việc biểu thị nghệ thuật Phật giáo.



Việc chú ý đến những tác phẩm nghệ thuật ngoài Tây phương sẽ trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của Viện nghệ thuật Courtauld. Trong những thập niên đầu tiên sau khi được thành lập, chương trình hoạt động của Courtauld có bao hàm các lãnh vực nghệ thuật Trung Hoa, Nhật Bản, và Ấn Độ. Tuy nhiên, sau khi chấm dứt cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, viện này lại tập trung vào truyền thống nghệ thuật phương Tây, nhường lãnh vực ngoài phương Tây lại cho một trường nghệ thuật cũng thuộc Viện Đại học Luân Đôn là Trường Nghiên cứu về Phi châu và Đông phương (School of Oriental and African Studies). Vị giám đốc đương nhiệm của viện Courtauld, nữ Giáo sư Deborah Swallow, cho biết khoản hiến tặng đến từ quỹ của gia đình Robert H.N. Ho sẽ cho phép viện trở lại với khuynh hướng nghiên cứu thời trước thế chiến thứ hai.

Quỹ gia đình Robert H.N. Ho là một tổ chức từ thiện được thành lập vào năm 2005, có mục đích đẩy mạnh sự phát triển văn hóa Trung Quốc và sự hiểu biết về Phật giáo. Quỹ này còn đóng góp cho việc nghiên cứu về Phật giáo ở nhiều trường đại học khác trên thế giới, trong đó có Đại học Harvard, Đại học Stanford, Đại học Hongkong, và Trường Cao đẳng Phật giáo Quốc tế tại Thái Lan. Đại diện của quỹ phát biểu, “Cho đến nay, Phật giáo, nghệ thuật Phật giáo, và vấn đề bảo tồn các di sản văn hóa Phật giáo đã được nghiên cứu một cách tách biệt nhau. Chúng tôi rất vui mừng bảo trợ cho việc hợp nhất các lãnh vực nghiên cứu này trong một chương trình mới không chỉ có ảnh hưởng đến giới học thuật mà còn tác động đến việc bảo tồn những bảo vật không thể có gì thay thế được trên khắp thế giới”. Ông nói thêm, “Đây là lần đầu tiên việc bảo tồn nền nghệ thuật Phật giáo trở thành trọng tâm chú ý của giới học thuật và sự

nghiên cứu thực tiễn thay vì chỉ là một vấn đề ngoài lề”.

Đã có những lời phản đối kịch liệt nổ ra trên khắp thế giới khi pho tượng Phật khổng lồ có niên đại thế kỷ thứ VI khắc trên núi đá trong thung lũng Bamyán thuộc Afghanistan bị phá hủy bởi tổ chức Taliban vào năm 2001. Nhiều bảo vật khác cũng đã chịu tình trạng bị hủy hoại, điều tàn chỉ vì thiếu sự quan tâm hoặc bị bỏ bê. Chính điều đó đã thúc đẩy quý Robert H.N. Ho quan tâm hơn đến nền nghệ thuật Phật giáo. Việc quý này tài trợ cho Viện Nghệ thuật Courtauld dẫn xuất từ chỗ các chuyên viên của viện Courtauld được đánh giá là những người có thẩm quyền trong lãnh vực nghệ thuật Phật giáo. Chuyên viên của Viện Courtauld đã thực hiện những chuyến tiếp cận độc nhất với di sản còn chưa được biết đến của Bhutan, một vương quốc Phật giáo ngày xưa. Họ cũng đã tiến hành những cuộc khảo sát tại Đôn Hoàng và đóng góp những ý kiến về việc bảo tồn đối với những di sản phát hiện được trong vùng Hy-mã-lạp sơn.

Vừa qua, để chuẩn bị cho việc thực hiện chương trình đào tạo mới nói trên, Viện Nghệ thuật Courtauld cũng đã tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế về những chủ đề: Xác định thế nào là nghệ thuật Phật giáo, Sự sáng tạo và công năng của nền nghệ thuật Phật giáo, Việc bảo tồn nền nghệ thuật Phật giáo, và Vai trò của nền nghệ thuật Phật giáo trong thế giới đương đại. Cuộc hội thảo diễn ra trong bốn ngày, từ 11-4 đến 14-4-2012 và đã quy tụ một số chuyên viên hàng đầu trong lãnh vực nghệ thuật Phật giáo đến nói chuyện.

Người ta hy vọng rằng hoạt động của Viện Nghệ thuật Courtauld trong lãnh vực nghiên cứu nghệ thuật Phật giáo sẽ có những đóng góp lớn cho việc giữ gìn những di sản quý báu của nhân loại đang có nhiều nguy cơ bị hủy hoại vì nhiều lý do. ■

Bản du ca đời người

HỒ SĨ BÌNH

1 Anh em chẳng còn mấy, anh cố gắng thu xếp về... Nhận được tin Hoàng nhắn, tôi vừa vui vừa áy náy; vì thật ra, việc xây mộ cho di là trách nhiệm của anh em tôi. Nói về huyết thống thì Hoàng chẳng có quan hệ gì, kể cả với người nằm dưới mộ. Hồi mới hay tin, tôi đã ngăn cản, sao lại xây mộ vào cái mùa mưa bão ngoài mình, có mà điên chắc; nhưng Hoàng nói như đinh đóng cột: Quyết rồi anh ạ, không trừ trừ được, mình làm được sớm khi nào hay khi ấy; mà không lẽ để di nằm dầm thêm một mùa mưa lũ nữa. Thế là từ cả tháng trước anh ta đã lặn lội từ trong Nam để về làng ngoại lo tất tần tật mọi công việc thiêng liêng đó. Nhận được tin, dù rất bận rộn, tôi cũng phải về quê.

Thực ra thì mộ của di đã được xây hơn mười năm trước sau khi di mất; nhưng hồi đó do khó khăn nên làm cũng sơ sài, mà mộ của di lại ở đúng vào vuông đất bị sụt lún rất nặng; nên bây giờ làm lại, khang trang bề thế hơn nhiều. Mộ có nhà bia cao ráo, trên mái chạm khắc ở đầu hồi bằng vật liệu chén bát vỡ trông rất nghiêm cẩn, trước cổng có 2 con nghê đá mang từ làng đá Non Nước về, bên trong phần mộ, là thành đều ốp đá đen granit. Nhìn vào toàn bộ công trình ai cũng trầm trồ, không chỉ khen ngợi mà bà con đều cảm phục Hoàng, người đã bỏ tiền bạc và công sức ròng rã cả tháng trời để theo dõi đơn đốc xây dựng dù anh ta chẳng có quan hệ máu thịt gì với di.

2 Hoàng lớn hơn tôi mấy tuổi. Hồi nhỏ ở quê, cha hoạt động du kích trong vùng rồi bị địch bắn chết, sau đó mấy năm bà mẹ bệnh rồi mất để lại hai anh em Hoàng mồ côi khi mới 2, 3 tuổi. Di Hai, di Ba của tôi ở làng bên cạnh, đưa hai anh em về nuôi, cho ăn học làng hoàng tử tế. Hai di vốn chẳng phải giàu có gì, chỉ chạy chợ kiếm bữa từng ngày nên đành lòng chia mỗi người nuôi một đứa. Anh của Hoàng lớn lên bị đồn quân đi lính rồi cũng chết trận.

Đã gần 20 năm không gặp kể từ ngày Hoàng vào tuốt dưới Bến Tre lập nghiệp, mang theo cả di nữa. Chỉ loáng thoáng nghe anh ta làm ăn phát đạt lắm và nhất là phụng dưỡng di cũng hết lòng. Ngày di mất, chiếu theo tâm nguyện của di nên Hoàng đưa di về quê an táng, rồi bỏ tiền xây lăng đắp mộ nên bà con rất quý, ai cũng cho là di tôi có phước.

Con đường lập thân của anh ta cũng nhiều sóng gió, bước đầu Hoàng làm việc trong một cơ quan nhà nước được năm sáu năm. Vừa là con liệt sĩ lại vừa có trình độ đại học nên anh cũng được cất nhắc lên làm trưởng phòng rồi dần dần lên tới giám đốc. Công ty làm ăn rất phát đạt nhưng cũng vì chuyện bè phái tranh giành đấu đá nội bộ, có người bưng bít lý lịch gia đình Hoàng có người anh trai đi lính chế độ Sài Gòn chết trận. Nản, bỏ ra làm ngoài, cũng bươn



chải vật lộn mưu sinh “lên rừng xuống biển” nhiều năm, đến giờ thì mọi việc ổn cả rồi, Hoàng kể. Đời anh cũng “ba chìm bảy nổi sáu cái lênh đênh”, có lúc tưởng bị vớt ra một xó xỉnh nào đó ngoài đời, không gượng dậy nổi, thế nhưng, rồi cũng đâu vào đấy. Mình đã bước qua cái tuổi tri thiên mệnh, hoàn cảnh từng đối mặt trước bao sóng gió bể dâu, thương hải tang điền, gặp biết bao những kẻ lợi dụng lòng tin, thọc gậy bánh xe, đồ kỵ thâm hiểm hồng vui đập mình. Nhưng em chiêm nghiệm một điều (anh ta gọi tôi bằng anh theo vai về bên ngoại), cuộc đời dù có đón đầu phức tạp nhưng bên cạnh những con người xấu, vẫn còn những người thật tử tế đã luôn đứng bên cạnh mình vào những lúc khó khăn. Phải tin vào điều đó anh ạ.

3 Nghe anh ta nói, bỗng dưng như một người đồng điệu, tôi chợt nhớ đến một cuốn tiểu thuyết đọc hồi nhỏ - *Bản du ca của loài người không còn đất sống* của Erich Maria Remarque. Đó là câu chuyện kể về những người Do Thái bị săn đuổi dưới thời Đức Quốc xã, phải chạy trốn qua các nước ở châu Âu. Câu chuyện nhiều tình tiết, nhiều nhân vật nhưng nhớ nhất là một chi tiết làm sống dậy niềm man trong tâm cảm khi theo dõi câu chuyện đời của

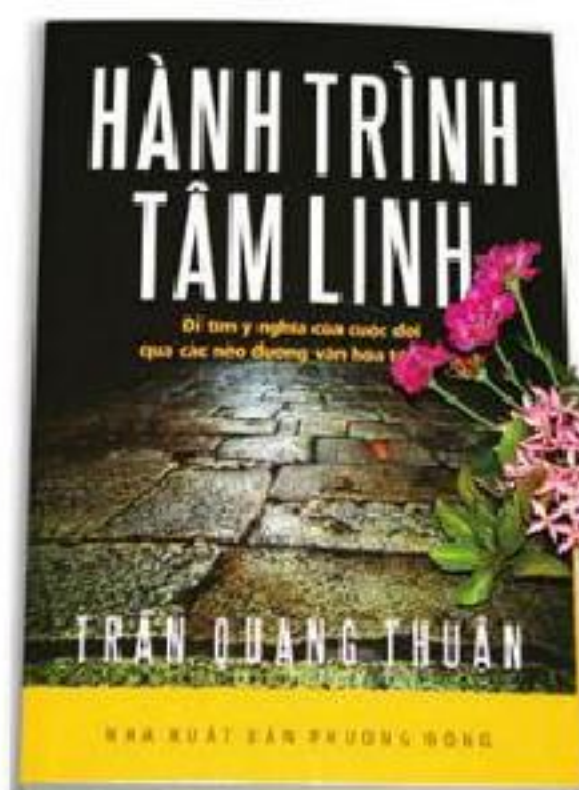
Hoàng. Đó là chuyện kể của đôi tình nhân trẻ tuổi là Kem và Ruth Holland. Đêm đêm Kem thường hẹn đến gặp người yêu của mình bằng cách phát tín hiệu là đốt một que diêm. Vào một đêm thường hẹn, Kem đã đốt mấy que diêm mà Ruth Holland vẫn không nhận ra tín hiệu. Sốt ruột quá, anh châm lửa đốt cả thùng diêm khiến mặt vụ phát hiện; thế là Kem bị bắt. Khi ra tòa, Kem được nói lời cuối cùng – đọc lâu quá không nhớ rõ, đại ý là thế này: Cho dù luôn bị rình rập, bủa vây bởi những con người đã bán linh hồn cho quỷ dữ, tôi vẫn hằng tin trên trần gian này luôn còn những con người lương thiện, nhân ái sẵn sàng giúp đỡ người khác. Kết thúc cuốn tiểu thuyết cũng là lời nói của một người trẻ tuổi đang đứng trước cái chết, cũng chỉ là một thông điệp đơn giản của niềm tin cần nói với chính mình nhưng giá trị của ý nghĩa thì thuộc về vĩnh hằng.

Hoàng ngồi nghe, gật gù rồi ghé thêm: Ngày trước nếu không có mấy dì thì làm sao mà tụi em có được như ngày hôm nay, chắc cũng ngủ bờ ngủ bụi vật vờ đâu đó ở quê rồi. Mấy ai mà tốt bụng như mấy dì, cho ăn cho học đàn hoàng; mà phải chi mấy dì giàu có cho cam. Rồi như chợt nhớ ra điều gì, Hoàng nói như kết luận: Mà sao ngày trước mình gặp toàn người tốt, giàu lòng nhân ái không, anh hè? ■

Giới thiệu sách mới

CHU ĐĂNG GIANG

Văn Hóa Phật Giáo vừa hân hạnh tiếp nhận hai tặng phẩm có giá trị là hai tác phẩm mới xuất bản của các vị cộng tác viên ở nước ngoài, Hành trình tâm linh của Tiến sĩ Trần Quang Thuận và Trí tuệ giải thoát của Tiến sĩ Vũ Thế Ngọc, xin trân trọng giới thiệu với quý độc giả.



Hành trình tâm linh của học giả Phật giáo Trần Quang Thuận đưa người đọc lần theo con đường tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi “ta từ đâu đến rồi sẽ đi về đâu?” kể từ khi loài người biết sống hợp quần và đã có ngôn

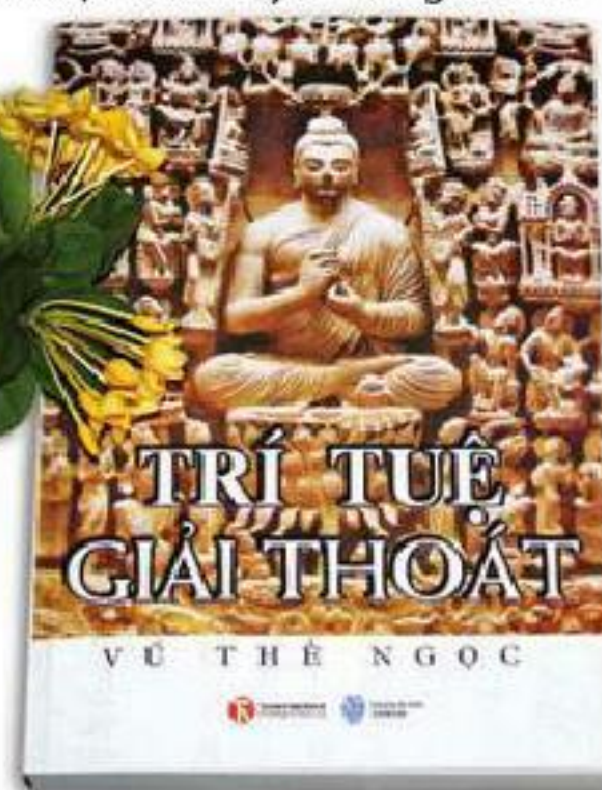
ngữ để trao đổi. Từ Ấn Độ cổ với Thánh ca *Bagavad Gita* cho rằng đời người là một bộ phận thiêng liêng của vũ trụ thánh thiện, qua văn hóa cổ Hy Lạp nơi các nhà hiền triết Socrates, Platon và Aristotle triển khai quan niệm về đạo đức và lý tính, đến ý niệm về một vị Thượng đế toàn năng sáng tạo vũ trụ của người Do Thái, con người chưa hết băn khoăn. Ở một phần phương Đông, văn minh Trung Quốc sản sinh những triết gia chú trọng đến đời sống thể tục là Khổng Mạnh và Lão Trang. Quan niệm của Do Thái cổ tiếp xúc với tư tưởng hoài nghi và khắc kỷ của kỷ nguyên Hy Lạp hóa đã hình thành quan điểm Cơ Đốc giáo, chịu ảnh hưởng bản lĩnh thực tiễn của người La Mã. Một nhánh khác của văn hóa Do Thái cổ phát triển giữa các sắc dân du mục để hình thành Hồi giáo. Sang thời cận đại, các triết gia David Hume, Emmanuel Kant, John Stuart Mill, Leon Tolstoy, và Friedrich Nietzsche tiếp tục thao thức trước những khác biệt giữa lý tưởng và thực tại. Thân phận người bị trị trong thời châu Âu đi tìm thuộc địa được thể hiện qua tư tưởng của người thổ dân châu Mỹ hiện đại và của Mohandas Gandhi được nói qua để dẫn đến chủ nghĩa hiện sinh với tư tưởng của Albert Camus, Soren Kierkegaard, Nietzsche, Fyodor Dostoyevsky, Frank Kafka, Hermann Hesse, điểm qua việc hình thành Hiện tượng học với Edmund Husserl và Martin Heidegger, và đặc biệt là quan niệm của Jean Paul Sartre. Đến đây, *Hành trình tâm linh* đưa người đọc trở về với Phật giáo, câu trả lời tối hậu cho mọi thắc mắc về ý

nghĩa của kiếp nhân sinh, cho thấy những giải đáp của Đức Phật là trọn vẹn hơn cả.

Hành trình tâm linh được Nhà Xuất bản Phương Đông chịu trách nhiệm phần nội dung, liên kết thực hiện với Nhà sách Văn Thành, in 1.000 bản khổ 16x24cm, dày 535 trang tại Công ty Xuất nhập khẩu ngành In, phát hành trong tháng 4 năm 2012.

Trí tuệ giải thoát nghiên cứu về kinh *Kim Cương Nặng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật*, được Tiến sĩ Vũ Thế Ngọc sưu tầm, giới thiệu, dịch ra tiếng Việt, có chú thích và diễn giảng cặn kẽ. Nhà học giả chuyên về văn hóa Trung Quốc này đã có công phu đối chiếu các bản Hán dịch của Huyền Trang và Cưu-ma-la-thập, bản Anh ngữ của Edward Conze, và các bản Sanskrit hiện lưu trữ tại các thư viện quan trọng trên thế giới, rồi để nghị một bản Việt dịch đầy đủ. Về bản dịch, sách trình bày nội dung từng đoạn kinh bằng Hán văn dựa trên bản dịch của Cưu-ma-la-thập, tiếp theo là phiên âm Hán Việt, rồi mới đến bản dịch Việt ngữ, có đối chiếu với bản Anh ngữ của Conze; mỗi đoạn đều có chú thích và giảng giải. Sách có hai phần phụ lục. Phần đầu nói thêm về tư tưởng hữu ngã trong Phật giáo, và giới thiệu tiểu sử hai dịch giả Cưu-ma-la-thập và Edward Conze. Phần hai là các bản Phạn ngữ theo mẫu tự Latin, bản Phạn ngữ Devanagari, và bản Hán dịch theo ngài Huyền Trang.

Trí tuệ giải thoát được thực hiện do sự liên kết giữa Nhà Xuất bản Thời Đại và Nhà sách Thái Hà, in 500 bản khổ 14,5x20,5cm, dày gần 500 trang tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Prima, phát hành trong tháng 4-2012. ■



Duyên phận

HOÀNG TÁ THÍCH

Chuyện kể một chàng thanh niên đi tìm người đàn bà cho cuộc đời của mình. Anh chàng tự thấy mình đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi, nên hết sức kén chọn. Gặp cô nào anh cũng chê là không được hoàn toàn. Mặc dù cô nào cũng đẹp, nhưng cô thì không có duyên, cô thì học dở, cô thì có dáng đi thô... cô này thế này, cô kia thế khác. Tóm lại, chưa có cô nào làm anh ta vừa ý cả.

Sau cùng thì anh ta chọn được một người phụ nữ, có thể gọi là hoàn hảo, sắc nước hương trời, đủ mọi điều kiện. Nhưng chỉ một thời gian quen biết, cô gái này chia tay với anh, lý do anh không phải là một người đàn ông hoàn hảo để sánh duyên với cô ta, vì tính tình có hơi kiêu ngạo, cứng nhắc trong mọi vấn đề... Đây là chưa kể lấy nhau về, lỡ phải nghe anh ta ngáy quá lớn, hay mùi mồ hôi chân rất khó chịu v.v. và v.v. thì chưa biết còn ra thế

nào. Ấy là chưa nói đến những yếu tố quan trọng khác. Nghe nói, cuối cùng thì anh ta đã kết hôn với một người phụ nữ mà bên ngoài trông có vẻ tầm thường hơn bất cứ người nào anh đã từng chê bai.

Chuyện đời là thế. Ai cũng thấy mình hoàn hảo và ít khi soi gương nhìn kỹ lại bản chất đích thực của con người mình. Đã có những nghiên cứu cho thấy những người tài hoa nổi tiếng nhưng, nói chung là người của quần chúng, lúc nào cũng cảm thấy cô đơn, vì người ta yêu thích người nổi tiếng chẳng qua là do cái tài, cái nổi tiếng của người ấy mà thôi. Ngoài ra, họ chẳng biết và cũng chẳng cần tìm hiểu chút gì về con người thực của người ấy cả.

Những biểu hiện bên ngoài như sắc đẹp, duyên dáng chỉ là cái cầu bắc cho người khác đến với mình lúc ban đầu; nhưng một khi đã đi vào bên trong với nhau thì còn không biết bao nhiêu là sự khác biệt. Vì thế, người ta thường nghĩ rằng gặp được nhau ít nhiều cũng do cái số

trời định một phần thì mới có thể ở với nhau lâu dài hơn.

Tôi có một người chị họ đã lớn tuổi ở một thành phố khác nên thỉnh thoảng mới gặp nhau. Một hôm tôi đến thăm và ở lại với hai vợ chồng chị. Nhà có hai phòng ngủ mà chỉ có hai vợ chồng chị, nên vẫn còn một phòng trống. Tuy nhiên tối hôm đó, thay vì để tôi ngủ ở phòng ngủ bên cạnh thì bà chị tôi lại bảo: "Có lẽ em nên chịu khó ngủ ở phòng khách, thay vì ngủ bên cạnh phòng anh chị thì sẽ dễ ngủ hơn". Tôi không hiểu ý của bà chị, nên tôi vẫn ngủ phòng bên cạnh. Đến chừng nửa đêm, tôi nằm chiêm bao, thấy bị một chiếc xe lửa chạy ngang qua người. Tôi hoảng hốt giật mình tỉnh giấc nhưng hình như tiếng xe lửa vẫn còn. Định thần lại, mới hay không còn tiếng xe lửa trong giấc mơ nữa, mà là tiếng ngáy của ông anh họ tôi vang lên ầm ầm chẳng khác gì tiếng xe lửa. Ông ngáy đến rung nhà rung cửa, và tiếng ngáy khủng khiếp của ông đã đi vào giấc ngủ của tôi làm thành giấc chiêm bao kinh hoàng đó. Đến sáng, bà chị tôi cười hỏi hôm qua ngủ có ngon không, tôi chỉ biết cười. Tôi hỏi anh ấy ngáy lớn như thế làm sao chị có thể ngủ được. Chị cười trả lời: "Hồi mới lấy nhau, anh ngáy nhỏ hơn, càng ngày càng lớn. Riết rồi quen đi, bây giờ có tiếng ngáy của chồng lại thấy dễ ngủ!". Thế mới biết vợ chồng đúng là duyên nợ. Như ngày xưa lúc chưa lấy nhau, nếu biết người đàn ông ngủ mà ngáy khủng khiếp như thế thì hỏi bà chị tôi có dám lấy không?

Bà chị ruột của tôi lúc đã ngoài tám mươi thì ông anh rể tôi bị tai biến và sau đó, ông nằm bất động trên giường trong tình trạng chín mê một tỉnh đến sáu năm. Qua năm thứ bảy thì ông lìa đời. Hôm lên thăm đám, thấy bà chị tôi ngồi đầm chiêu nước mắt rưng rưng. Tôi ngạc nhiên, vì vẫn nghĩ rằng sau sáu năm phải chăm sóc một người nằm bất động như một món nợ, thì lúc ông ra đi, chị tôi phải thấy được giải thoát phần nào. Nhưng chị tôi giải thích: "Buổi sáng thức dậy không còn thấy anh nằm đó nữa, bỗng nhiên thấy buồn buồn. Dù không nói chuyện với nhau, nhưng nhìn thấy anh như một thói quen suốt sáu năm nay rồi".

À, thì ra là một thói quen. Bây giờ tôi mới nghĩ ra, vợ chồng là thế. Cuộc sống lâu dài bền bỉ của hai người không bà con thân thích kết với nhau, đều là nhờ những thói quen. Lúc mới lấy nhau, nàng là một cô gái trẻ đẹp. Sinh một đứa con, thân hình đã có thay đổi. Chừng sau vài ba lần sinh đẻ, thì đâu còn được như xưa. Ngực bắt đầu xệ xuống chút ít, mỡ bụng bắt đầu chiếm mất eo thon. Rồi ngày càng già. Nếu người chồng lúc nào cũng so sánh vợ mình với hình ảnh người con gái lúc mới yêu nhau thì chắc chắn không thể nào ở với nhau lâu dài. Nhưng nhờ yêu vợ thương con mà chẳng bao giờ thấy vợ mình xấu đi cả. Đó cũng là thói quen. Có những thói quen tốt, cũng như có những thói quen không tốt. Sinh hoạt gia đình thường xuyên là một thói quen. Những bữa cơm họp mặt cha mẹ với con cái cuối tuần cũng là thói quen. Vợ chồng chung giường hay riêng phòng cũng là thói quen. Những

thói quen tốt giúp vợ chồng lúc nào cũng cảm thấy sự hiện diện quen thuộc của nhau.

Bởi vậy, chung chung, có thể nói vợ chồng lấy nhau là do duyên phận. Ở với nhau lâu dài được lại là có duyên, có nợ với nhau, vì lúc chưa lấy nhau thì có thể kén chọn đủ điều, nhưng dù sao thì cũng chỉ biết nhau một phần nào mà thôi. Sống với nhau suốt đời, tất cả đều phải chung đụng, chấp nhận những cái mà trước đây chưa hoàn toàn biết nhau. Ban đầu thì cái gì giữa hai người cũng đều đẹp đẽ, lãng mạn, nhưng sau này đâu phải lúc nào cũng thế. Ngủ dậy, mắt có ghèn, miệng chảy nước dãi, ngủ thì ngáy quá lớn... Nếu chỉ nhìn nhau bên ngoài như lúc mới gặp nhau thì chắc chắn không thể sống với nhau lâu dài được. Lẽ thường hiện diện trong tất cả mọi vật, trong từng giây phút của cuộc sống. Bạn bè gặp nhau cũng là duyên, gặp nhau là duyên kết, hết với nhau là duyên tận, có thể đau buồn nhưng không đến nỗi là thảm kịch. Vợ chồng thì không phải như thế.

Người Pháp phân biệt hai thứ tình có thể nói là rất chính xác: Tình yêu và tình nghĩa.

Lúc mới yêu nhau, thể non hèn biển, một túp lều tranh hai quả tim vàng, vì đang còn thời kỳ lãng mạn, gọi là Amour (tình yêu) với chữ A viết hoa. Lấy nhau một thời gian, tình yêu trở thành tình nghĩa (Amour conjugal), chia sẻ với nhau mọi thứ. Con cái là một ràng buộc giữa hai người, cũng phải chia sẻ với nhau. Chia sẻ đủ mọi thứ từ vật chất đến tinh thần. Nếu có những mâu thuẫn không thể nào giải quyết được giữa hai vợ chồng để phải đi đến chia tay nhau thì âu cũng là cái số, nhưng con cái vẫn là một vấn đề của cả hai. Chuyện phải chia tay cũng khó mà nói được, đắp chăn mới biết chăn có rận. Có ai lường được người đàn ông lịch sự thế kia một hôm nào đó lại có thể đang tay đánh vợ? Có ai ngờ lấy nhau một thời gian, vợ sinh chứng cờ bạc, nướng hết tiền của vào sòng. Vợ chồng hai ngã hai đường có thể lập gia đình với người khác, nhưng vẫn còn một thứ bốn phận chung để ràng buộc nhau là con cái cho đến khi chúng trưởng thành, lập thân được. Thực sự chẳng cặp vợ chồng nào muốn chuyện chia tay xảy ra. Vì vậy muốn cùng sống với nhau lâu dài thì phải biết tha thứ nhường nhịn, chấp nhận phần nào hai chữ duyên số, và biến tất cả thành những thói quen. Vợ chồng sinh chứng, sinh tật cũng chỉ vì không có hạnh phúc, không có sự hòa hợp yêu thương giữa hai người.

Đàn ông nhậu nhẹt đã đành, đàn bà hút thuốc cũng thành thói quen. Thói quen một khi đã thành lập, khó mà phá bỏ được. Chồng lớn tuổi hơn vợ xưng hô anh em là chuyện đã đành. Ngang tuổi nhau thì xưng tên, nhưng có bao giờ vợ lớn tuổi hơn chồng mà nghe xưng hô chị em đâu?

Thói quen là một lợi khí để có thể sống với nhau rằng long tóc bạc. Trịnh Công Sơn trong một ca khúc chiết giải về tình yêu, cũng đã viết: "Tình yêu, như thương áo, quen hơi ngọt ngào" là thế đấy. ■



Hồi nhỏ, tôi thích học một mình, làm toán một mình,... và thích lui cui làm thủ công, mặc dầu không khéo tay. Không chỉ làm thủ công như môn học thực hành trong nhà trường (hồi trước có môn thủ công ở tiểu học), tôi còn thích làm những thứ liên quan đến trò chơi như con diều, cái kiện, cái vụ,... và những cái quen thuộc như đôi đũa, cái rổ,... Không có cái gì làm cho ra hồn, chỉ trừ một việc được mẹ tôi tin nhiệm, đó là gói bánh in.

Chuyện gói bánh in thì cũng liên quan đến chuyện làm lồng đèn, vì cùng đòi hỏi giấy màu. Nếu chuyện gói bánh in là chuyện... thiêng liêng vì cúng kỵ, chuyện Tết, thì chuyện làm lồng đèn cũng quan trọng lắm, vì làm để treo trong mùa Phật đản. Hồi đó chỉ có hai loại lồng đèn: lồng đèn ngôi sao và lồng đèn ú. Thôi thì mình chọn cái dễ: làm lồng đèn ú. Bây giờ so sánh cái lồng đèn ú do con nít làm hồi đó với lồng đèn ngày nay thì cũng giống như đem cái đèn dầu huê kỳ leo lét chơi với đèn huỳnh quang sáng ngời. Làm lồng đèn hồi đó thì tự kiếm lấy mọi thứ, được chăng hay chớ. Cây tre, cây hóp không xa lạ gì, nhưng từ thiên nhiên cho đến thành phẩm nan tre không phải dễ đối với đứa trẻ, rồi giấy màu cũng khi có khi không vì... tiền mô? Rồi đồ dán, có thể chút bột nếp, hoặc cơm nhão. Khó nhất là bộ khung cho thật chỉnh, sau đó dán giấy cho căng đều. Rốt cuộc, đèn cũng xong, cũng được thắp lên, cũng kính mừng Phật đản.

Chiếc lồng đèn ú tự làm thuở nhỏ ở thị xã Quảng Trị, giờ đã lùi quá xa trong cuộc đời tôi. Sau này khôn lớn ở Huế, những chiếc lồng đèn trở lại với tôi mỗi mùa Phật Đản, và trong lòng tôi dậy lên niềm vui khi thấy phố phường xuất hiện những gánh lồng đèn tràn đầy màu sắc, rực rỡ trong nắng ban mai. Những chiếc lồng đèn ngôi sao nhiều kích cỡ, góc cạnh đăng hoàng, có tua, có kim tuyến, có hình Đức Phật đản sanh, được bán với giá phải chăng, đã làm cho Huế vào mùa Phật đản thật sớm. Và đến ngày 14 và rằm tháng Tư âm lịch, cả thành phố sáng rực với cờ Phật giáo và lồng đèn, nhất là ban đêm. Tôi còn nhớ những hội hoa đăng không chỉ ở chùa Từ Đàm và các ngôi tổ đình, hoặc các khuôn hội, mà kể cả tư gia, đặc biệt tại hai nơi: khu vực cầu Kho Rèn với trang hoàng màu sắc và ánh sáng vô cùng rực rỡ, và khu vực cổng Thanh Long lôi cuốn

người xem đông như hội, với thiết kế rất sống động cảnh thái tử Tất-đạt-đa đêm khuya trốn khỏi kinh thành, cùng với người hầu Xa-nặc phi con ngựa Kiến Trắc, quyết ra đi tìm con đường giải thoát cho chúng sinh.

Bằng một thời gian, mùa Phật đản trôi qua trong thính lặng. May thay, cùng với đất nước đổi mới, các chùa và Phật tử Huế mới trở lại mừng Phật đản với cờ và lồng đèn rực rỡ. Lồng đèn ngày nay kiểu dáng phong phú chứ không chỉ là lồng đèn ngôi sao và lồng đèn ú, không chỉ dùng vật liệu là tre, giấy mà còn khung nhôm, gỗ, thép, vải, lụa, giấy nhựa,... và ánh sáng, thôi thì muôn màu, nhấp nháy, sống động. Tuy nhiên, sao tôi vẫn cứ không quên lồng đèn ú, đơn sơ, mộc mạc, chân tình... Thì đây rồi, lồng đèn ú đây rồi, không chỉ lẻ tẻ vài cái, mà khắp nơi, ở làng Lưu Bảo (phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên-Huế), nơi chuyên sản xuất bánh tráng. Khác với quang cảnh ban ngày với những dàn phơi bánh tráng trắng tinh lấp loáng dưới ánh nắng, những đồng cùi ngổ ngang trong vườn; những đêm của Tuần lễ Phật đản, trên những con đường đất và đường bê tông chạy sâu vào thôn xóm, những chiếc lồng đèn ú cách khoảng đều đặn, trên những hàng chè tàu – loại hàng rào của một thuở thanh bình ở làng quê – lung linh ánh sáng đỏ vàng khiêm tốn, cùng góp mặt với cờ Phật giáo, với lồng đèn ngôi sao trước nhà. Thuần thành thay những chiếc lồng đèn ú! Trong đêm trăng đầy sao và với ánh sáng của những chiếc lồng đèn ú như thế, chúng tôi cùng theo chân các đạo hữu đi lên chùa Kim Sơn cao cao trên đồi trong tiếng chuông chùa ngân nga.

Những mùa Phật đản của những năm sau này, Phật tử và nhân dân Huế hân hoan với những hình thức trọng thể và đầy ý nghĩa như Lễ Rước Phật, hoa đăng trên sông Hương, thuyền hoa, xe hoa, như lễ đài tại chùa Từ Đàm và các lễ đài tại cửa ngõ hai đầu thành phố, như tuyệt tác *Bảy đóa hoa sen trên sông Hương* mà nay đã trở thành truyền thống và biểu trưng của Phật giáo Huế, nhưng sao tôi vẫn ước ao Phật tử mình trang hoàng cờ đèn nhiều hơn nữa, và đặc biệt, treo càng nhiều càng tốt những chiếc lồng đèn ú dọc bên đường phố thị hay thôn xóm, như cùng thể hiện và lan tỏa niềm vui của người Phật tử trong ngày lễ trọng đại nhất của mình. ■



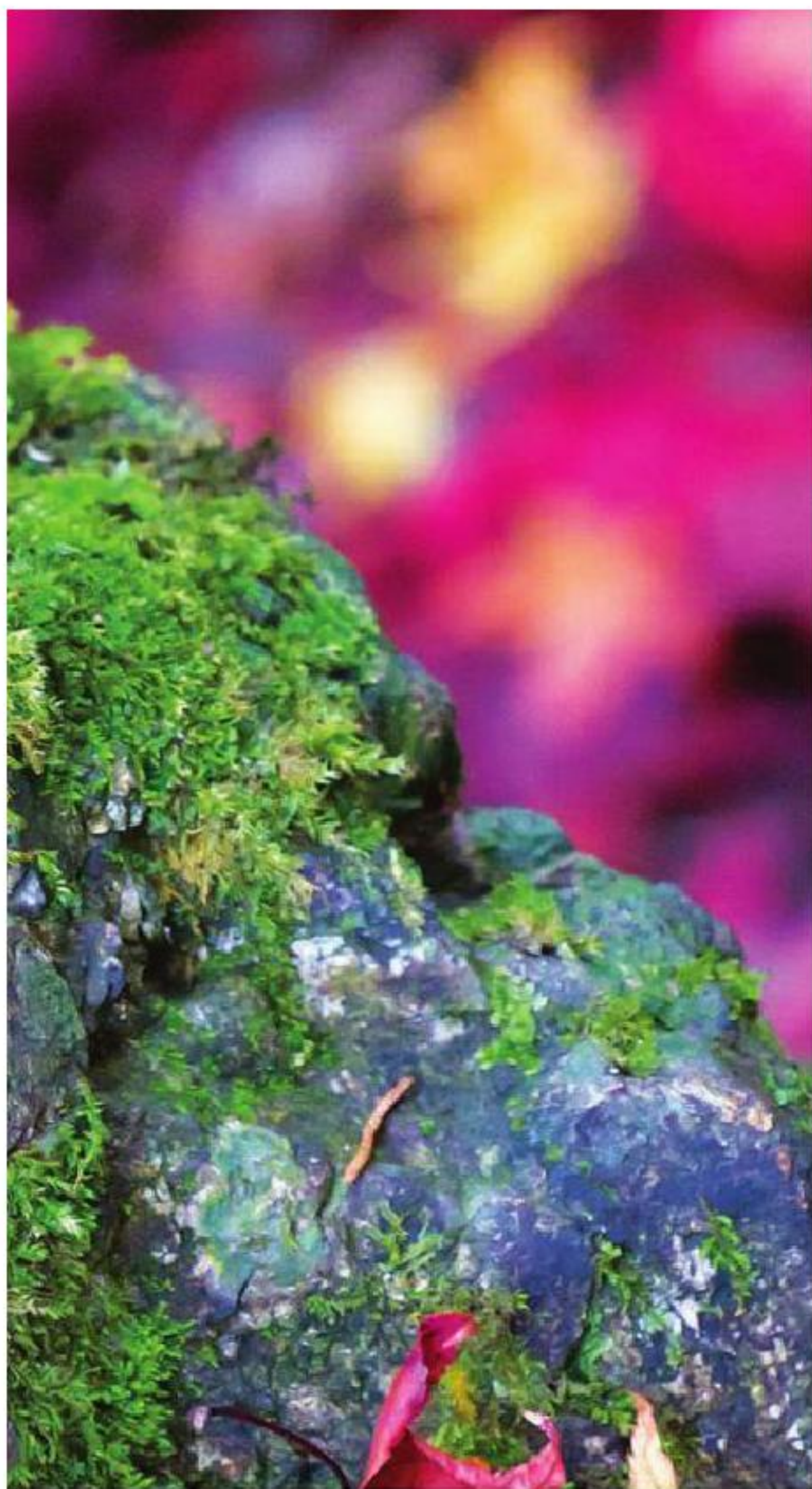
LÊ HẢI ĐĂNG

Từng có những ngộ nhận về tư tưởng Phật giáo trong âm nhạc của Trịnh Công Sơn. Qua nhiều trường hợp cụ thể là ở ca khúc của ông, chúng ta thấy có sự cộng tồn của nhiều trào lưu nghệ thuật, tư tưởng triết học, tôn giáo tín ngưỡng, chứ không tập trung vào bất kỳ hệ ý thức nào. Không dừng lại ở ý nghĩa phảng phất của hương vị, màu sắc tôn giáo, xuất phát từ nhiều lý do, đặc biệt trên những trải nghiệm cuộc đời, tác giả đã để lộ Thiền ý qua tác phẩm *Chiếc lá thu phai*.

Chiếc lá thu phai là một trong những sáng tác được Trịnh Công Sơn viết vào giai đoạn nửa sau của cuộc đời, khi dâu bể, thăng trầm đã đi qua để lại trải nghiệm sâu sắc về con người, tình yêu và số phận... Nửa trước với niềm đam mê tột cùng cháy bỏng bên cạnh những khổ đau về số phận đời mình đã lưu lại trên tác phẩm; còn nửa của những chiêm nghiệm, từng trải để lại phía sau trên tư tưởng thâm mỹ, xét con người với tư cách của một hiện hữu tại thế. Và ở

giai đoạn "trăm năm ruộng dâu hóa biển xanh" này, hương vị cuộc đời đều chất chứa, ẩn tàng bên trong nội dung ca từ, cũng như âm nhạc, vốn đa nghĩa của ông. Sự khế hợp của những "tia chớp" hay "dấu ấn thiên tài" qua xúc cảm một nhạc sĩ lãng mạn đi đến tận cùng niềm đam mê vắt vường về số phận đời mình, đã vượt qua biên giới mong manh của đời sống, của nghệ thuật, để lọt vào địa hạt tín ngưỡng, xét con người với tư cách là Con người tôn giáo.

Thời kỳ *Cát bụi* ít nhiều mang dấu ấn của những ý tưởng sáng tạo độc đáo sinh ra bởi phẩm tài hay "căn duyên" của người nhạc sĩ tài danh cộng hưởng với bối cảnh chông chênh cùng lịch sử đất nước. Cảnh "thương hải tang điền" trên non sông, đất nước này chất chồng làm thành cảm xúc, biến vết thương của quê hương xứ sở thành vết thương trên chính thân xác, tâm hồn mình và ông đã đi đến tận cùng thương đau qua tác phẩm. Những trải nghiệm như bóng chiếu đổ xuống tác phẩm và hắt lên cuộc đời tác giả của nó. Đến *Chiếc lá thu phai*, chủ nghĩa kinh nghiệm hay



lãng mạn với niềm đam mê cháy bỏng một thời không còn phát tác trong bối cảnh của một tâm cảnh đã khác. Bóng tà của tuổi đời, và bóng người của tuổi trời đã để lại, in bóng xuống đời tác phẩm. *Chiếc lá thu phai* bỗng đứng từ sự rục rã tự thân trở về cội nguồn, lay động những cảm thức trần thế, nhi nhiên trong cuộc đời mỗi người vốn thế.

Về đây đứng ngồi
Đường xa quá ngại
Để lòng theo chút nắng bên ngoài
Mùa xuân quá vội
Mười năm tầm gọi
Giật mình ôi chiếc lá thu phai

...

"Chiếc lá" ấy chẳng khác nào "công án" thiền làm tác giả "hoát nhiên đại ngộ", buông trôi một cách tuyệt vời cho khoảnh khắc đất trời và tạo vật hòa trộn vào nhau. Đó là xét trên phương diện ngữ nghĩa trong lời ca, còn về tính chất âm nhạc, *Chiếc lá thu phai* đã phối pha tất cả những

tính chất âm nhạc "định tính", điệu vơi từ trước đến lúc ấy trong đặc điểm, phong cách âm nhạc Trịnh Công Sơn. Nó không còn vẻ đượm buồn hay tính chất đối tỷ về điệu tính thường thấy, cũng không còn đam mê cháy bỏng của tuổi trẻ hư hao, cay đắng... mà trở về với tâm thái nhẹ nhàng, thanh thoát, hồn nhiên như mây trời, nhẹ trôi bổng bễnh sau những mệt mỏi của một kiếp lưu đầy còn tiếp diễn trong sự thanh thoi, tiêu dao... Tôi đã nghe không biết bao lần *"Chiếc lá thu phai"*, bất kể ở giữa mệnh mang đất trời hay trong quán xá đông người, đâu người hát có là ai, người phối khí theo phong cách nào, tính chất âm nhạc vẫn mang một hơi hướng không đổi, buông trôi tuyệt vời! *Chiếc lá thu phai* hoàn toàn đã thoát khỏi bối cảnh âm nhạc của salon, vũ trường, phòng trà, thính phòng điển hình trong âm nhạc Trịnh Công Sơn. Không thấy tính chất đối tỷ về điệu, tạo cao trào ở phần điệp khúc thường gặp nơi nhiều ca khúc lãng mạn, mà nó trở về tận gốc của sự mộc mạc, hồn nhiên, trung tính và hàm súc...

Trở về sau những dâu bể cuộc đời, những trải nghiệm vô song đi đến tận cùng của số phận đời mình để không còn lưu luyến, vướng bận, trần trở bởi những mất mát đã làm nên thiện ý ở *Chiếc lá thu phai*.

Về thu xếp lại
Ngày trong nếp ngày
Vội vàng thêm những lúc yêu người
Cuồng phong cánh mới
Về bên núi đợi
Ngậm ngùi ôi đá cũng thương thay...

Nỗi trần trở phía cuối con đường đời bể dâu loay hoay đi tìm lối về, thiên đường cuối trời chính là đây. Tất cả năm gọn trong chiếc lá tình cờ hay khoảnh khắc nhìn thấu ý nghĩa cuộc đời này. Điệu kèn năm xưa không còn âm hưởng giục giã, thôi thúc... mà trở thành tiếng ru đưa lòng người vào cõi trời mệnh mang...

Nằm nghe giữa trời
Giòn vang tiếng cười
Điệu kèn ai buốt trong tôi
Mùi hương phấn người
Một hôm nhớ lại
Hẹn ngày sau sẽ mua vui.

Cảnh tượng giao thoa, hòa hợp giữa khoảnh khắc lung linh của đất trời đã tạo tự nên tuyệt phẩm trong vũ trụ, nơi mà tạo vật, thiên cảnh và tâm cảnh thẩm thấu, giao nhau trọn vẹn. Tất cả những hội tụ nhân duyên, thiên nhiên và con người gặp nhau trong phút ấy làm nên khế cơ cho một tình cờ trăm năm.

Người nhạc sĩ tài hoa, ông hoàng của những bản tình ca một thời hay về sau nữa, đã đi vào cõi vĩnh hằng, muôn thuở. Không biết dưới mấy tấc đất kia, người nằm đó có còn làm thơ hay viết nhạc, dù chắc chắn sẽ còn tiếp tục rục rã thân xác cho một quá trình chuyển hóa trọn vẹn vào cát bụi ngàn năm?! ■



Góc nhớ cố đô...

HƯƠNG GIANG

Cứ đến mùa Phật đản là tôi lại có được một cảm giác thanh thoát an nhiên khi nhớ nghĩ về một nét văn hóa mà tôi đã được hấp thụ đến mức thấm đẫm từ thời thơ ấu. Kỷ niệm vẫn hằn sâu trong ký ức xa xăm về một thời gian khó, cứ vướng vít neo đậu trong thế giới hỗn nhiên từ lúc trẻ thơ cho đến bây giờ; rồi bất chợt, vào thời khắc rằm tháng Tư về, lòng tôi lại hân hoan với những cảm xúc trong trẻo về những mùa Phật đản ngày xưa. Tôi nhớ đến xóm làng tôi sau lũy tre xanh êm đềm với ngôi chùa làng có đầy ắp người trang nghiêm về dự lễ Phật đản. Tiếp nối tháng ngày thơ bé ở quê nhà rong chơi quanh ngôi chùa làng, lớn lên, ra Huế học đại học, tôi đã có môi trường nuôi lớn tâm hồn mình trong những dịp vắng cảnh chùa.

Mà quả đúng, cố đô Huế là chốn kinh kỳ đồng thời cũng là xứ sở của chùa chiền và người dân theo đạo Phật. Các chùa ở Huế thường nằm ở vùng ven thành phố với quang cảnh thật đẹp. Khi nghĩ về chùa, ấn tượng trong tôi là những giò phong lan nguyên sơ, những vườn hoa bốn mùa khoe sắc trong cảnh quan thanh tịnh, là mùi trầm ngào ngạt tỏa hương thơm, là uy nghi những bức tượng Phật nhìn mỗi người đến chùa như thấu tận tâm can. Tôi thích nghe tiếng chuông chùa trong đêm khuya thanh vắng, trong sáng sớm sáng trong tinh khiết hay chiều hoàng hôn khép lại ngày qua. Những lúc ấy, tôi như thấy lòng mình được thanh thản hơn, những ưu tư phiền muộn trong cuộc sống như được vơi dần...

Nhớ hồi ở Huế, vào mỗi dịp lễ Phật đản, những ngày trăng tròn tháng Tư, ngày kỷ niệm Đức Phật đản sanh,



khắp nơi tràn đầy một không khí hân hoan, rộn rã. Tôi và mấy đứa bạn cùng phòng ở ký túc xá từ chiều đã háo hức lắm, tối đến là hòa vào dòng người đi bộ trên khắp nẻo đường để được xem diễu hành xe hoa, xem lễ rước Phật từ các chùa mà điểm cuối là đến chùa Từ Đàm trong sự im lặng và ánh nến lung linh. Không khí bỗng hóa thành thiêng liêng khiến niềm thành kính tự dâng lên trong sâu thẳm tâm linh mỗi người con Phật. Trong tiếng chuông chùa, tôi nghe phảng phất lời bài hát *Từ Đàm quê hương tôi* của Nguyễn Thông: “Ai đi qua miền Trung sớm hôm chuông chùa nhẹ rung. Ôi anh linh bóng chùa Từ Đàm. Nơi Nam – Bắc nối giữ đạo vàng... Từ Đàm ơi...” với một cảm xúc khó tả. Bất chợt tôi nhớ đến lời mẹ nơi quê nhà, rằng “đất vua chùa làng”. Tôi như thấy rõ hiện hình bóng quê nhà, ngôi chùa, mái đình, cây đa, bến nước là những biểu tượng làng quê Việt Nam, khắc ghi vào tâm khảm mỗi người ngay từ thơ bé.

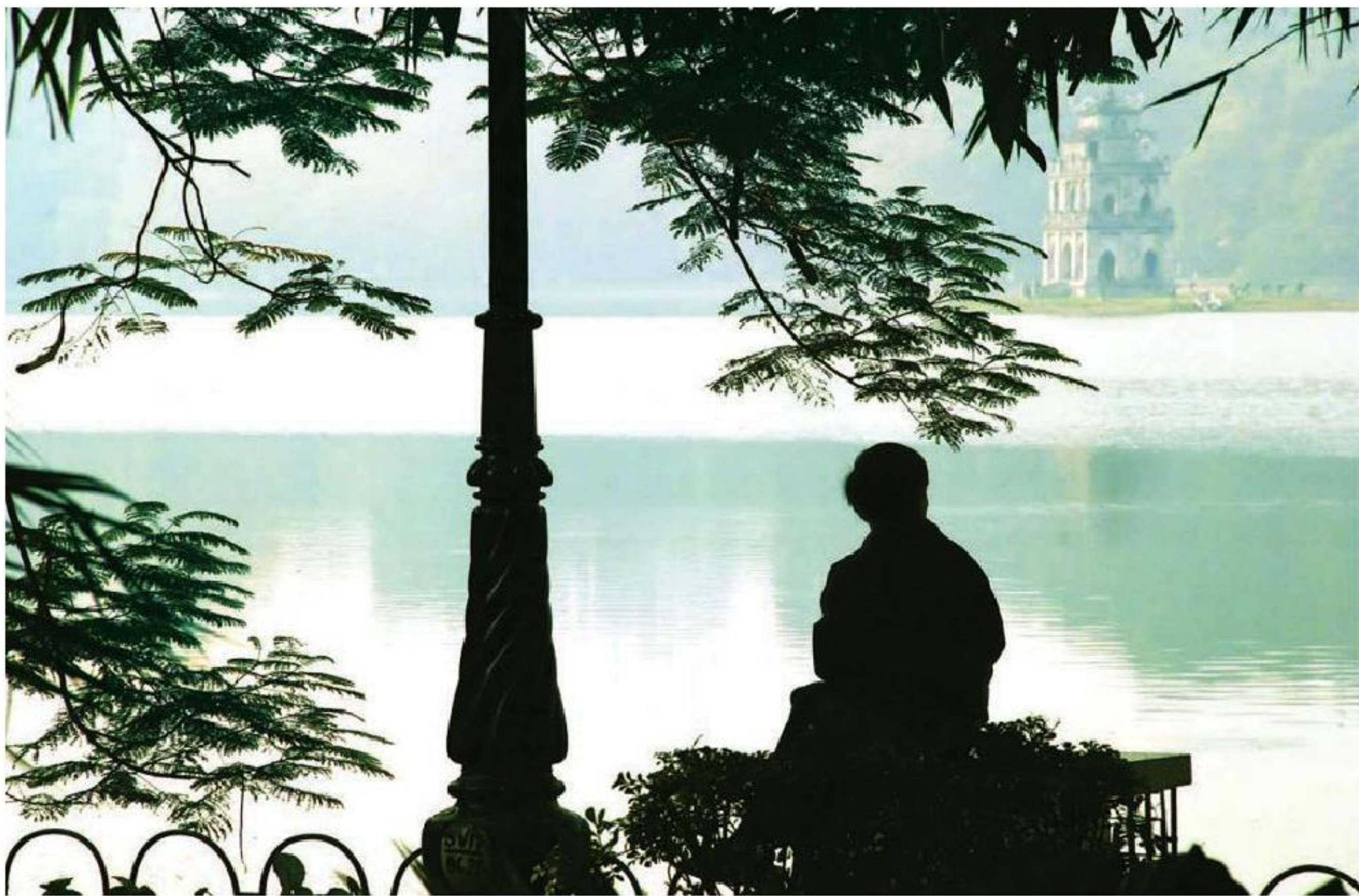
Không chỉ trong ngày lễ Phật đản, mà mỗi ngày qua đi, tôi lắng nghe tiếng chuông chùa vang lên như rửa sạch lớp bụi trần gian tục lụy. Tôi có cảm giác giải thoát đến từ tiếng chuông. Tiếng chuông đến từ sự vô ngã. Hiện hữu là một sự thức tỉnh, là khách của thiền. Nhớ lần lên chùa Bảo Quốc học bài thi, nói về đạo Phật, một thầy trụ trì ở

đây đã cho tôi biết: hai biểu trưng không thể thiếu ở chùa là hoa sen và chuông. Hoa sen biểu trưng cho diệu pháp của đạo Phật, còn chuông dùng để thức tỉnh và gọi. Bởi tiếng chuông ngân lên để rồi lại tắt, có thể nghe được mà không thể bắt được. Sự vô thường của thế giới hiện hữu là cả một sự tư tưởng lớn của Phật giáo.

Trong mùa lễ Phật đản, có lẽ ấn tượng sâu sắc nhất đối với tôi là lễ thả hoa đăng trên dòng sông Hương thơ mộng. Làm sao quên được từng dòng người từ chiều tỏa về với các chùa, rồi tối đến tập trung các ngã đường chính xem đoàn xe diễu hành, sau đó là xuôi theo dọc hai bờ sông Hương ngắm những chiếc thuyền hoa lấp lánh, những ngọn đèn lung linh như những đóa sen trên sông bàng bạc ánh trắng rằm. Hòa nhập với dòng người khắp trên thành Huế, mọi nẻo đường tung bừng cờ hoa rực rỡ, tôi cảm nhận không khí Phật đản chốn kinh kỳ. Tôi đọc được từ mình, từ bạn bè và cả từ những khuôn mặt mà tôi không hề quen biết là những niềm vui, những nụ cười, những ánh mắt rạng ngời, những lời nói đầy tự hào về Phật giáo. Dường như tinh thần Phật đản thật sự ngập tràn trên xứ sở này...

Bây giờ, sau những năm học tập và công tác ở Huế, tôi về lại quê nhà xứ Quảng thân yêu. Và thói quen vãng cảnh chùa, đi chùa vẫn nguyên vẹn trong tôi như thời còn ở Huế. Chùa ở quê tôi không “hoành tráng” như ở Huế về nhiều mặt, từ số lượng Phật tử cho đến kiến trúc ngôi chùa. Nhiều ngôi chùa xây nhỏ nhắn như ngôi nhà ba gian, trụ cổng đi vào đập nổi bằng hoa sen rất dễ nhận biết. Tôi biết, chùa chốn vẫn là nơi gửi gắm tâm linh, niềm tin của con người. Ai đó cho rằng trong bộn bề cuộc sống mưu sinh, tâm lý tìm về chốn bình an như là nhu cầu không thể thiếu, đặc biệt những lúc tinh thần bị lung lạc, con người muốn có chỗ bầu vùi, nương tựa. Tôi thường ngắm lời Phật dạy về khổ, mọi người sẽ nhận ra mình đáng thương, cần có sự cảm thông, chia sẻ. Không chỉ dịp lễ Phật đản, Vu lan, tôi vẫn thường đi chùa vào những lúc rảnh rỗi hay có sự bất an trong tâm hồn. Tôi nhìn những làn khói hương trầm bay phảng phất, tôi lắng nghe những tiếng chuông chùa, tiếng kinh cầu nguyện đều đều. Những thanh âm và hình ảnh ấy đã làm tôi tĩnh tâm, tự tại và nhận ra bản ngã của chính mình. Đó cũng là sức mạnh của triết lý nhân sinh trong cuộc sống là không buông xuôi “hỏi đầu thị nạn” (quay đầu là bờ) và cuộc đời như một dòng trôi duyên phận, cho nhận, tỉnh thức và cả những điều diệu kỳ lúc nào đó con người chợt nhận ra.

Nhớ làm sao những ngày thời sinh viên ở Huế, lên chùa học bài, lên chùa ăn cơm chay, lên chùa xin hoa về trang trí phòng ở, và cả những lần... bạo miệng xin trái cây đem về lót... cái dạ dày những lúc học bài khuya... Chao ôi, đó là những món quà “vô giá” trong ký ức... Để mỗi mùa lễ Phật đản về, trong sâu thẳm tâm hồn tôi vẫn như còn nguyên vẹn tiếng kinh nguyện cầu, tiếng chuông chùa xa vọng, trầm nhẹ và cả những chiếc thuyền hoa thả xuống dòng nước Hương giang ngàn năm chảy mãi... Tất cả là góc nhớ cố đô của lòng tôi. ■



Tâm bình thế giới bình

VÔ VĂN LÂN

Bao năm bon chen, lẩn lộn, nếm đủ mùi sóng gió của cuộc đời hầu chu toàn cái trách vụ công dân, làm con, làm chồng, làm cha... nhỏ thì cặm cùi học hành thi cử, lớn lên lo công ăn việc làm, công danh sự nghiệp; lập gia đình rồi thì lo con cái ăn học, dựng vợ gả chồng; hết con lại đến cháu nội, cháu ngoại, lo sao cho trong ấm ngoài êm; thế rồi cái già lão suy hao, bệnh tật chực sẵn... ùn ùn kéo tới. Mà đã xong đâu, "chờ xuống lỗ họa chẳng mới có thể phỉ tay, rũ áo ra đi", bao người từng than thở như vậy!

Thế nên không ít người cố tranh với thời gian, còn được ngày nào thì còn vui chơi, cố tìm cách bù lại những gì lỡ bỏ mất! Vô thường không biết đến lúc nào, cho nên phải hấp tấp, "không ăn cũng uống không chơi cũng già", người ta động viên cổ vũ nhau. Lốp như tôi tuổi tác trên dưới sáu bảy mươi... sống rày chết mai vội vã ăn chơi chút đỉnh cũng phải. Mỗi sáng, như thường lệ sau khi xong thủ tục mua may vài động tác, đi bộ dưỡng sinh... năm ba người một nhóm, tập trung ở quán cóc ven sông, lễ đường nhâm nhi ly trà ly cà phê. Chiều chiều lại tìm chỗ

tươi mát một chút, bữa nào khá thì vài ba lon, kệt một hai chai để gọi là thư giãn chống lão hóa. Rồi bao nhiêu chuyện trên trời dưới đất thi nhau luận bàn. Từ chuyện người, ông Obama vô Tòa Bạch ốc chẳng mấy chốc đầu đã bạc, đến chuyện thủ tướng Nhật nắm quyền mới mấy tháng đã từ chức vì không thể đáp ứng nguyện vọng dân. Đến chuyện mình, tiêu cực ăn sương... mua chức cậy quyền, học giả bằng thật, chuyện lừa gạt ra tòa, vật giả leo thang, tai nạn đủ thứ thảm khốc... Biết bao cái chết lằng xẹt, chồng đánh vợ, vợ đồ xằng đốt chồng, con đâm cha giết mẹ, cháu mượn tiền ông bà chơi 'game' không được mượn luôn cái đầu thả sông. Chuyện trái luân thường đạo lý, đối phong bại tục... đáng lẽ "đóng cửa dạy nhau" ai dè tùm lum trên báo, đài... Ngày này qua ngày khác tôi ác trở thành bình thường, trái tim xơ hóa, người người vô cảm! Cạn mấy bình nước mà chuyện vẫn chưa hồi kết. Đã mười một giờ, thì giờ vui chơi qua mau đành chia tay hẹn mai tiếp tục. Lời qua tiếng lại, nói bóng nói gió, chuyện trà dư tửu hậu tưởng nói đâu bỏ đó, ai dè ghim hết vào lòng. Người nghe một kiểu, hiểu một cách đêm tới tất cả tái hiện... rồi nghĩ vẫn nghĩ vợ. Đời chi mà

la, toàn oái oăm cảnh ôm bom tự sát giết người hàng loạt để được vinh danh? Chiến tranh giết chóc, khổ đau con người chưa phút giây yên ổn! Làm sao ngủ được, trông sáng gặp nhau xả xú-páp.

Một buổi sáng như mọi buổi sáng, ai nấy đông đủ nhưng không hiểu sao quán bông đóng cửa (cửa đâu mà đóng!) khiến bàng hoàng như thiếu mất cái gì thân quen. Buổi sáng đẹp trời chẳng lẽ về nhà nằm co! Bàn với nhau kéo đi chỗ khác, nhưng đi đâu chứ? Có người đề nghị đi xa xa một chút. Nhất trí lên đường hướng Tây bắc trực chỉ. Ai không xe thì đèo sau xe người khác. Vòng vèo một lúc qua khỏi Nghĩa trang Liệt sĩ thành phố, đến ngã tư đèn xanh đèn đỏ, rẽ phải có tấm biển báo chùa Vạn Đức. Không ai bảo ai, tất cả đổ về hướng đó. Đi được một đôi, chừng trăm mét thì ngọn gió đầu thổi mát rượi, ai nấy lấy làm khoan khoái hít thở. Hai bên đường cây cối xanh tươi, nhà cửa xinh xắn tinh tươm xen mấy ngôi biệt thự. Tuyệt! Ai nấy hết sức ngạc nhiên. Không tiếng ồn ào động cơ, lâu lâu mới có chiếc xe máy, vài chiếc xe đạp. Không khí mát mẻ, trong lành. Cách thành phố hai ba cây số cảnh quan tuyệt vời thế mà lâu nay chẳng biết tới. Tưởng như cảnh trong phim ảnh mấy nhà hoạt động du lịch vẽ ra để câu khách. Vượt qua đoạn đường chừng hai cây số đến khúc rẽ, dòng sông lặng lẽ vắt ngang trước mặt. Con sông Cổ Cò lịch sử.

Con đường ngoằn ngoèo bám dòng sông. Yên tĩnh. Thanh thoát. Ai biết Tổ sư xưa khéo chọn nơi đây hữu tình cảnh tích tượng dựng thảo am khai mở đạo! Bốn trụ biểu sừng sững dưới bầu trời trong xanh bát ngát. Bước qua tam quan chùa, không gian rộng mở bao la. Tiếng chuông tiếng mõ, tiếng tụng kinh trầm lắng đánh động tâm thức, đưa khách trở về miền tịch mặc. Ai nấy ngẩn ngơ như lạc vào chốn lạ? Từ cổng vào, bên phải trang nghiêm tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, một tay cầm tịnh bình, tay kia cành dương rưới nước cam lồ cứu độ chúng sanh. Bên trái tượng Phật Di-lặc chiếc bụng trắng phếu phới giữa nền trời xanh lơ, nụ cười vô ngại đem niềm hỉ lạc xóa mọi ưu phiền. Rải rác dưới chân Ngài, mấy chú tiểu đồng tinh khôi đủ tư thế đứng, nằm, ngồi ban phát niềm vui. Sau lưng Ngài trước miếu thờ Mẫu Ngũ hành, hồ sen mấy đóa sen trắng đầu mùa nổi bật trên mặt nước. Dọc lối dẫn vào chánh điện nhiều loại kỳ hoa dị thảo xanh tươi như núp chân khách. Sân trước, vườn sau những chậu mai cắt tỉa, chăm bón tỉ mỉ. Chỉ nhìn qua, không tinh mắt lắm cũng đủ rõ xu thế, sở đắc sở trường của vị trụ trì. Có người sững sờ ngấm mấy bức phù điêu đắp nổi trước chánh điện. Chính giữa đỉnh đặc là tượng Đức Phật tọa thiền nhập định. Bên phải tượng Phật dẫn sinh với bảy đóa sen đỡ bước chân. Bên trái Phật chuyển Pháp luân độ năm anh em Kiều-trần-như, những người bạn đạo trước khi Ngài thành đạo. Người khác chăm chú ngắm mấy cụm tiểu cảnh trên ngọn giả sơn quanh nhà khách... Một vị sư trẻ dáng vẻ chững chạc và phong thái giản dị trong bộ đồ nâu bước ra đón

khách. Bộ ấm trà, mấy chiếc tách màu ngọc đặt trên bộ bàn đá kê ngoài sân, dưới bóng cây trước nhà khách. Mặc dầu chủ đã ngỏ ý, khách còn tần ngần! Cạn mấy tuần trà! Không biết bắt đầu từ đâu mọi người nhập cuộc. Rồi bớt e ngại câu chuyện trở nên cởi mở.

- Thấy tu quả sướng thật! Một người tán thán đồng thời như một câu hỏi!

- Các bác có thể cho nhà chùa đây biết tại sao không?

- Ở chùa yên tĩnh, biệt lập cuộc đời, chẳng đụng chạm đến ai, chẳng hơn thua! Mọi thứ đã có người lo, phải không thưa thầy?

- Các bác nghĩ rằng thấy chùa đóng cửa không đụng chạm việc đời và chuyện đời không nhập vào cổng chùa? Nếu thế thì tu làm gì, và lại nếu thật như vậy thì cũng không thể tu.

- Thấy tu chỉ lo tu, chuyện gì phải làm việc này việc nọ, nếu không muốn!

- Như vậy các bác cho rằng tu có nghĩa là lánh đời, cho rằng đạo Phật là tiêu cực như người ta vẫn nghĩ? Thực ra không phải thế, tu theo đạo Phật, trái lại phải nhập vào đời, đưa đạo vào đời. Giác ngộ giải thoát khổ đau nơi chính cuộc đời này! Nếu cuộc đời không khổ đau... Phật hẳn đã không từ bỏ cung điện, quyền cao chức trọng, vợ đẹp con ngoan để hơn sáu năm vào rừng khổ hạnh tìm đường giải thoát, cứu độ chúng sanh. Và nếu không vì mục tiêu giải thoát giác ngộ chắc chắn đạo Phật không có lý do tồn tại. Để đạt mục tiêu đó người tu theo đạo Phật phải văn tư tu nắm vững giáo lý cơ bản từ lời dạy của Đức Phật để rồi lăn xả vào đời tự độ, độ tha cùng chúng sanh giải thoát sinh tử.

- Ngày nay nhiều người cho rằng lễ hội cầu siêu, cầu an, trai đàn chẩn tế... diễn ra khá nhiều chốn thiền môn. Nhiều thầy đi tụng kinh, cúng tế... thời gian đâu tu tập? Và rằng phần đông Phật tử ngày nay đi chùa chủ yếu lễ bái, cúng dường để cầu xin... Người Phật tử mấy ai có điều kiện học tập kinh điển, thông hiểu lời Phật dạy?

- Bất cứ việc làm nào đều có ý nghĩa và tác dụng hai mặt. Nếu xuất phát từ mục tiêu lợi lạc quần sanh thì cũng chính là mục đích tu học đạo Phật. Cũng như việc xây chùa tạc tượng đúc chuông, tạo cảnh quan chốn già-lam là cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người tu học, khách thập phương chiêm bái, quay về đời sống tâm linh. Việc cầu an cầu siêu là phương tiện bậc tu hành hoằng hóa độ sanh, tạo cơ hội tiếp cận để truyền đạt, sách tấn mọi người tinh tấn tu học, đưa lời Phật dạy vào cuộc sống hầu giảm khổ đau, động viên an ủi người sống lẫn kẻ đã khuất. Trái với mục đích này, vị danh, cầu lợi cá nhân thì hậu quả xấu tất sẽ theo sau như bánh xe lăn theo vết xe kéo, như bóng theo hình. Mỗi hành vi từ thân, miệng, ý nhỏ lớn đều tạo nghiệp và ý dẫn đầu, ý tạo tác. Người học Phật, tu Phật thấm nhuần lời Phật dạy nhất cử nhất động đều cân nhắc hậu quả. Tuy thế không loại trừ một số trường hợp lệch lạc. Dù sao cũng chỉ là số ít ngoại lệ và tất nhiên ai làm người ấy trả giá, nghiệp

quả khách quan, công minh không loại trừ bất cứ ai dù là người tu hay kẻ tục! Thấy ân cần giảng giải.

- Như thế, thưa thầy người tu khác gì người không tu! Một người thối mắc.

- Khác chứ, mà khác hoàn toàn nữa ấy chứ! Thấy đặt chén trà xuống rồi thông thả tiếp tục.

- Người đời nhìn, nghe, thấy, biết những gì đưa hết vào tâm rồi chấp chặt. Cái tốt như được khen thì phồng

mũi lên giữ bằng được. Trái lại cái xấu, không vừa ý thì giây nãy phản đối, bị chê chẳng hạn tức thì tức giận ghét bỏ! Rồi đáp trả ăn miếng trả miếng, khổ đau dài dài. Đó là tâm trạng của số đông. Các bác có như thế không? Người tu cũng nhìn, nghe, thấy hết... biết tất cả mọi thứ, ngoài đời cũng như trong đạo cũng tốt xấu, tích cực, tiêu cực nhưng tâm không dính mắc. Cũng làm mọi thứ để sống để tu tập nhưng người tu không vì động cơ *cái ta và cái của ta* nên không vướng mắc. Tu tập, hành xử theo tinh thần khế lý khế cơ nghĩa là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh nên làm mà như không làm, làm mà như chơi. Tốt xấu, đúng sai, phải trái... thật ra là hai mặt của một thực tại, bởi cái nhìn phân biệt nhị nguyên huân tập thành thói quen chi phối suy tư và cảm nhận của mỗi người. Hiểu bản chất thực tại là không tự tính, là vô ngã vô thường, siêu vượt phân biệt nhị nguyên, người tu học không chấp trước nên không buồn vui, mừng giận, lo âu!

Dừng một chút, thầy nói tiếp.

- Khi vọng tưởng khởi lên mà tâm không có chánh niệm đi theo nó thì nó sẽ tạo ra nhiều lớp vọng tưởng nối tiếp và lôi kéo tâm chạy theo. Thế nên nếu các bác cố gắng tu tập thì hoàn toàn có thể đưa tâm về trạng thái thanh tịnh. Vì tâm khởi vọng tưởng thì phiền não tiếp theo sau. Nếu tâm vắng lặng thì phiền não dứt!

Đến đây, thầy kể câu chuyện để minh họa nhận định trên:

"Hai huynh đệ làm Phật sự trở về, ngang qua đoạn đường ngập nước. Có một cô gái trẻ muốn vượt qua chỗ nước ngập nhưng ngần ngại không biết cách nào. Một thầy chùa lưng công cô gái qua bên kia đường bỏ xuống rồi lặng lẽ đi. Hai vị tiếp tục đi trong im lặng. Vừa về đến chùa vị kia lên tiếng trách cứ người bạn đạo đã phạm giới, dám công cô gái trên lưng. Vị này bình tĩnh thưa: "Đệ đã bỏ cô ta xuống từ lâu khi qua bên kia đường, không ngờ huynh còn công cô ấy về đến tận đây!". Thấy kết luận "Vạn pháp qui tâm, vạn hữu qui thức" Đức Phật đã dạy 25 thế kỷ trước. Cuộc đời xưa nay vốn thế... do cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh. Tốt xấu là do tâm khởi phân biệt rồi đâm ra yêu ghét, buồn vui, mừng giận... Người tu chân chính tâm thanh tịnh nên thấy cảnh thanh tịnh. Trái lại chúng ta phàm phu tâm đầy ấp đúng sai phải trái nên cố nắm bắt hay từ chối không được đâm ra âu lo buồn phiền... nên chẳng phải tu tập để thanh tịnh tâm, hoàn cảnh sẽ trở nên tốt đẹp tích cực! Vì như cụ Nguyễn Du đã nói "*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!*".

Tốt xấu thị phi là chuyện hí luận bao đời! Mà để thay đổi hoàn cảnh, theo thầy, tu tập trở về tâm thanh tịnh là điều nên làm và có thể làm. Mọi người tâm đắc và hết lời cảm thán! Ai nấy nhẹ nhõm có được giấc ngủ yên ổn từ đây! Cáo từ trong niềm hoan hỷ và thói quen bao lâu quyết thay đổi, ít ra mỗi tuần một ngày vân tập về chùa! ■





Chờ ngày bão nổi

PHONG LAN

Bà lại đứng đó, mắt đắm đắm nhìn ra mặt biển, nơi những con tàu chạy dài theo ngàn khơi xa để lại những bọt biển trắng xóa tung mù phía sau.

Hầu như ngày nào cũng thế, cứ vào giờ này, người phụ nữ ấy lại tìm về với biển, nhìn về nơi xa bằng ánh mắt chờ đợi và hy vọng. Bà chờ đợi và hy vọng một điều gì đó khi ngày đã lịm tàn. Ở mảnh đất này, ngoài cát, nắng, và gió, thì chỉ còn lại bão tố phong ba và những mảnh đời cơ khổ.

- Mẹ chờ gì đấy?
- Chờ bão, con à!
- Tại sao?
- Vì bão sẽ mang ba về bên mẹ.

Bà đưa mắt hướng về phía xa. Tôi thường bắt gặp bà lang thang trên bờ biển, không chỉ vào những lúc chiều tàn, mà hầu như bà luôn ở trên bờ biển và chờ đợi. Biển như che giấu lấy đi cái gì quý giá của bà và giờ này bà lại về đây đòi nợ.

- Ba đâu hả mẹ?
- Ba con đi đến vùng đất rất xa.
- Thế khi nào ba về?
- Khi bão về, con ạ!

Biển đã mang đến cuộc sống cho gia đình bà; cho những mầm non lớn lên, mang đến niềm vui và tiếng cười. Nhưng cũng chính biển đã cướp mất chồng bà, giờ đây chỉ còn lại niềm đau và những giọt nước mắt.

Chồng bà đã không về sau chuyến đi biển ấy. Ông đã đi thật xa. Con bão đã giành mất người chồng của bà. Không tìm thấy xác ông, bà đã đau đớn vật vã với nỗi đau. Nhưng cũng nhờ thế mà bà vẫn hy vọng ông còn sống. Bà đã phá tan buổi lễ cầu siêu cho ông trên bờ biển vì một

lý do, "Không! Chồng tôi vẫn sống mà! Trả lại chồng cho tôi!". Bà chạy thẳng ra phía mép nước gào to hết cuống họng của mình nhưng biển vẫn lặng thinh. Từng nhịp sóng vẫn vỗ bờ như trả lại tiếng hét cho bà.

Và rồi từ đó bà vẫn chờ ông. Ngày ngày, bà ra đây hướng mắt về nơi vô định với hy vọng tới ngày bão nổi sẽ đưa chồng bà về. Biển vẫn thì thầm nhẹ nhàng như một bản tình ca, muốn làm dịu đi vết thương hằn sâu ấy của người phụ nữ; nhưng không biết có làm dịu được không, hay chỉ càng cửa sâu hơn vào da thịt của bà. Nước mắt vẫn lăn dài trên đôi gò má sạm đen và hòa sâu vào dòng muối mặn. Đưa một cái nhìn xa xăm, bà mong chờ, hy vọng, nhưng biển vẫn lặng thinh. Bản tình ca vẫn dịu dàng, tha thiết trong lòng bí mật của biển cả.

Hôm nay có tin bão về. Ai cũng bồn chồn lo lắng, chuẩn bị xếp dọn để còn trú bão.

Không ai biết rằng đâu đó trên bờ biển phía xa xa vẫn có một người đang đứng, đang chờ đợi, và vui vẻ đón từng lượn sóng biển đổ về như đón người tình của mình.

Mưa như trút nước. Mặt biển đen ngòm gào thét với những lượn sóng đập liên hồi vào bờ cát. Gió hòa theo thổi vun vút, lật đổ những mái nhà, xô đẩy những con thuyền chưa kịp về bến.

Ha, ha, ha! Một tiếng cười lạnh lạnh vang lên trong màn đêm. A, bão về, bão đã về! Mưa nữa đi!

Tiếng cười tắt dần trong màn đêm hay đã bị cơn bão ấy nuốt vào vô định?

Biển vẫn xanh, vẫn hiền hòa và dịu dàng là thế; nhưng vẫn chứa trong lòng những bí mật sâu thẳm và những giận dữ không lường.

Người phụ nữ ấy vẫn đang chờ; chờ một ngày bão nổi! Chiều dần tắt, ru biển vào những giấc mơ! ■



Ký ức trường xưa

LÊ VĂN TRÂM

Mỗi lần nghĩ đến trường xưa tôi đều bồi hồi nhớ lại một phần đời tươi đẹp đã sớm đi qua. Biết rằng qui luật tự nhiên là không ai có thể giữ được thời gian dừng lại nhưng nỗi ngậm ngùi về tuổi thơ và mái trường đã quá vãng thỉnh thoảng vẫn hiện về ray rứt trong lòng. Chúng tôi không may đã sinh ra vào thời ly loạn, chiến tranh, chết chóc, phân ly; nhưng bù lại chúng tôi đã sống và chứng kiến được một giai đoạn lịch sử đầy thăng trầm của quê hương đất nước. Và chính điều đó đã giúp chúng tôi trưởng thành và nhận chân ra được ý nghĩa của cuộc sống trước những chia ly phân tán đầy khổ đau và nước mắt nơi mảnh đất từng bị giày xéo bởi chiến tranh này. Chúng tôi đã nhận chịu những thiệt thòi khi tuổi hoa niên đã phải trải qua những biến cố khủng khiếp của chiến tranh nhưng cũng đã chứng kiến sự vực dậy của những giá trị tinh thần một thời từng bị chà đạp rề rúng bởi đổ kỹ và giáo điều.

Ngày ấy chúng tôi như những mầm non trong trẻo và hồn nhiên, ngày ngày cắp sách đến trường với nhiều hoài bão ước vọng về một tương lai tươi đẹp không tiếng súng, không đạn bom, không hận thù; mọi người thương yêu nhau cùng xây đắp cho ngày mai. Lớp chúng tôi vui lắm, có nhiều nữ sinh xinh đẹp làm tôi rung động, đêm

đêm thường hay mơ mộng *chuyện lứa đôi*. Ngày ấy những Bích Vân, Bích Thủy, Thu Hương, Hạnh, Phương, Thiệp... và nhiều nữ sinh khác nữa đến trường bằng những tà áo trắng tinh khôi khép nép dưới vành nón bài thơ mà bây giờ khó tìm lại được. Hình ảnh ấy thỉnh thoảng lại hiện về mỗi lần tôi đi ngang qua làng Nại Cửu, nơi trường xưa của chúng tôi được hình thành và đã thực hiện trọng trách thiêng liêng của mình gần 12 năm rồi sau đó đã bị chiến tranh tàn phá vùi lấp làm cho đang dở.

Năm ấy chúng tôi như đàn chim non vỡ tổ rời quê hương, rời mái trường trung học Triệu Phong thân thương để tìm một nơi chốn bình an trước bom đạn chiến tranh. Mặc dù thiếu vắng một số thầy cô và bạn bè, nhưng phần lớn thầy trò chúng tôi đã may mắn gặp lại nhau dưới một mái trường tạm bợ ở Hòa Khánh Quảng Nam. Ngày ấy chúng tôi đến trường tạm bằng những chiếc ghế cắm tay, thầy trò *chia bùi sẻ ngọt* cùng nhau giảng dạy và học tập trong một điều kiện hết sức khó khăn thiếu thốn mọi bề.

Sum họp được hơn một năm, chúng tôi lại phải ngậm ngùi chia tay nhau; những giọt nước mắt chia ly thêm một lần nữa lại rơi xuống xứ người. Thấy Duy, thấy Đăng, thấy Trị, thấy Đức vào Nam, thấy Quang, thấy Kham, thấy Hóa... về lại Quảng Trị. Bạn bè tôi cũng vậy; đưa về lại quê hương,

đưa theo cha mẹ vào Bình Thuận, Bình Tuy, Cam Ranh và những vùng đất xa lạ ở các tỉnh phía Nam lập nghiệp. Năm 1975 mặc dù chiến tranh kết thúc nhưng chúng tôi cũng đã tản mác mỗi người mỗi phương. Đứa theo gia đình đi kinh tế mới, đứa vào lập nghiệp ở các tỉnh Tây Nguyên. Thấy cô chúng tôi cũng vậy; có người tiếp tục đi dạy học nhưng cũng có người đành phải rời bục giảng rồi cố gắng bươn chải mưu sinh bằng đủ mọi hình thức vì những lý do khác nhau. Chia ly và phân tán gần như đã chiếm cả gần hết phần đời tươi đẹp nhất của chúng tôi.

Nỗi nhớ thấy cô, bè bạn và mái trường thời niên thiếu lâu dần cũng lặn vào ký ức và đôi khi lại bùng lên sau những lần gặp lại thấy cũ, bạn xưa trên đường đời. Và những lần như thế khao khát được gặp lại nhau được qui tụ dưới một mái ấm tinh thần để cùng nhau kể chuyện trường xưa bạn cũ, ôn lại một thời áo trắng quần xanh nhiều mong ước lại bùng lên.

Hơn 39 năm sau ngày xao xác như đàn chim non bị phá tổ rời mái trường xưa, một buổi tối tháng 4 năm 2010 tôi nhận được điện thoại của thầy Quang từ thị xã Quảng Trị gọi đến. Mặc dù Đông Hà - Quảng Trị chỉ cách nhau chưa đầy 15 cây số nhưng thấy trò chúng tôi rất ít khi gặp nhau. Đó cũng là khiếm khuyết của tôi, một đứa học trò vô tâm. Công việc, tính tự ty và sự lười nhác đôi khi làm con người tự vong thân trên chính cuộc sống của mình. Trò không tìm đến thầy mà thầy lại gọi đến trò. Cầm điện thoại trên tay nghe thấy nói chuyện, tôi không khỏi thẹn với lương tâm.

Thầy dịu dàng nói về một kế hoạch tổ chức gặp mặt các thế hệ thầy cô và cựu học sinh Trường Trung học Triệu Phong. Mừng quá, tôi hứa với thầy là dù khó khăn đến mấy tôi cũng sẽ làm những gì được phân công để thực hiện điều mà chính tôi cũng từng mong ước. Thấy cũng cho biết thầy đã liên lạc được với những ai, đã nhận được lời hứa nhiệt tình cộng tác của những ai. Mỗi cái tên lại gợi cho tôi biết bao kỷ niệm.

Trong căn nhà đơn sơ của thầy Quang ở một con hẻm nhỏ xứ Gốc Bấu ngày xưa, tôi đã gặp lại thầy Mãi, thầy Kỳ, anh Thìn, anh Tùng và một số bạn cựu học sinh của trường. Nhìn những mái đầu đã bạc phơ của các thầy mà lòng rưng rưng. Thì chính chúng tôi cũng đã có những mái tóc hoa râm. Nhưng rồi ai cũng phấn khởi và hăng hái xung phong nhận những công việc hợp với khả năng của mình để có thể cho ra mắt một ấn phẩm nói về những kỷ niệm trong những ngày sống dưới mái trường trung học Triệu Phong Quảng Trị, để tiến hành một cuộc họp mặt tất cả những ai còn có thể liên lạc được.

Chia tay nhau trong niềm tin yêu vừa được hồi sinh, chúng tôi mỗi người một việc theo đúng những gì mình đã nhận. Mỗi tuần gặp nhau, chúng tôi lại được nghe thầy Quang thông báo những tin tức đầy hứa hẹn. Nào là thầy Đức từ Sài Gòn hay thầy Bửu ở mãi bên Canada cũng đã tận tình góp sức. Nào là sự giúp đỡ đầy tinh thần trách nhiệm của thầy Hóa ở Huế. Rồi những cánh thư muôn phương gửi về hộp thư của anh Tùng đều thể hiện những hoài cảm, xót xa, đồng vọng về một miền ký ức không thể nào quên.

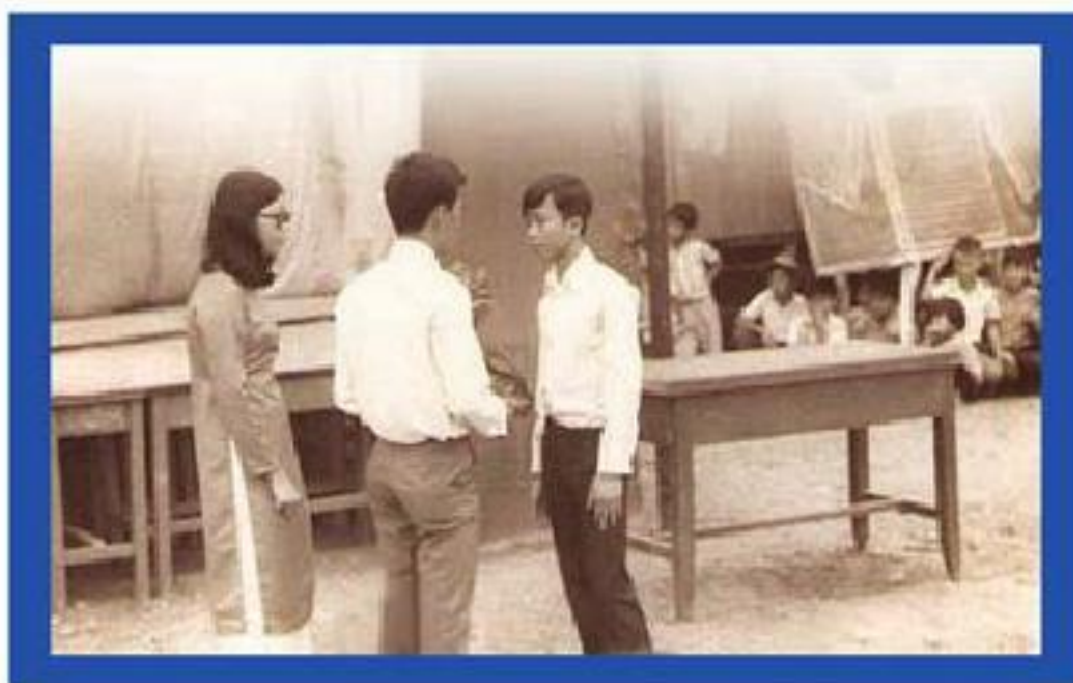
Với tính cẩn trọng của thầy Quang, thầy Mãi; với sự chăm chút của các anh Tùng, anh Quế, anh Ấn, anh Ích (vắng mặt anh Thìn vì không lâu sau lần gặp nhau ở nhà thầy Quang, anh Thìn đã ra đi đột ngột do một cơn đau tim); cùng với cách làm việc đầy trách nhiệm của thầy Hóa, chẳng mấy chốc, tập Kỷ yếu có tên *Kỷ ức trường xưa* của thầy cô và cựu học sinh Trường Trung học Triệu Phong Quảng Trị đã xuất hiện. Là kỷ yếu, nó chỉ có giá trị với những ai đã từng chia sẻ với nhau một thời quá khứ; nhưng cũng vì thế mà nó là vô giá với những tấm lòng. Tôi đã gặp được không ít những tấm lòng như thế khi xung phong làm công tác phát hành. Xin gửi đến các anh, các chị, các bạn đã thể hiện với trường xưa một tấm lòng!

Buổi họp mặt đầu tiên thật là cảm động. Hàng chục năm trời tôi mới gặp lại một số thầy cô giáo cũ và một số bạn bè năm xưa. Mặc dù tuổi cao sức yếu nhưng thầy Lữ từ Đà Nẵng, cô Loan, thầy Hóa, thầy Tiêu từ Huế cũng đã về Quảng Trị để tham dự buổi họp mặt đầu tiên này. Dẫu có cả nụ cười và nước mắt nhưng chúng tôi đã quây quần bên nhau trong niềm vui của lần đoàn tụ đầy ý nghĩa. Trong niềm vui ấy tôi chợt nghĩ về thầy cô, bạn bè những người đã về chốn vĩnh hằng như thầy Phòng, thầy Nguyễn Thái Kham, thầy Hồ Văn Kham, thầy Kế, thầy Bính, bác Thơm

- phu trưởng, anh Thìn... không còn có cơ hội tìm về trong ngày họp mặt ấm áp tình nghĩa thầy trò.

Và cũng chính trong niềm vui lẫn nỗi buồn của ngày tao ngộ đầy ý nghĩa này, tôi trầm nghĩ: *Các vị thầy kính yêu ấy không phải là người bán chữ mà là người dạy chữ nên chúng tôi đã yêu thương, quý trọng thầy cô và quyến luyến với mái trường xưa đã quá vắng đến như thế.*

Thời gian rồi sẽ đi qua, tất cả rồi cũng sẽ biến mất, nhưng những giá trị tinh thần mà chúng tôi cảm nhận được về tình nghĩa thầy trò, bè bạn và mái trường thời niên thiếu trong lần họp mặt đầu tiên này sẽ mãi mãi trường tồn. Tôi tin như thế. ■



Bước Ngài Sen Nở

NGÀN THƯƠNG

Nghe hoa lá hát lời Thiền
 Ví von như để trợ duyên Phật về
 Ưa đầm tỏa ngát hương quê
 Áo lam thấp sáng son khê Phật đài
 Bước đi sen nở chân Ngài
 Ngón tay chỉ với nụ cười viên dung...

Một buổi

TRẦN BÍ NGẠN

Giờ mở mắt với mây mùa trời lại
 Ngày rất xanh nở từ cuồng chiêm bao
 Còn tất cả cũng không còn tất cả
 Bóng xưa giờ trời thăm vắng trên cao

Xin mở mắt một lần cho tất cả
 Với tận cùng ánh sáng cuối chân mây
 Bóng và sáng đã không còn sai khác
 Rất xa xưa mình đã ở nơi này

Rất cảm tạ một lần đời sống lại
 Mây tự do thành phố cũng xa bay
 Xe ngược xuôi giữa đời không trọng lượng
 Tình nhẹ tênh bên đó bước sang đây

Sông cứ chảy để lung linh trần thế
 Ta cứ chờ những sao vỡ trong đêm
 Những hạt lệ chưa từ trần trên cát
 Chết theo ta từ một buổi không tìm.

Chánh niệm

TRÀ KIM LONG

Gần chùa nghe tiếng tụng kinh
 Gỡ lằn từng chút vô minh buộc ràng.
 Không mơ được cõi Niết-bàn,
 Chỉ mong theo bóng đạo vàng tiệp tu.

Niệm danh hiệu đấng Chân Như
 Trong âm thanh có đại tử bao dung,
 Huyền vi đạo rộng vô cùng,
 Nóng lòng như lạc giữa rừng trầm mê.

Đói thì ăn, mệt ngủ nghề
 An nhiên mở cửa trả về tự tâm
 Phận nhiều khi quá xa xăm,
 Cũng nhiều khi ở trong tầm tay ta.

Bên này Phật, bên kia ma
 Không theo chánh niệm thì tà tâm sanh.
 Đôi bờ phân định mong manh
 Cách nhau bởi một lằn ranh vô hình.

Cảm nghiệm

THÍCH TRUNG VIỆN

Giữa không gian bao la
 Vô số dải thiên hà
 Từng sát na chuyển động
 Kết thành tạng liên hoa

Giữa pháp giới lung linh
 Vô lượng chúng hữu tình
 Từng phút giây sinh diệt
 Kết luân hồi từ sinh

Giữa thực tại tánh Không
 Chúng sanh – Phật vẫn đồng
 Từng niệm tâm sáng tỏ
 Kết sự lý dung thông.

Cảm niệm mùa khánh đản

MẠC PHƯƠNG TỬ

Tháng Tư về đó, em ơi!
Vàng trong ánh ngọc sạch trời tuyết mây
Bốn phương trời tạnh mưa bay
Hoa Ưu Đàm nở phương này nguyệt viên.

Sen hồng đỡ bước siêu nhiên
Chân tâm hiện, bóng tam thiên diệu vời
Thuyền KHÔNG một chiếc ra khơi
Pháp âm vọng – thức tỉnh những đang mê.

cờ, hoa rực rỡ trời hè
Trăng sao mờ hội lối về nguồn xưa
Cát nằm bên vắng hay chưa
Có nghe chẳng, tiếng giữa mùa hoa đăng?

Giờ đây đâu cũng sông Hằng
Cũng trời Hy Mã, cũng trăng diệu huyền
Cũng Tì Ni rợp bóng thiền
Cũng thành La Vệ, cũng miền Chân Như.

Em ơi! Xuân tiết tháng Tư
Dặm xưa, nay vẫn còn dư âm vàng
Bóng NGƯỜI đẹp cả nhân gian
Đưa nhau ra khỏi con đường tử sinh.

Tặng cháu nhân ngày sinh nhật

CÚC HƯƠNG

Con thanh thoát chiếc áo tu
Dì đang lặn ngụp sương mù sông mê
Con đi những rõ đường về
Dì đi lạc giữa sơn khê núi rừng
Đời con là cả mùa xuân
Mảnh đời dì phải căn phần rêu xanh
Con như sao sáng long lanh
Dì như bọt sóng đầu gành ven sông
Đường tu con rộng mệnh mong
Đường đời ngộ cụt đi trông mịt mờ
Con đang về với bến bờ
Dì con ngơ ngác dật dờ xa khơi...
Mong con đạo hạnh cao vời
Từ bi cứu độ bao người trầm luân!

Tâm bão

HOÀNG CÔNG DANH

...Vào hồi 5 giờ sáng hôm nay, ngày 26 tháng 9, vị trí tâm bão ở vào khoảng 16,4 độ vĩ Bắc; 110,1 độ kinh Đông, cách bờ biển Đà Nẵng - Quảng Ngãi khoảng 120km, sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh đến cấp 8, giật cấp 9, cấp 10. Dự báo trong 12 giờ tới, bão di chuyển theo hướng Tây - Bắc, mỗi giờ đi được khoảng 10 đến 15km. Đến 19 giờ hôm nay, vị trí tâm bão ở vào khoảng 16,6 độ vĩ Bắc; 108,3 độ kinh Đông, trên vùng bờ biển các tỉnh Quảng Bình - Đà Nẵng, và tràn vào đất liền...

Tiếng báo hiệu thảng thốt vang lên từ chiếc ra-đi-ô đặt trong tịnh thất của ngôi chùa nhỏ. Lúc ấy mới sáu giờ, trời chưa sáng hẳn. Sư thầy vừa tụng xong hồi kinh đầu ngày, đang vận nhỏ lại mấy cây đèn dầu trên bàn thờ, nhỏ đến mức mỗi chúp lửa chỉ còn bằng hạt đậu xanh. Diệu Sanh biết thầy có thói quen nghe đài buổi sớm nên ngay sau khi dứt chuông vận hồi, diệu đã rời chánh điện, lui vào tịnh thất bật đài lên. Và tin bão đến.

Nghe tin, thấy không bất ngờ lắm, vẫn an nhiên vận nốt ba cây đèn còn lại. Tháng Chín là mùa mưa bão, xưa nay vẫn vậy, lạ gì đâu mà phải giật mình hay nao núng. Chuyện đâu đã có đó. Bây giờ ngoài trời vẫn đang mưa dầm dề, lúc âm ỉ khi ào ạt. Mưa kiểu dầm dề của mùa đông xen lẫn từng đợt mưa trộ của tiết hè. Mưa tứ cố vô thân, xạo bên này xạo bên kia, chẳng biết đâu mà lẫn.

Sư thầy kéo lại tà áo cà-sa cho bớt lạnh rồi bước vào tịnh thất, vừa đến cửa đã chạm phải diệu Sanh luống cuống chạy ra.

- Có bão, thầy ơi!

- Không sao đâu, gió mùa ấy mà - vừa nói thầy vừa chỉ tay ra vườn cây bao bọc quanh nương chùa - đã có cây cối ngăn bớt, con đừng lo chi cả.

Thực tình, nói không lo là để cho diệu Sanh khỏi sợ, chứ thầy cũng có chút hoang mang. Ở chùa thì chẳng sao, nhưng còn bà con quanh vùng nữa, không lo hóa ra mình vô tâm. Hai hôm trước thầy đi qua đồng, thấy xóm làng đang vào vụ hè-thu. Lúa vàng chen lẫn lúa xanh. Cả cánh đồng thênh thang như thế mà mới gặt được có vài thửa; còn lại nhà thì chờ lúa chín, nhà thì chờ nắng lên mới cắt về phơi phóng. Thấy không làm ruộng vì đất chùa

hẹp, chỉ trồng được vườn cây sắn lẻ xen vài gốc cổ thụ. Nhưng xuất thân từ con nhà nông nên thầy hiểu cái khó khăn của nghề trông chờ "ơn trời mưa nắng phải thì."

Thầy vận âm lượng chiếc ra-đi-ô to lên nghe tin tức, chấp hồi nhà đài lại cắt ngang bản tin để thông báo tin bão khẩn cấp, các công điện khẩn của chính phủ và lãnh đạo tỉnh. Nghe thế cũng ấm lòng hơn, vì chẳng ai nỡ bỏ đồng bào mình trong cuộc thiên biến. Quan chức, xưa nay vẫn bị tiếng là vô tâm, nhưng đến lúc hoạn nạn thì tự dung cái tình người nó trỗi dậy mạnh mẽ.

Mãi nghe tin tức, trời đã sáng hẳn từ lúc nào. Gió lặng. Cây trong vườn tạm thời đứng yên, chỉ còn lá vẫn nhỏ những giọt mưa xuống nền đất ẩm.

Chị bán vải, "người quen" của sư thầy, bước vào chùa, cởi chiếc áo mưa mỏng ra rồi vái chào. Nhiều lần chị đến thăm chơi, thành ra sư thầy cũng coi chị như một Phật tử thân tín. Và lần nào gặp nhau, cả thầy cả chị đều nở nụ cười thanh thoát sau nghi thức chấp tay chào vốn dĩ của nhà chùa.

- Mưa quá thấy ạt! - vừa nói chị vừa đưa tay vuốt lệ khuôn mặt ướt đẫm nước, vẫn còn vài giọt bám ở dưới tai và hai bên sống mũi.

- Chị vừa dưới nhà lên hay đi đâu ghé vào? Mưa gió thế này...

Thầy hỏi một câu mà như không hỏi, rồi bỏ lửng câu nói ngang đó, trong lúc tay đang pha ấm trà. Mưa thì mưa, gió dẫu gió, cũng phải làm ấm trà mời khách cho ấm cái đã. Chính cái vẻ điềm nhiên tự tại của nhà sư mà chị hay đến chùa. Bởi cứ hễ gặp thầy, dù chưa nói chuyện gì thì chị vẫn cảm thấy sự an tâm, một nguồn động viên chân thành đến kỳ lạ.

- Con ở dưới nhà, thức dậy từ sớm cơ. Nhưng nghe tin bão đến. Chợ đồ chắc cũng ế ẩm nên không ra mở quán. Trời thế này người ta lo cái ăn chứ ai nghĩ đến chuyện làm đẹp mà chẳng lựa vải ra bán, phải không thầy?

Chị cúi xuống, xách túi đồ đặt lên bàn. Một đùm muối mè với hai chai xì dầu.

- Cái này con đem lên cho thầy với chú Sanh. Ngày mưa rét, rau rắng trong vườn chùa không tiện kiếm. Với lại, biết đâu được, nhờ mà lữ thì vẫn có cái ăn. Nghĩ thế nên con rang vội ít muối mè đem lên. Cái tính con nó thế, sống một mình nên cứ hay phải lo trước. Thầy đừng trách.

Mấy chữ “sống một mình” mà chị vừa nói khiến thầy cảm thương quá. Hối điều Sanh chưa vào chùa, thầy vẫn sống một mình đó thôi. Song, bên thầy còn có những bức tượng Phật và Bồ-tát nên chẳng thấy cô quạnh. Còn bây giờ, khi nghe chị nói, tự dưng mắt thầy như trôi về phía căn nhà nhỏ của chị, ở đó đồ đạc đầy đủ nhưng vẫn thiếu những hình người. Một bức ảnh kỷ niệm ngày cưới thì chị đã gỡ xuống, tháo khung gỗ, cuộn tẩm hình lại từ bữa ly dị với anh.

Chị đặt tách trà xuống, tay vẫn chưa hết lạnh khiến tách trà gõ tiếng cụp vào mặt bàn. Sư thầy thoáng giật mình.

- Cảm ơn chị. Thế này thì phiền chị quá! – chợt thấy lời vừa nói hơi khách sáo, thầy tiếp – mùa này mà có muối mè ăn vừa ngon vừa chắc bụng lắm! Hồi trước, bà cụ nhà tôi cứ hễ trời trở gió là đem đậu lạc ra rang, rồi giã muối hột trộn thành một hũ to. Thế này này. Thấy khoan khoái bàn tay quanh ấm trà. Nghĩ lại, thấy các cụ nhà mình cũng mẹo ra phết. Chẳng thế mà người ta bảo, ngày đông không chán ăn cơm mè cũng ấm.

Ngoài trời mưa tạm ngớt, gió phật qua vườn cây vi vu âm thanh rất nhỏ. Cái khoảng lặng của ông trời ấy thật dễ sợ. Cứ như đang lữ mà có nắng là nước lên chứ đừng tưởng bờ là trời tha. Hay như ở xứ Bạch Dương vào mùa tuyết rơi, ngày nào trời nắng là rét buốt như rút xương đầu ngón tay chứ chẳng phải chơi, ai không biết cứ mặc phong phanh ra đường thì nguy to. Và cũng chính lúc trời yên thế này, lòng người ai biết được, đang cuộn sóng mạnh mẽ, có thể nói ra hết nỗi niềm của mình.

- Cứ đến mùa mưa lũ con lại sợ, thầy ạ! Cái hồi anh ấy mới đi khỏi nhà, mùa lũ đầu tiên nước tràn vào ngang đầu gối, con phải dùng cái bàn như căn nhà thu nhỏ, mọi sinh hoạt tất tần tât trên đó cả. Lắm lúc cứ muốn lao đầu xuống nước cho xong!

Nói đến đây, chị cúi xuống, buồn. Sư thầy châm thêm nước vào tách trà. Thấy chẳng biết an ủi chị như thế nào, chỉ gắp chuyện.

- Ở đời, sống khó mà chết cũng chẳng dễ đâu. Chết chưa chắc hết khổ, có khi chính cái sự liễu lĩnh đại đột ấy lại tạo khổ nghiệp cho kiếp sau. Chi bằng cố gắng sống, chứ tìm đến cái chết thì chẳng khác nào lối sống buông thả. Lại thế, con người ta cứ nghĩ chết là hết, ừ thì hết thật đấy, nhưng vẫn chưa xong.

Gió nổi một đợt, thốc mạnh, đánh bật cánh cửa sổ gập sát vào bức tường. Chị xin phép ra về.

- Con hiểu ý thầy rồi. Tranh thủ trời lặng mưa, con chạy ù về thắp lại mấy cánh cửa đã. Cũng may bão số bốn không đi thẳng vào vùng này, thầy ạ! Mình chỉ bị ảnh hưởng thôi.

Đúng như lời chị nói, bão không đánh trực diện. Hiện giờ nó đang ở ngoài khơi và có xu hướng đi chếch lên phía Bắc, nhằm vào hòn đảo Hải Nam. Ở vùng này cũng lắm chịu ảnh hưởng gió kha khá và nước trên thượng nguồn đổ về gây lũ nhỏ. Thấy có một kinh nghiệm đoán bão. Cứ ra giềng, thầy thường đi quanh mấy lùm tre,

tìm những chổi măng. Chổi măng mọc ngoài thì không sao, nhưng hễ nó mọc vào giữa bụi tre là năm ấy bão to. Có lẽ kinh nghiệm ấy thuần túy suy luận, rằng người ta thường nói vững như tre trước bão giông, bây giờ măng nó mọc giữa bụi thì chứng tỏ gió mạnh khiếp lắm. Thế nhưng từ dạo ra Tết đến nay, mấy lần thầy đi khắp lũy tre trong xóm, coi thật tỉ mỉ mà vẫn không thấy một măng nào, thật khó đoán định.

Đài lại chen ngang tin bão. Vẫn ổn định hướng đi, có thể bão đã lạc ra khỏi địa phận nước Việt. Nhưng cấp trên vẫn thúc giục nhân dân đề cao cảnh giác, không được chủ quan. Tính trời khó lường, như lòng người vốn khó đo vậy.

Suốt cả ngày hôm ấy lòng thầy cứ hoang mang. Lúc nhà đài kể chuyện lãnh đạo tỉnh đang đi thăm các gia đình neo đơn là thầy lại nhớ đến chị. Cũng cảnh neo đơn, một thân một phận. Mà người sống cô đơn hay làm liều lắm, cứ nghĩ không còn gì để mất.

Đến trưa, mấy cây chuối sau nương chùa chúc xuống, tại mưa mấy ngày nay làm long đất, thêm ít gió là chúng bị quật ngã. Điều Sanh xin sư thầy chặt số chuối ấy đóng chiếc bè, nếu có lũ thì chèo chơi. Chuyện đóng bè mùa lũ hầu như ai ở nông thôn đều biết, nó như cái thú vui của trẻ con khi nước về. Thấy cũng có một tuổi thơ như thế, chặt chuối đóng bè chèo quanh sân. Còn bây giờ, khi nghe điều Sanh đòi đóng bè, thầy lại nhớ câu thơ của cụ Nguyễn Du: “Tiền Đường thả một bè lau cứu người”. Có khi thầy phải đóng chiếc bè chuối, có lũ còn chèo quanh xóm coi giúp được ai chút gì cũng nên.

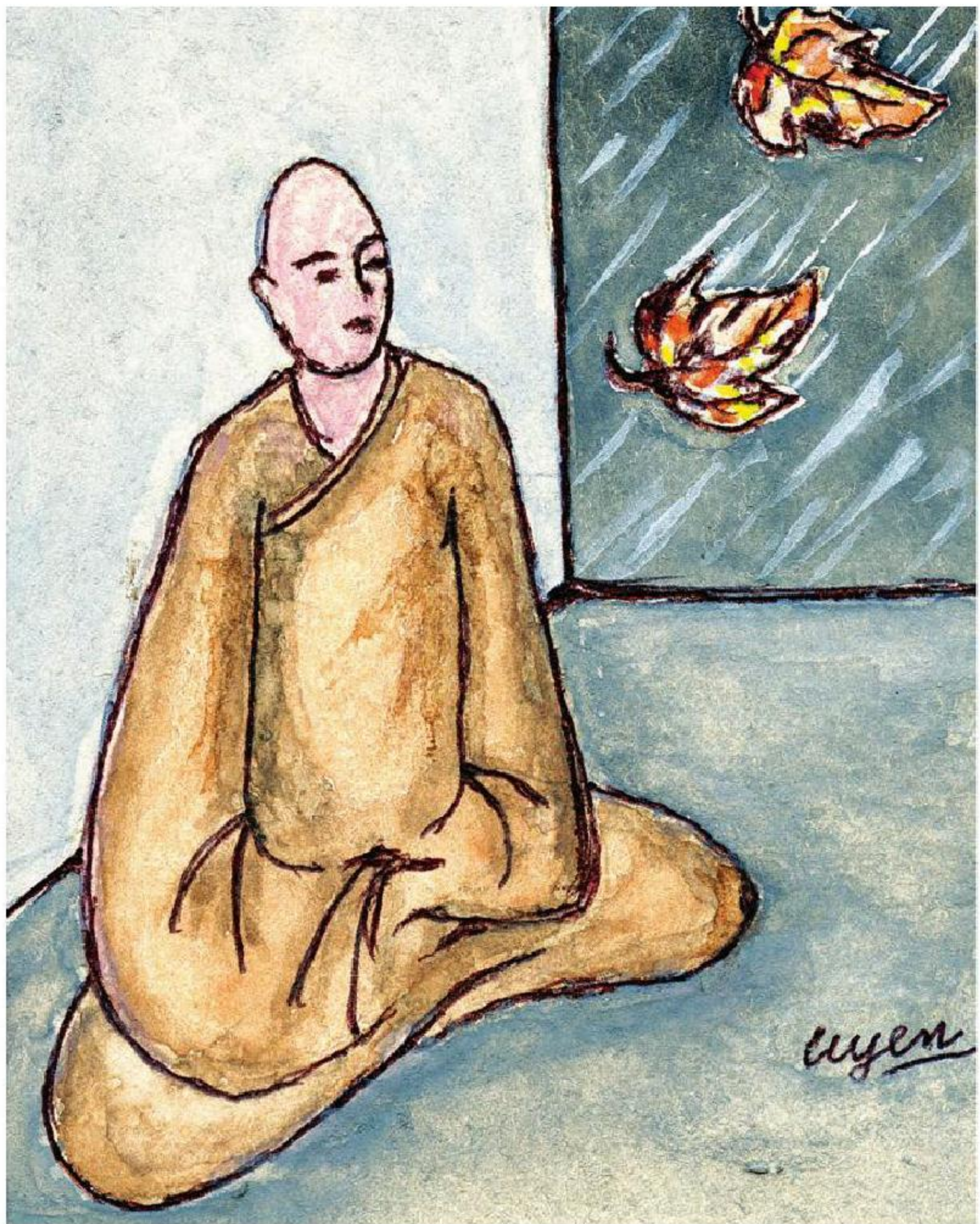
Trời tối sớm, mọi hôm giờ này kênh AM đang phát chương trình văn nghệ, riêng hôm nay tạm hoãn để phát tin tức gió bão khắp nơi. Hai thầy trò ăn bữa cơm chiều sớm hơn mọi ngày. Bữa cơm chay ngày gió đậm bạc, có thêm chén muối mè mà chị bán vải vừa đưa đến hồi sáng. Suốt bữa điều Sanh chỉ ăn mỗi thức ấy, dùng muổng vãi mè lên trên chén cơm mà xấn từng cục như ăn xôi.

Cơm sớm, tụng kinh cũng sớm. Hôm nay chỉ tụng kinh cầu an thôi. Điều Sanh mừng thầm, vì kinh cầu an tụng nhanh, chứ không như tụng kinh bộ, cứ ngồi miết suốt buổi.

Mưa ngoài trời nặng hạt thêm, gió quật mạnh từng đợt sát phạt, ngọn gió sắc lẹm như roi cước quất vào da trâu. Cứ vu vu... vút... vút. Thấy đi quanh chùa, kiểm tra cửa ngõ một lần nữa cho an tâm rồi mới lên giường đi nằm. Hôm nay hai thầy trò ngủ chung một giường cho ấm. Sanh thích ngủ với thầy lắm. Nằm với thầy chẳng khác nào ngủ chung với ông nội, hễ thì ông phẩy quạt, đồng thì ông ủ ấm cho.

Thầy kéo chiếc mền che lên ngang cổ. Điều Sanh thỉnh thoảng cứ rút đầu vào trong mền, ngộp quá lại thò đầu ra. Ngoài vườn gió vỗ vào bức tường cái rạt. Sanh giật mình, nghiêng người qua vòng tay ôm lấy thầy, dúi nguyên khuôn mặt vào bên sườn sư thầy.

Nằm một hồi, thấy cứ trần trọc, điều Sanh cũng chưa chìm giấc, thật khó ngủ, cứ thiếu thiếu cái gì ấy.



Kể chuyện đi, mời mồm ắt sẽ ngủ. Ngày trước bà nội Sanh bảo thế.

- Thấy ơi, hồi con ở làng. Trời lù là cả nhà lại ngủ chung một chiếc giường. Mẹ nằm sát trong vách, ba nằm phía ngoài vì lâu lâu phải thức dậy canh chừng nước lên. Con nằm lọt thỏm ở giữa, ấm lắm!

Sư thầy chợt thương điệu Sanh quá chừng. Trẻ con thích nằm giữa mẹ cha, để quay bên nào cũng có tình thương. Còn giờ đây, điệu chỉ có một phía ấm áp, là sư thầy. Mà cái sự ấm áp ấy nó cũng không bằng tình mẫu tử được.

Bất chợt Sanh kéo mền xuống, ngóc đầu lên nói nhỏ:

- Thấy ơi! Hồi này sao không bảo chị ấy ở lại đây ngủ cho vui. Về dưới nhà chị ở một mình, giờ chắc cũng chưa ngủ được đâu.

Ý nghĩ hồn nhiên của Sanh thật chẳng trẻ con chút nào. Bằng chứng là thầy đang xúc động mạnh. Ừ, biết đâu cho chị ấy ở lại đây. Không cần ngủ chung đâu, bảo chị nằm bên giường của Sanh thôi cũng được. Chua vắng, có thêm người càng đỡ hẻo lánh sao. Thậm chí, nếu có chị đang ở đây, thầy cũng cho phép điệu Sanh qua nằm cùng chị, để lây lan một chút tình cảm của người mẹ, thứ mà cả chị lẫn Sanh đều thiếu thốn.

Càng nghĩ, thấy càng thấy tội cho điệu Sanh. Giá cái hồi đó thấy dừng nhận Sanh thì bây giờ đỡ áy náy. Bữa ấy thấy cứ ngỡ Sanh ham cảnh chùa, rồi vài bữa chán ngay thôi, ai dè điệu ấy có căn tu, mắc duyên với Tam bảo đến vậy. Sư thấy nghiêng người qua phía điệu, vòng tay ôm lấy Sanh và vuốt nhẹ dọc sống lưng. Điệu Sanh đã ngủ, chốc chốc hít vào nhẹ rồi thở ra thật mạnh, kiểu đang vào giấc ngủ sâu thường thấy ở trẻ con. Thấy vẫn chưa ngủ được, hai mắt chẳng thấy mỏi, đành vói tay sang lấy chiếc ra-di-ô, vặn từ từ nút mở cho tiếng loa đủ nghe.

Tin khẩn cấp, bão đột ngột rẽ hướng Tây và đã vào gần đến bờ, nghĩa là hướng về vùng đất liền nơi thấy đang sống. Hèn chi đầu hôm đến giờ gió cứ mạnh hẳn, thấy mãi nghĩ chuyện đầu đầu quên theo dõi, cứ ngỡ đợt gió cuối cùng nó mạnh thế thôi.

Ngoài sân lá đánh vèo vèo, điệu bay cuộn xoáy thật tròn của đám lá si, lát sau đã táng xuống sân loèng xoèng. Sư thấy ngồi nhồm dậy, một ý định bất ngờ mới ập đến, cũng mạnh chẳng kém gì cơn bão. Khẽ đắp lại chiếc mền, cẩn thận bọc quanh người điệu Sanh, thấy bước xuống khỏi giường. Thắp cây đèn lên, cho lửa đỏ vừa hạt đậu. Mở một cuốn sách ra, đặt cây bút ở giữa, kiểu đang đọc dở. Việc này thấy đã từng làm trong những đêm khuya dậy đi vệ sinh, để lỡ điệu Sanh bất thành linh thức giấc mà không thấy sư phụ thì an tâm ngủ tiếp. Nhưng lần này, hình như thấy có ý đánh lừa điệu Sanh, bước đi cứ rón rón rén rén, lật trang sách cũng ngoái lui coi có làm Sanh trở giấc không.

Xong, thấy bước ra khỏi tịnh thất, khép cửa thật nhẹ. Thật ra là giằng lấy cánh cửa từ bàn tay khổng lồ của ngọn gió đang chực đóng sập lại. Khoác vội chiếc áo mưa, thấy đi nhanh ra cổng chùa. Mặc kệ gió đang làm mình làm mẩy với cây cối trong vườn chùa, thấy đi về phía con người. Theo đường mòn hướng xuống xóm chợ, là cái nơi đông mặt người khắc khổ mà thấy ít khi đến. Ở đấy có một khuôn mặt đang hiển hiện dần trong đầu thấy, nước da trắng trẻo tái nhợt đi, chắc lạnh lắm. Rõ ràng khuôn mặt chị bán vải, hồi sáng còn tươi tỉnh mà bây giờ trắng bạch quá thể, mấy đường gân trên trán thâm tím lại. Người ta bán vải nhưng có khi lại khốn đốn vì thiếu áo quần ủ ấm cũng thường. Nói vạ miệng, không phải cảm treo heo chết đói, song, đàn bà họ nghĩ cho người khác thì nhiều mà lại vô tâm với chính mình lắm. Khuôn mặt ấy cứ rõ dần rạn dần lồi thấy đi giữa xoáy gió đêm bão.

Cũng nhanh như bão, thấy đã đứng trước cửa nhà chị. Rét run người. Chiếc áo mưa đầm ướt mặt trong, dính chặt vào chiếc áo choàng nâu tu sĩ thành một tấm mút nhảy nước, hay là giống chiếc khăn mù xoa của ai đó lau dòng nước mắt không ngớt. Khi đặt tay vào cánh cửa, ổ khóa kim loại lạnh toát truyền một luồng khí khiến thấy sực tỉnh. Ban đêm tự dưng mò đến nhà người ta. Mò, nó thô thiển thật, nhưng cái từ ấy tự thấy nghĩ ra. Lại nữa, đến nhà một người đàn bà không chồng con. Đào ôi, mưa gió thế này ai ở nhà nấy, sức đâu ra đường

mà sợ người ta biết. Việc thấy làm đây, chỉ có trời biết đất biết và... Phật biết. Mà trời đất biết, nếu thương thấy thì đừng có làm cuồng phong như thế; còn Phật biết, chắc cũng sẽ lượng thứ cho thấy.

Vặn nắm cửa hoặc gõ cửa cho lịch sự? Không, không được làm thế - thấy tự nhủ. Hay là lấy cái đèn pin nhỏ trong túi ra, rọi qua khe hở cửa, xem chị ấy thế nào bên trong? Có phải khuôn mặt trắng dã như thấy vừa tưởng tượng ra, với đường gân thâm tím của người sắp là đi vì rét mướt. Cũng không được, như thế chẳng khác nào... tên ăn trộm.

Mưa gió ôm nhau đập mạnh, một tấm tôn lợp phía ngoài hiên đã bung thép buộc, cuộn chéo góc dề lên tấm kia. Đứng thế này thì ích gì, làm một việc nào đó nhanh lên. Thấy tự thúc giục mình rồi bỏ hết mấy ý định lúc này. Xem ra thấy vẫn ngại, vẫn sợ phạm một điều răn đe nào đó của hàng tu sĩ. Biết đâu được khi cánh cửa mở, thấy đi vào nhà, và từ đó đi ra khỏi chùa. Lối vào chốn này thực chất là lối ra của chốn kia mà thôi.

Lắc đầu cho mọi ý nghĩ bay theo bão, thấy đi vòng quanh nhà, tay sờ vào từng chỗ cửa. Thấy đã nèm nẹp chặt chẽ. Rồi thấy lẻ làng rời căn nhà, hướng về ngôi chùa. Trên đường về, vẫn hy vọng chị ấy đang yên ổn ở trong căn nhà, hoặc hay hơn thì chị ta sang nhà hàng xóm ngủ nhờ. Chỉ có một trong hai trường hợp đó thôi. Nghĩ vậy cho yên tâm.

Đường về có vẻ xa hơn lúc đi, thấy đếm được từng bước chân nặng trĩu. Nước mưa xoàm xoạp dưới chân. Có chỗ hố gà, thấy sía chân, nước bùn bắn lên tận mặt. Chẳng nhóp! Mưa sẽ rửa sạch ngay thôi mà. Chỉ có điều bùn ấy như bay vào miệng, trôi theo cổ đi vào trong sâu thẳm nội tâm khiến thấy lờ lờ cồn cào. Bản tin nhà đài phát suốt ngày giờ chỉ còn đọng lại trong thấy hai chữ, và dội lên theo từng ý nghĩ vẫn hai chữ ấy. Tâm bão. Là tâm mình có bão chắc?

Cùng lúc ấy, ở trên chùa, có một người đàn bà cũng vừa bước đến cửa giữa, nắm tay vào ổ khóa kim loại, lạnh toát. Rồi cũng không dám xoay ổ hoặc gõ cửa. Chấn chừ chốc lát đành đi quanh chùa mà kiểm tra từng ô cửa sổ xem đã nèm nẹp chắc chắn chưa. Và ra khỏi cổng chùa, theo hướng chợ lần về. Cũng xen lẫn những ý nghĩ lo toan.

Chẳng biết trên đường trở về, hai người có gặp nhau không nữa?!

Có thể gặp, vì chung một con đường nhỏ, lại đi ngược chiều hướng về nhau. Hơn nữa đêm nay mọi người ai đã ở nhà nấy rồi, một bóng người trên đường dễ dàng nhận ra lắm. Mà cũng có thể không gặp, vì mưa to gió lớn, ai cũng chăm chăm đường mình đi, sức đâu để ý đến người ta làm gì.

Chẳng biết nữa!

Chỉ có điều chắc chắn là bão đã vào sát bờ biển. Dù có suy yếu đi nhưng tâm bão vẫn nhằm theo hướng Tây. Nghĩa là tâm đang hướng về phía đất liền, nơi có con người sinh sống. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Từ khi gia đình tôi dọn về ở ấp Mỹ Huệ, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn thì hầu như mẹ tôi mất thói quen đi chợ. Thức ăn chính tôi đã mua ở siêu thị cho cả tuần, hàng ngày mẹ tôi chỉ mua rau do những người bán dạo chạy xe qua trước cửa nhà. Tuần vừa rồi, mẹ tôi khen mãi một chị bán rau mà tôi chẳng biết chị ấy là ai, vì số người bán rau dạo đi qua xóm tôi không phải là ít. Mẹ tôi kể rằng sáng hôm thứ ba, cụ gọi mua rau. Sau khi trả giá thì số tiền phải trả là ba chục ngàn đồng. Cụ trả bằng ba tờ giấy bạc mười ngàn, nhưng vì mất kém và lại để tiền không ngăn nắp, thực ra cụ đã đưa cho người ta hai tờ mười ngàn và một tờ hai trăm ngàn. Đến chiều thì cụ đã phát giác là mình có đánh mất một tờ hai trăm ngàn, không biết mất vì đâu, và cụ giấu không dám nói với con. Cách hai ngày sau, đến thứ sáu, chị bán rau hôm trước quay lại, trả cho cụ một trăm chín chục ngàn. Chị ấy cho biết, khi kiểm tiền bán hàng cuối ngày, không hiểu vì sao mà hôm ấy lại nhiều thế. Xem kỹ lại thì thấy trong số tiền thu được có một bó ba tờ giấy bạc gồm hai tờ mười ngàn và một tờ hai trăm ngàn; chị nhớ lại rằng có một bà cụ kẹ kéo bót hai ngàn để chỉ phải trả ba chục ngàn cho chẵn, và bà cụ ấy đưa cho chị ba tờ giấy bạc cuộn tròn. Nhờ vậy mà chị ấy xác định được người đã trả nhầm tiền. Hôm nay đến lượt quay lại xóm này, chị ấy tìm cách trả lại tiền thu nhầm. Mẹ tôi kể, “Lúc bà ấy hỏi có phải hôm nọ mua rau cụ trả nhầm tiền không, mẹ mừng quá. Mẹ nói với bà ấy, tôi không biết chắc, nhưng tôi có mất một tờ hai trăm ngàn. Thế là bà ấy trả lại tiền cho mẹ”. Tôi hỏi mẹ, “Thế mẹ có cảm ơn người ta không?”. Bà cụ trả lời, “Mẹ cũng định nói câu cảm ơn nhưng mừng quá nên quên mất”. Tôi hỏi xem cụ có nhớ người ấy là ai không thì cụ trả lời không nhớ được. Xin nhờ VHPG gửi đến chị bán rau dạo trung thực nợ một lời cảm ơn muộn của mẹ tôi và cả của tôi. Cũng nguyện cầu Tam bảo tạo một cái duyên nào đó để lời cảm ơn này được chị ấy biết đến.

Trần Thị Trung Thu, huyện Hóc Môn, TP.HCM

Mẹ của một chú em “giang hồ” rất thân qua đời ở tuổi 90, tang lễ tổ chức tại nhà ở hẻm 361 Bến Bình Đông, quận 8, TP.HCM. Con hẻm dài ngoằng, còn bị coi là nơi “phức tạp” vì trên mặt hông một căn nhà đầu hẻm còn ghi rõ hàng chữ, “địa bàn đang trấn áp tệ nạn ma túy”, nghe hơi rùng rợn. Nhà chú ấy hẹp tí, quần cái quan tài là không còn chỗ cho khách đến viếng ngồi trò chuyện. Mặt hẻm chỗ ấy cũng chưa tới ba thước; đặt cái bàn tròn ra đường là coi như con hẻm khởi sử dụng. Vậy mà chú ấy đặt được tới sáu cái bàn tròn dài dài trước cửa nhà, che kín cả lối ra vào của mấy nhà bên cạnh, nhưng không những chẳng ai phản nản, mấy người hàng xóm còn tận tình giúp mời chào khách đến viếng tang nữa chứ! Tất nhiên chẳng còn ai ra vào con hẻm, cho nên hai đầu hẻm có hai tấm bảng xin bà con cảm phiền đừng lối đi khác vì trong hẻm có đám. Vì quá thân với chú em, tôi có mặt tại khu vực đó suốt ba đêm và một buổi sáng động quan. Ngồi đó mới thấy tình nghĩa hàng xóm láng giềng. Con hẻm có chừng 40 nóc gia thì nhà nào cũng có người đến viếng tang; buổi sáng đi đưa đám, nhà nào cũng có ít nhất một người đại diện đến tiễn đưa bà cụ, không đi đến tận nơi thì cũng đưa một quãng đường. Cùng ngồi trên bàn uống nước nói chuyện, tôi hỏi thăm một người xưng là hàng xóm, ông ấy nói, “Đời người ai chả có một lần. Ở khu này, nhà nào có đám là cả xóm xúm lại giúp đỡ và sẵn sàng chia sẻ mọi thứ, chẳng ai phiền hà gì khi phải chịu đựng một vài điều hạn chế về sinh hoạt trong vài ngày”. Thì ra, tình làng nghĩa xóm vẫn còn đó, ngay tại một khu dân cư nghèo nàn, có vẻ “phức tạp”. Xin cảm ơn những tấm lòng thơm thảo, biết tận tình chia sẻ trước sự đau buồn của người khác.

Phan Đình Minh,
quận 12, TP.HCM

NGÔI THIỀN VIỆN TRÊN “CÁNH ĐỒNG HOANG” NGÀY XƯA...

CHÁNH LẠC KHIÊM

Tân Phước là huyện vùng xa thuộc tỉnh Tiền Giang được thành lập từ năm 1994. Do phần lớn diện tích nằm trên phần trũng của vùng Đồng Tháp Mười (vùng đất làm bồi cánh cho bộ phim nổi tiếng “Cánh đồng hoang”) nên đất đai bị nhiễm phèn rất nặng, hàng năm có 6 tháng khô và 6 tháng nước. Vào mùa khô thì không tìm đâu ra nước (nếu có cũng đặc quánh phèn), chỉ có một con kênh lớn chạy suốt chiều dài phân chia 2 vùng Nam-Bắc của huyện là kênh Nguyễn Văn Tiếp và một đoạn kênh xáng Nguyễn Tấn Thành nối liền kênh Nguyễn Văn Tiếp với sông Tiền. Còn đến mùa nước nổi thì chìm ngập mênh mông, chỉ di chuyển được bằng xuồng, ghe. Vì vậy, toàn vùng chỉ có cây tràm, cà na, bình bát, năng, bèo. Tuy nhiên, hệ động vật và thực vật nơi đây cũng rất phong phú với các loại chim như cò, le le, vịt trời, cá đồng, rắn, rùa, trăn... cùng với chim, cá và những loại thảo mộc đặc trưng của vùng nước phèn Tân Phước.

Miền Tây cũng là quê hương của Hòa thượng Thích Thanh Từ, Viện trưởng các thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, chưa có một thiền viện nào thuộc thiền phái được xây dựng mới tại miền Tây. Thế theo tâm nguyện của Hòa thượng Viện chủ và mong mỏi của Phật tử gần xa, muốn xây dựng một thiền viện thuộc Hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, nhằm tiếp nối, phát huy tôn chỉ và đường lối tu tập của Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt (Trúc Lâm Phụng Hoàng) do Hòa thượng chủ trương, Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt đã lập dự án và tiến hành các bước chuẩn bị cho việc xây dựng công trình mang nhiều ý nghĩa và lợi ích này.

Duyên lành hội đủ, được sự đồng thuận của HĐTS T.Ư GHPGVN, BTS Tỉnh hội PG tỉnh Tiền Giang và UBND các cấp (tỉnh, huyện, xã) cho phép Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt làm chủ đầu tư xây dựng một thiền viện thuộc Hệ phái Trúc Lâm Yên Tử mang tên **Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác** tại xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Một Ban Hưng công được thành lập với Trưởng ban là **Thượng tọa Thích Thông Phương, Phó ban Quản trị Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, trụ trì Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt**.

Giữa “Cánh Đồng Hoang” ngày nào, giờ đây một ngôi Thiền viện trang nghiêm sắp được xây dựng. Vào ngày 28 tháng 4 năm 2012 tới đây (nhằm ngày mùng 8 tháng 4 năm Nhâm Thìn), Lễ đặt đá chính thức xây dựng sẽ được cử hành.

Theo thông tin từ quý Thầy trong Ban Hưng công cho biết, Thiền

viện Trúc Lâm Chánh Giác có quy mô thuộc loại lớn trong nước với tổng diện tích là 30ha. Thiền viện được xây dựng theo mô hình truyền thống của các thiền viện thuộc Hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, với 2 khu vực biệt lập là nội viện và ngoại viện.

Cũng theo quy hoạch tổng mặt bằng, thiền viện có 25 hạng mục, bao gồm các hạng mục như chánh điện, Tổ đường, giảng đường, khu nội viện Tăng, nhà Tăng ngoại viện, trai đường, lầu chuông, lầu trống... với tổng diện tích xây dựng hơn 8.000m². Điều hết sức đặc biệt là trong bản quy hoạch, một khu vực rộng lớn được bố trí để xây dựng Tứ động tâm (Lâm Tì Ni – nơi Phật Thích Ca đản sinh; Bồ đề Đạo tràng – nơi Phật thành đạo; Vườn Lộc Uyển – nơi Phật chuyển Pháp luân và Câu Thi Na – nơi Đức Phật nhập diệt) theo đúng nguyên mẫu với tỉ lệ 6/10. Theo tỉ lệ này thì tháp Đại Giác sẽ có chiều cao khoảng hơn 31m. Đây có lẽ là điểm rất riêng của Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác mà không có một thiền viện hoặc tự viện nào trong cả nước, thậm chí cả khu vực Đông Nam Á, có được. Với khu vực Tứ động tâm này, hứa hẹn trong tương lai, Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác sẽ là nơi thu hút Phật tử và khách du lịch trong cả nước đến tham quan và chiêm bái. Ngoài ra, ngay trung tâm thiền viện sẽ xây dựng một hòn giả sơn cao khoảng 25m để làm thế tựa lưng cho Tổ đường và chánh điện.

Phật sự lớn lao này sẽ chính thức được khởi động vào ngày 28 tháng 4 năm 2012 (ngày 8 tháng 4 âm lịch) dự kiến sau 2 năm sẽ làm lễ khánh thành (giai đoạn 1) và sau 3 đến 5 năm sẽ hoàn thành tất cả các hạng mục, “tùy theo sự phát tâm công đức của Phật tử gần xa”, theo lời quý Thầy trong Ban Hưng công cho biết. Tầm ảnh hưởng và sự lợi ích của công trình này đối với cộng đồng xã hội đã có thể nhìn thấy được nếu chúng ta xem xét các ngôi thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được xây dựng trong cả nước và ở nước ngoài trong những năm qua.

Nguyện hồng ân Tam bảo, chư vị Long thiên Hộ pháp cùng giác linh liệt vị Tổ sư thủy từ gia hộ cho Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác sớm được hoàn thành, thỏa lòng mong mỏi của đồng bào Phật tử gần xa.

THIỀN VIỆN TRÚC LÂM CHÁNH GIÁC

Địa chỉ: xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

ĐT: 073 3643266



NƠI ĐÂY, BÂY GIỜ...



... VÀ NGÀY MAI ! (Quy hoạch tổng mặt bằng)

CỬA HÀNG NGỌC HIỂN

158 Nguyễn Chí Thanh, phường 3, quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355 590 – DĐ: 0983.675 570

Với nhiều sản phẩm đẹp, mới lạ

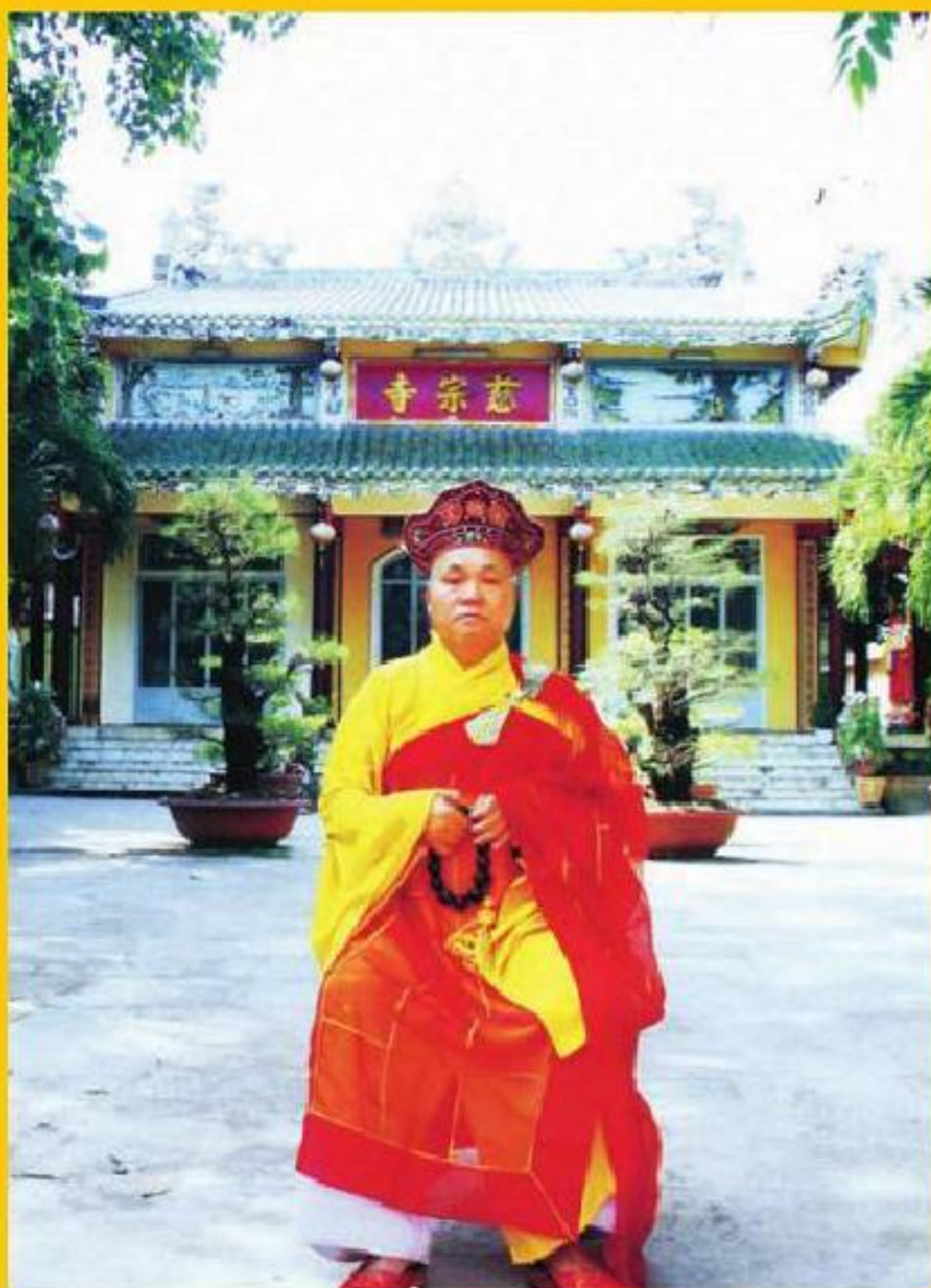


Thời gian qua, Cửa hàng Ngọc Hiển đã được chư Tăng Ni và Phật tử yêu mến về những sản phẩm đẹp của các tôn tượng Phật, Bồ tát và các vật thể chưng thờ, trang trí... với kiểu dáng mang đậm nét mỹ thuật và nghệ thuật Phật giáo.

Nhằm tri ân khách hàng và đáp ứng những yêu cầu đổi mới về nét đẹp của văn hóa mỹ thuật, Ngọc Hiển đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực tranh điện chuyển động, tranh lamina, tranh cuộn. Bao gồm: Các loại tranh Phật giáo về hình ảnh Đức Phật A Di Đà và Thánh chúng tiếp dẫn vãng sanh, Tam thế, Đức Phật Bốn Sự Thích Ca... với thiết bị điện cho phản quang ánh điện chuyển động lung linh đẹp. Các loại tranh mừng thọ, mừng sinh nhật, mừng tân gia, cứu huyền thất tổ... với nhiều kiểu nhiều kích cỡ, màu sắc và ánh điện rất bắt mắt. Ngoài ra, Ngọc Hiển còn thực hiện các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng gần xa.

Khai trương cửa hàng mới vào mùa Phật đản, Cửa hàng Ngọc Hiển với mong muốn được phục vụ tận tình cho các chùa và tự viện. Và rất mong được đón tiếp chư Tăng Ni, Phật tử và quý khách hàng gần xa đến tham quan, tùy duyên mua và đặt tranh.





Chùa Từ Tôn

Số 3 đại lộ Đồng Khởi, Tam Hiệp,
TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 0919076446

Kính mừng Phật Đản

Phật lịch 2556

Kính chúc
Chư Tôn Thiền Đức
và quý Phật tử
đạo quả viên thành

Khai sơn chùa Từ Tôn
Viện chủ NGUYỄN THỨC
THÍCH PHƯỚC TÚ

CƠM CHAY

TRÀ ĐỀ TÂM



Bô Đề Tâm

Việt Nam thượng hạng chay

- Cơm chay dưỡng sinh làm từ Hoa trái thảo thơm
- Buffet chay Cát Tường 35 món vào ngày 1, 8, 14, 15, 23, 30 ÂL và thứ 6, thứ 7 hàng tuần
- Trà chiều Bô Đề Tâm từ 15h các ngày trong tuần

Giảm giá 15%
cho khách đặt chỗ trước
(chỉ còn 148.000*)



68 Phạm Huy Thông, BD, HN – 04 3724 5872
89b Nguyễn Khuyến, ĐĐ, HN – 04 3747 5663

Hotline: 092 939 8189

www.bodetam.com.vn



Ban điều hành Chi nhánh TP.HCM



Tín hiệu vui cho người thu nhập thấp đi xe gắn máy

Công ty TNHH TM – DV Bảo Đăng là nhà phân phối chính thức độc quyền dầu nhớt HITEX sản xuất theo công nghệ Hoa Kỳ đảm nhận từ khâu nhập nguyên liệu, công nghệ sản xuất đến lúc xuất hàng và dịch vụ tư vấn sau bán hàng tại Việt Nam. Năm 2007, Công ty được thành lập tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và đã nhanh chóng đi vào sản xuất, phục vụ người tiêu dùng trong cả nước. Với tiêu chí hỗ trợ cho người đi xe gắn máy có thu nhập thấp và tạo thuận lợi trong việc chăm sóc khách hàng ở TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai... Công ty chính thức cho ra đời Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tòa nhà 181 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, TP. Hồ Chí Minh kể từ tháng 4/2012.

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với vai trò, trách nhiệm cộng đồng:

■ Tiêu chí hoạt động của Công ty:

- Cam kết và bảo đảm sản phẩm được kiểm định nghiêm ngặt hàng xuất xưởng tại nhà máy trước khi phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
- Cung cấp gói sản phẩm đặc biệt nhằm hướng đến mục đích phục vụ cho cộng đồng, nhất là tầng lớp lao động có thu nhập trung bình và thấp.
- Sản xuất đa dạng các dòng sản phẩm bao gồm: xe tay ga, xe số, xe ô tô, nhớt công nghiệp và nhớt thủy lực.

- Hỗ trợ cho khách hàng gói bảo hiểm tai nạn 24 giờ.

■ Những lợi ích khách hàng được hưởng khi sử dụng gói sản phẩm:

- Sở hữu sản phẩm đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn Mỹ với giá bán thấp hơn mặt bằng thị trường.
- Được ưu tiên những gói sản phẩm đặc biệt từ Công ty.
- Chia sẻ một phần công tác từ thiện của Công ty.

Ngoài ra, Công ty chúng tôi sẵn lòng hợp tác, chia sẻ những đóng góp một phần vào công cuộc bảo vệ môi trường thiết thực của những dòng sản phẩm của Công ty đến với khách hàng. Mong rằng quý khách hàng đồng hành cùng Hitex – An toàn và tiết kiệm cho bạn – Ích nước, lợi nhà.

Thông qua Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, cơ quan thông tin của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhân dịp Phật đản 2556-2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Điều hành Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh xin gửi lời chào mừng trân trọng đến chư tôn thiện đức Tăng Ni và kính chúc chư vị pháp thể khinh an, đạo tâm tăng trưởng, quý Phật tử và quý khách hàng gần xa sức khỏe dồi dào, mọi việc hanh thông.

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG

Vui lòng liên hệ: **Cty TNHH TMDV Bảo Đăng**, ĐC: 45 QL1A, Phước Hòa, Phước Thạnh, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. ĐT: 0733.622.989, fax: 0733.622.937, website: baodang.com.vn, email: info@baodang.com.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, tòa nhà 181 Điện Biên Phủ, P.Đa Kao, TP.HCM.
ĐT: 08 38226384 - 0916 360 777, Fax: 08 38226382 – Email: dung.tran@baodang.com.vn



Dầu nhớt cao cấp cho xe 4 thì
Hitex 300 và 500 API SF 20W50



Dầu nhớt cao cấp cho xe tay ga
Hitex Scooter API SJ 15W40



Dầu nhớt pha xăng cho xe 2 thì
Hitex Super Speed API TC SAE 30



Dầu nhớt động cơ cao cấp cho xe ô tô, du lịch
Hitex 3000 SF/CD 20W50
Hitex 5000 CF4/SJ 15W40
Dầu nhớt động cơ cao cấp cho xe tải và tàu thuyền
Hitex C-MX SF/CD 20W50
Hitex 8.0 CF4/SJ 15W40



Mỡ bôi trơn chịu nhiệt cực áp cao cấp
Hitex Multi EP



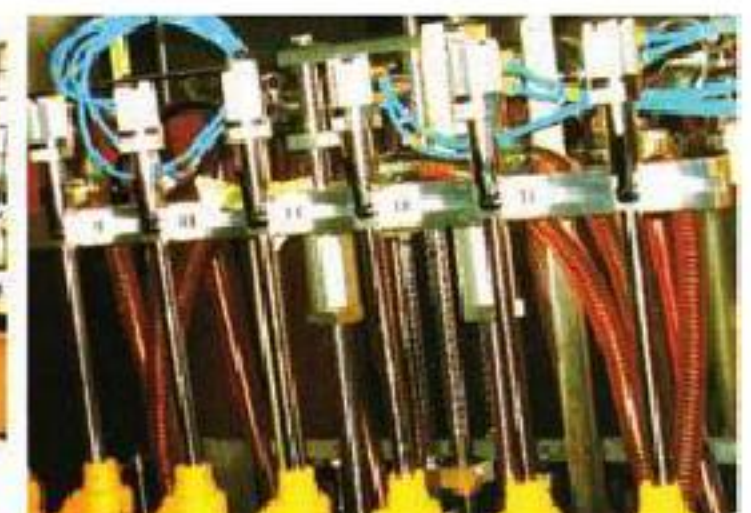
Bồn chứa 5 triệu lít



Công nghệ pha chế



Phòng Lab ASTM



Máy đóng rót 6 vòi tự động

Điểm hẹn thư giãn thú vị



Quán Lẩu tự chọn



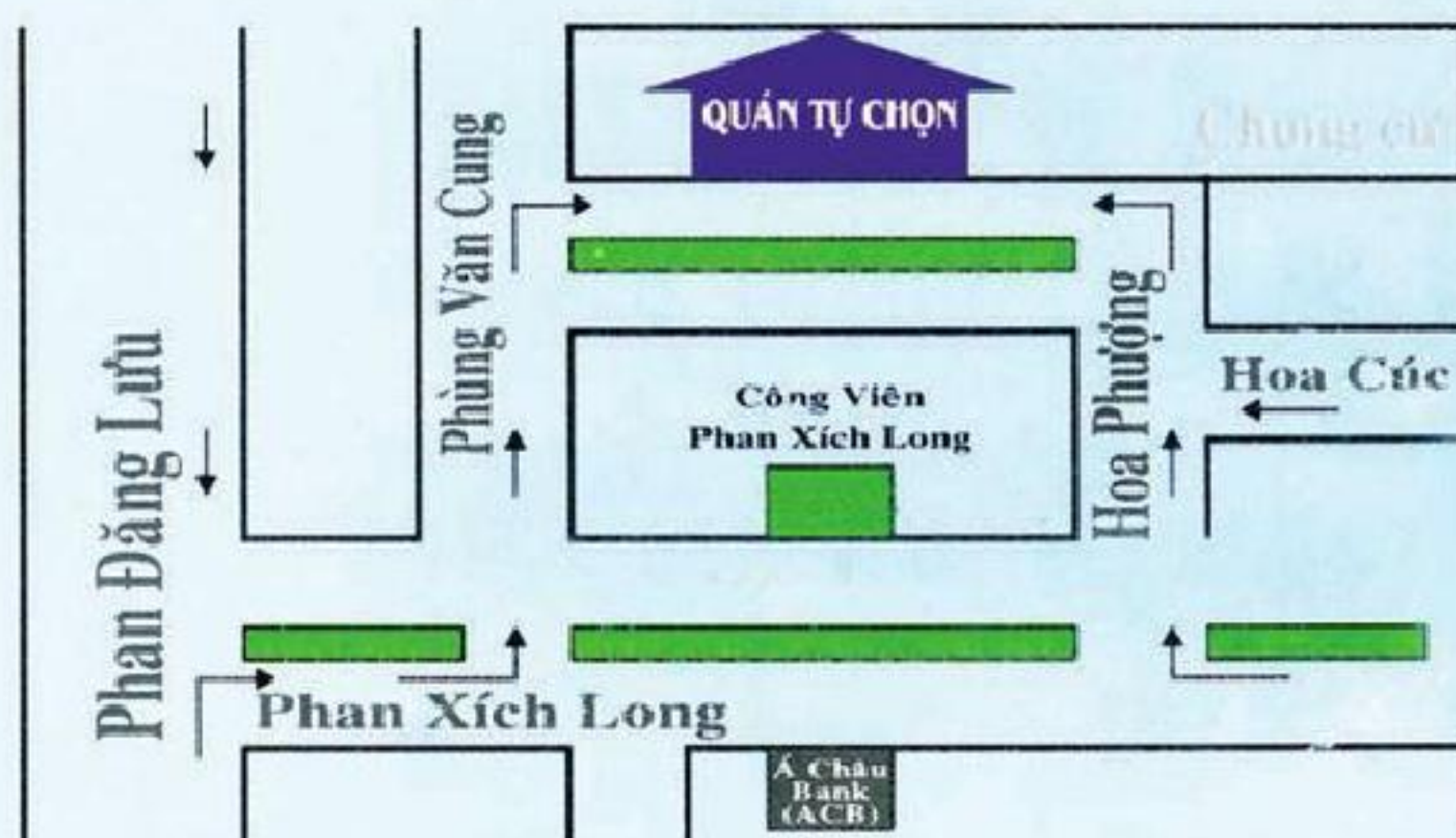
Tiệc sinh nhật



Phòng dành riêng tổ chức sinh nhật, liên hoan theo phong cách Hàn Quốc

Địa chỉ Lô F.001 Chung cư Phan Xích Long, phường 7, quận Phú Nhuận, nằm đối diện với Ngân hàng Á Châu, khách đi đến số 128 đường Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, chỉ cần đi băng qua công viên là đến quán. Nơi đây không khí thoáng mát thuận lợi trong gặp mặt để trao đổi công việc, tổ chức tiệc sinh nhật (được quán tặng bánh sinh nhật), liên hoan, họp mặt – giữ xe miễn phí.

Vào hai ngày mùng một và rằm hàng tháng, buổi trưa có suất ăn chay miễn phí cho bà con lao động nghèo... Và quán xin gửi lời chào trân trọng, cầu chúc sức khỏe dồi dào đến quý vị và rất mong được sự ủng hộ của thực khách cùng bạn hữu gần xa...



Quý khách đặt tiệc sinh nhật và liên hoan, trước một ngày xin vui lòng liên hệ cô Thu theo điện thoại số 0908188479



Thế giới DU LỊCH TÂM LINH NGỌC VIỆT TRAVEL



- ĐẤT PHẬT ẤN ĐỘ - NEPAL
- TÂY TẠNG HUYỀN BÍ
- VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO BHUTAN
- TỨ ĐẠI PHẬT SƠN TRUNG QUỐC
- MIỀN ĐIỆN - THÁI LAN

CHÙA PHỔ QUANG: 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM - ĐT: (08) 3997 7987 - 3848 3388 - Doãn Tấn: 0933 88 33 63



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion



ĐÃ DỜI QUA ĐỐI DIỆN

Số 290/21A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM - Bên cạnh Thiên Viện Quảng Đức (VP2)
Tel: (08) 3848 3399 - Website: www.vietchay.vn



Dời qua đối diện, không còn tiếng kèn - nhạc, không gian Việt Chay thuần khiết và thanh tịnh hơn...



Dời qua chỗ mới, tiết kiệm được chi phí mặt bằng nên giá rẻ hơn 35% (so với giá cũ)



Có chỗ để xe ô tô và xe máy thuận tiện...

BÁT TRÂN VIỆT CHAY



GIỜ MỞ CỬA: Từ 7h00 đến 22h00

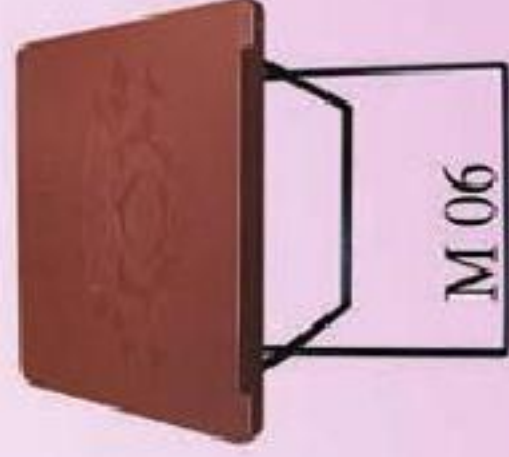
Ngày Rằm có Buffet **Hương Quê**, Mừng 1 có Buffet **Thiên Nhiên**



M 02: GỖ



M 04: GỖ



M 06

VÀNG - LAM - NÀU



M 07

VÀNG - LAM - NÀU



M 09

LAM - VÀNG



M 08

VÀNG - LAM - NÀU

- Kệ ghế chúng tôi gắn chặt, không kê không độn quá cao làm dễ bị đổ lúc chông lên nhau.
- Rất tiện lợi cho việc vận chuyển đi xa và không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.

KỆ ĐỌC KINH XẾP

THUẬN AN

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2556

50 kệ chỉ cao 1,1m

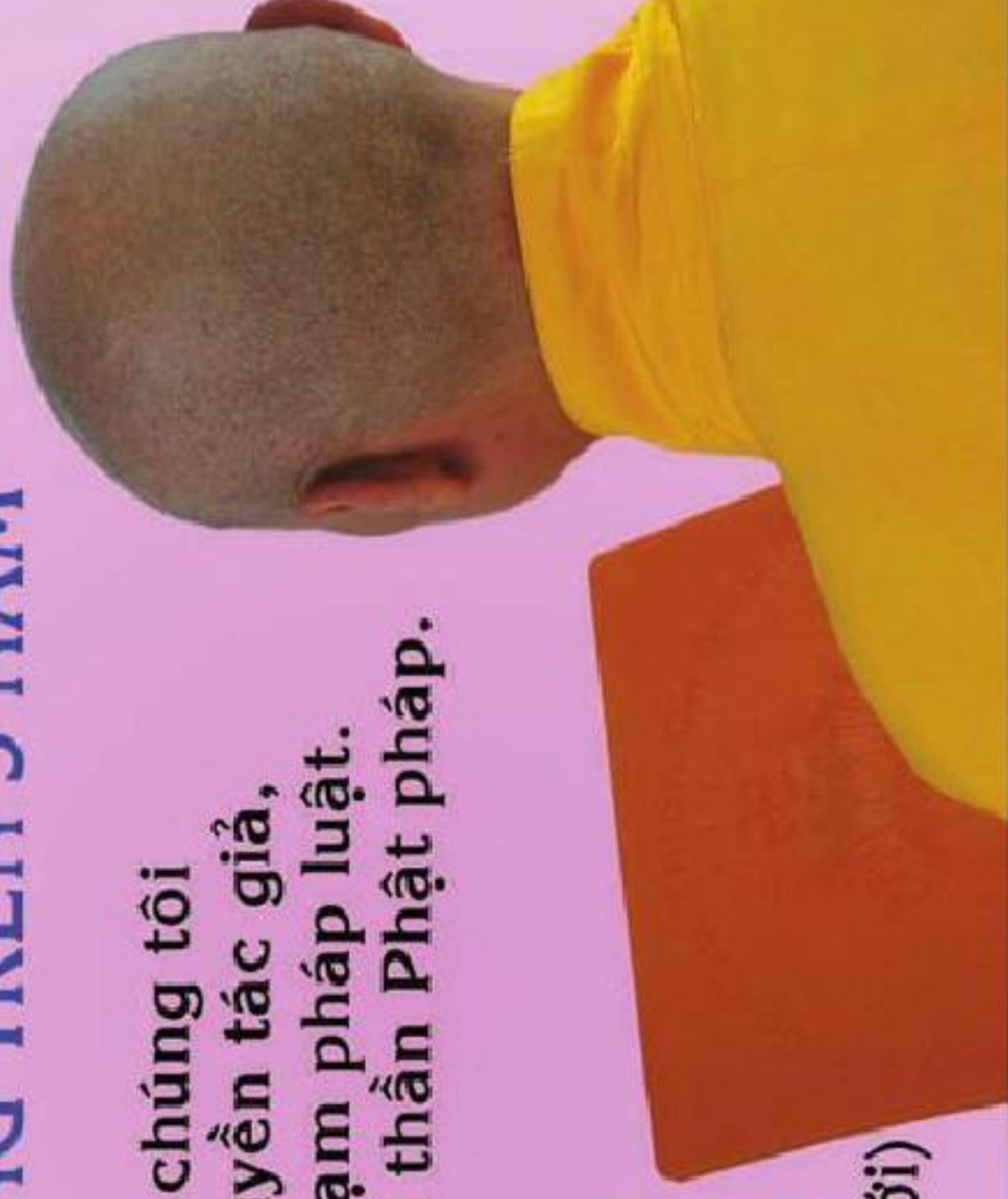


BẢO HÀNH 2 NĂM
THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

Toàn bộ sản phẩm của chúng tôi có đăng ký Cục Bản quyền tác giả, mọi sao chép đều vi phạm pháp luật. Không phù hợp với tinh thần Phật pháp.

ĐỊA CHỈ : 105M/27
HỒ THỊ KỶ P1 Q10

08-38351185-0903955150
PD. Tuệ Hiếu (Trần Ngọc Tới)



Giày Da Công Nghệ Cao

Vina-Giày®



**Thương Hiệu Được Chứng Nhận
Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam**



**Phong Cách
& MỚI**



**CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC**

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Q Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax : (08) 38031192
- * 180 -182, Lý Chính Thắng, P9, Q3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax : (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P12, Q Phú Nhuận
Tel : (08) 39974429 - (08) 39974430
(08) 39974431
- * 365 Cộng Hoà, P13, Q Tân Bình
Tel : (08) 38100045
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel : (08) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel : (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q3
Tel : (08) 39316534
- * 216B-216C Quang Trung, P10, Gò Vấp
Tel : (08) 38941621



LIÊN TIẾP 15 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'07'08'09'10'11'
**HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO**



ĐẠT CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT BỐN NĂM LIÊN 07' 08' 09' 10'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH
Thương hiệu Việt

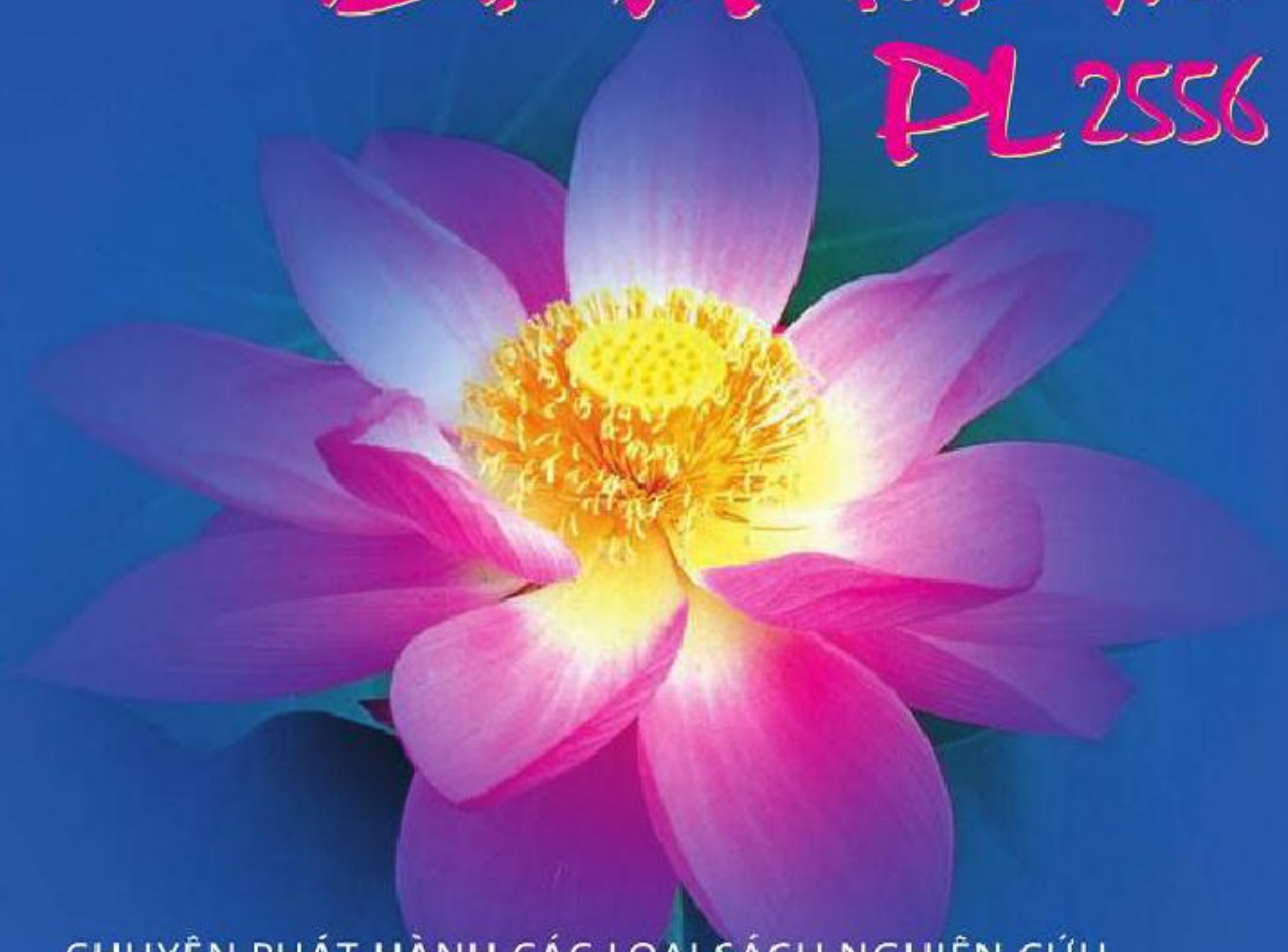
Luôn Đi Cùng Thành Công Và May Mắn Của Quý Khách

Nhà sách

TRÍ TUỆ

Kính mừng

Đại lễ Phật đản
DL 2556



CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC
VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

203 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.522, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthinh@gmail.com



Đón mừng Đại lễ Phật đản LỄ 30/4 & 1/5 Ngọc Bích Nephrite giảm 50%



○ Đón mừng Đại lễ Phật đản và lễ 30/4 & 1/5, Cửa hàng Ngọc Bích-Nephrite giảm giá 50% trên tất cả các sản phẩm cho Quý khách hàng từ 21/04 đến hết ngày 1/5.

○ Ngọc bích là một trong hai loại đá quý, ngọc bích Nephrite và ngọc bích Jadeite. Ngọc bích đẹp nhất từ mỗi vụ khai thác tại Canada được tuyển lựa để làm nữ trang và điêu khắc được tạo ra bởi một số điêu khắc gia ngọc bích bậc thầy của thế giới. Ngọc bích khác thì được lựa chọn để làm sản phẩm lưu niệm và đồ sưu tập.

○ Đến với cửa hàng "Ngọc Bích-Nephrite" của chúng tôi, quý khách có thể an tâm về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ.



☐ Mọi chi tiết xin liên hệ:

❖ 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, quận 3, TP HCM. ĐT: (08) 54043752 - 0121.6855616

❖ B10 Trường Sơn, Cư Xá Bắc Hải, P.15, quận 10, TP HCM. ĐT: (08) 39700354

❖ Hotline: 0918191099. Email: sales@ngocbich-nephrite.com. Website: <http://www.ngocbich-nephrite.com>

NHÀ MAY

Vạn Hạnh

Nơi đáng tin cậy về y phục Phật giáo

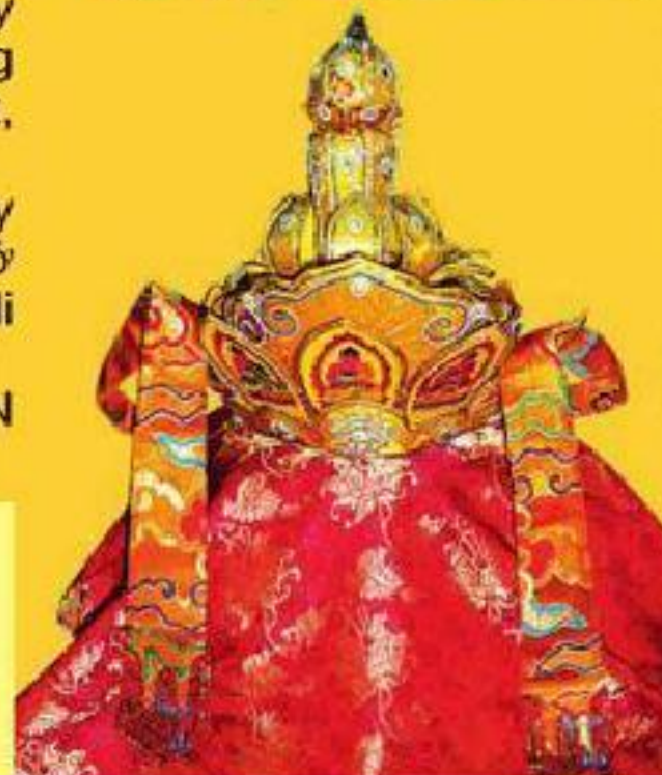
Được huynh đệ giới thiệu, tôi đến nhà may Vạn Hạnh để đặt may áo tràng vì đáng người của tôi hơi quá cỡ trung bình.

Bước lên lầu 1, tôi bị choáng ngợp bởi không gian sắc màu của y phục Phật giáo của nhà may. Từ pháp y kinh sư nhiều màu sắc trang trọng, y hậu, áo tràng, nhật bình, quốc phục, mào... Khách đến mua (hoặc đặt may và may đo tận nơi) tùy thích chọn lựa vải cũng như chọn từ lượng hàng may sẵn khá dồi dào, màu sắc trang nhã, bắt mắt, chất lượng vải tốt và giá cả cũng khá mềm.

Với uy tín của thương hiệu trên thị trường may mặc Phật giáo đã giúp cho Nhà may Vạn Hạnh trở thành nơi thân quen và đáng tin cậy của chư Tăng Ni và Phật tử trong nước cũng như ở nước ngoài.

LINH ĐAN

Địa chỉ: 603 (lầu 1) đường Điện Biên Phủ,
phường 1, quận 3, TP.HCM
(đầu ngã 7 - lên lầu 1 gặp cô Tịnh)
ĐT: 08.3830 1956 - 08.3504 0672
ĐD: 0903 343183. Web: www.van-hanh.coo.vn





DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quà lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...

ấn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục

TRUNG TÂM TIN HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

- ❖ Đào tạo
- ❖ Tổ chức thi
- ❖ Liên kết đào tạo
- ❖ Liên kết tổ chức thi

cấp CHỨNG CHỈ A, B TIN HỌC

□ Đánh dấu cột mốc 200 khóa với 300.000 lượt học viên tăng:

PHIẾU GIẢM GIÁ 100.000 ĐỒNG

sử dụng cho các khóa học trong tháng 5-2012 liên hệ:

- Văn phòng: 221 Nguyễn Văn Cừ, quận 5
- ĐT: 38.392.549
- Email: thsp.edu@gmail.com
- Website: www.thsp.edu.vn



Công ty TNHH TM-SX QUANG NGHỆ

光 QUANG NGHE CO., LTD. 藝
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

* Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

* Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.



Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước.

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5 - Q.11 - TP.HCM

ĐT: (08) 38840.322 - 22000.993 - **Fax:** (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



Cửa hàng 502 ĐBP

Đang sửa chữa, tạm dời về địa chỉ 530 Điện Biên Phủ

- Kinh Sách, Băng Đĩa Phật Giáo
- Pháp Phục - Pháp Khí
- Tranh, Tượng Phật

ĐC: 502 Điện Biên Phủ, P. 11, Q. 10
ĐD: 090 880 88 36 - 0906808836
0903763002

ĐT: (08) 2241 9056

(08) 2241 9057

Fax: 08 38 304215

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH TÂM MINH

65 Lý Chính Thắng, P.8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08.3848 3075 - E-mail: h_vt7@yahoo.com



○ **Chuyên phát hành sỉ và lẻ:**
Kinh sách, đĩa, ấn phẩm Phật giáo
lồng đèn và cờ Phật đản

○ **Đặc biệt:**

Áo tràng vạt khách, Nhật bình, La hán,
Túi, Dây, Đồ vạt khách chú tiểu, Đồ bộ thiền...
Chuông gió, Máy niệm Phật. Đồ phong thủy.



SAI GON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mặt hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)

Email: hongthao268@yahoo.com.vn

VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Chuyên cung cấp: Đĩa, kinh sách, chuỗi hạt, tranh, tượng Phật, pháp khí, pháp phục Phật giáo.

❖ Đặc biệt có đầy đủ sách, đĩa thuyết giảng các khóa tu do chùa Hoàng Pháp phát hành.

□ Địa chỉ: 128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

□ Điện thoại: 0710 - 3810 826

❖ Nhân dịp Mừng Phật đản và kỷ niệm 5 năm ngày thành lập phòng phát hành, có chương trình giảm giá 10% áp dụng trong 3 ngày 28, 29 và 30/4 (nhằm ngày mùng 8, 9, và 10 tháng 4 âm lịch).

THÔNG BÁO

THAM DỰ KHÓA THIỀN VIPASSANĀ QUỐC TẾ TỨ NIỆM XỨ PA AUK - MYANMAR NĂM 2012

Được sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Chính phủ, thiền viện Nguyên Thủy sẽ tổ chức Khóa Thiền Vipassanā Quốc tế "Tứ niệm xứ - Pa Auk năm 2012", do Thiền sư ASHIN AGGANNA, Thiền sư UTEJINDA, quốc tịch Myanmar hướng dẫn, khai mở khóa thiền kể từ ngày 07-5-2012 đến 04-8-2012, gồm 6 khóa Thiền, mỗi khóa Thiền là 10 ngày:

Khóa 1: từ ngày 07-5-2012 đến ngày 16-5-2012

Khóa 2: từ ngày 23-5-2012 đến ngày 01-6-2012

Khóa 3: từ ngày 08-6-2012 đến ngày 17-6-2012

Khóa 4: từ ngày 24-6-2012 đến ngày 03-7-2012

Khóa 5: từ ngày 10-7-2012 đến ngày 19-7-2012

Khóa 6: từ ngày 26-7-2012 đến ngày 04-8-2012

Kính mời chư Tăng Ni, Phật tử và các hành giả đăng ký tham dự các khóa tu Thiền kể từ ngày ra thông báo này với Ban Tổ chức thiền viện NGUYỄN THỦY, số 33A, đường 10, khu phố 1, P.Cát Lái, Q.2, TP.HCM. ĐT: (08) 3742.0214 – 0902.533.086 – 0909.832.842

BAN TỔ CHỨC THIỀN VIỆN NGUYỄN THỦY

Thượng tọa **PHÁP CHẤT**

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

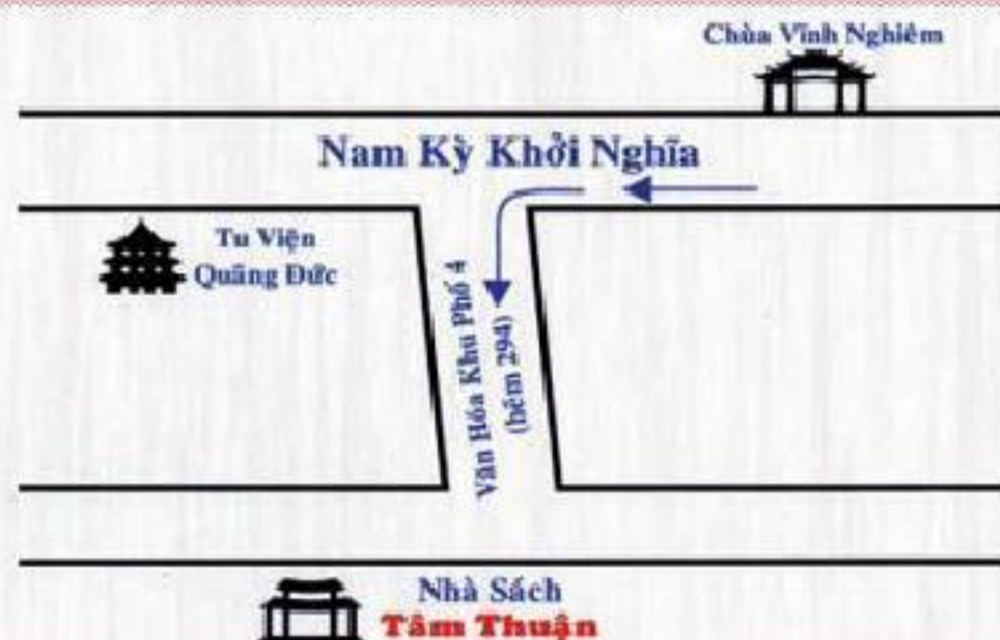
TÂM THUẬN



Kinh, sách, văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
Pháp cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 22477809

Đ/C: 82/110 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
Điện thoại: (08) 22477809 - ĐD: 0902 40 47 48



QUÁN CHAY



Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

HIỆU SÁCH NGỌC LINH

Số 380/3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3843 5550 – 0908 348 697 – 090 373 6262

Email: hngoclinh@yahoo.com

Chuyên phát hành si & lễ:

- ❑ KINH SÁCH PHẬT GIÁO, SÁCH NGHIÊN CỨU
- ❑ BÁO CHÍ PHẬT GIÁO, TRANH TƯỢNG PHẬT
- ❑ CÁC MẬT HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
- ❑ QUÀ TẶNG, HÀNG LƯU NIỆM, MÀY NIỆM PHẬT
- ❑ PHÁP PHỤC PHẬT GIÁO

Chi nhánh tại Tiền Giang:

Địa chỉ: 89B Ấp Bắc, phường 4, Mỹ Tho

ĐT: (073) 3877794 – 0908 766 441

Email: hoatamngoclinh@yahoo.com

Neosign **ĐẠI CAO THỂ**

HÀO QUANG “PHẬT”

Chuyên Sản Xuất & Thi Công

ĐÈN HÀO QUANG PHẬT

Không Ngại Làm Xa



ĐC: 543 TÔ NGỌC VÂN - P. TAM PHỦ - Q. THỦ ĐỨC - TP. HCM

ĐT: 08 2240 2812 - ĐD: 090 88 77 912

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG TỪ THIỀN

- ❖ Phnom Penh - Bangkok - Siem Reap. Giá 3.700.000VND (7 ngày 6 đêm)
- ❖ Campuchia - Lào - Thái Lan - Myanmar. Giá 7.500.000VND (10 ngày 9 đêm)
- ❖ Campuchia - Thái Lan - Ấn Độ - Nepal. Giá 1.300USD (20 ngày 20 đêm)

Liên hệ: Sư Tạng Minh: 01647826121 - ĐT: 08. 62750789

Địa chỉ: 95 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Website: chuongtrinhthutien.mov.vn

Quý khách đi tham quan và ăn uống ngoài chương trình của Ban Tổ chức, vui lòng chi trả tự túc.

GÒCCUỘC SỐNG
làm giàu những ước mơ

www.goccuocsong.vn

